

Ngày 04 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**

Mã chứng khoán: **MSR**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Website: [www.masangroup.com/masanresources](http://www.masangroup.com/masanresources)

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan công bố Báo cáo Thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/04/2019 tại đường dẫn [https://www.masangroup.com/masanresources/investor-center/corporate-announcements?lang\\_ui=vn](https://www.masangroup.com/masanresources/investor-center/corporate-announcements?lang_ui=vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**PHẠM NGUYỄN HẢI**

**MASAN**  
RESOURCES



**TỪ TÀI NGUYÊN CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM**



**ĐẾN VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO TOÀN CẦU**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018





APT

Muối Ammonium Paratungstate

BTO

Vonfram Trioxid tinh chế thể màu xanh

YTO

Vonfram Trioxid tinh chế thể màu vàng

# Mục lục

	Dấu ấn 2018	7			
	Thông điệp từ Tổng Giám đốc	9			
<b>01</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>21</b>	<b>04</b>	<b>BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>73</b>
	Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh	22		Báo cáo Định hướng kinh doanh	74
	Hồ sơ Công ty	23		Báo cáo Đánh giá của Ban giám đốc	81
	Hành trình trở thành nhà cung cấp vonfram hàng đầu	24		Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị	84
	Tài sản chính của MSR	26		Báo cáo Đánh giá của Ban Kiểm soát	87
	Hệ thống phân phối sản phẩm	28		Báo cáo Quản trị Công ty	91
	Đặc tính sản phẩm	30		Báo cáo Quản lý Nhân sự	98
	Quy trình sản xuất hóa chất vonfram	38		Báo cáo Quản lý Rủi ro	104
	Thông tin cổ đông	40	<b>05</b>	<b>VỮNG BƯỚC CHẠNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>109</b>
<b>02</b>	<b>CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN</b>	<b>43</b>		Nâng cao quản trị phát triển bền vững	112
	Mục tiêu Phát triển Công ty	45		Hướng đến nền kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững	116
	Mục tiêu Phát triển xã hội	45		Quan tâm đến trẻ em - hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu	120
	Chiến lược thực thi của Masan Resources	46	<b>06</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>123</b>
	Đánh giá Chiến lược thực thi của Masan Resources	47		Thông tin về Công ty	124
	Chiến lược phát triển trung hạn của Masan Resources	48		Báo cáo của Ban Giám đốc	125
<b>03</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ</b>	<b>53</b>		Báo cáo Kiểm toán độc lập	126
	Cơ cấu Tổ chức	54		Bảng cân đối kế toán	127
	Cơ cấu Quản lý	60		Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	131
	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>	60		Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	133
	<i>Hội đồng quản trị</i>	60		Thuyết minh Báo cáo tài chính	136
	<i>Đội ngũ quản lý của MSR</i>	61		Khuyến cáo đối với các nhận định về tương lai	178
	<i>Ban kiểm soát của MSR</i>	68		Các từ viết tắt/ Định nghĩa	179
	<i>Ủy ban phát triển bền vững</i>	71			
	<i>Ủy ban quản lý rủi ro</i>	71			



**MÔ HÌNH KINH DOANH HỢP NHẤT  
TẠO DÒNG TIỀN MẠNH, LỢI NHUẬN CAO**

**SỞ HỮU HỢP NHẤT CÔNG NGHỆ CHÉ BIẾN  
TIỀN TIẾN VỚI ĐỘI NGŨ CHUYÊN GIA  
HÀNG ĐẦU TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

**VỊ THẾ ĐỘC TÔN CHO NHỮNG  
MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC VÀ  
SÁT NHẬP CHIẾN LƯỢC**

**KIẾN TẠO GIÁ TRỊ CHUNG VÌ  
CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
(SDGS)**





## T hông điệp từ Tổng giám đốc

Kính thưa các Quý Cổ đông

Thưa toàn thể Quý vị,

Với niềm tự hào, tôi xin trân trọng giới thiệu đến quý vị bản Báo cáo Thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan (“Công ty”, “MSR” hoặc “Masan Resources”): Đây là một năm tiếp nối thành công nhờ sự cam kết, tận tâm của toàn thể cán bộ-công nhân viên, nhờ tinh thần làm việc cùng nhau của các bên liên quan hướng tới mục tiêu chung đã đề ra.

Khoảng 8 năm trước, chúng tôi đã khởi động Dự án với tầm nhìn “Xây dựng Masan Resources trở thành Nhà sản xuất hàng đầu có khả năng dẫn dắt sự thay đổi của thị trường vonfram toàn cầu”. Năm 2018 là năm đỉnh điểm mà Công ty đã thực thi tầm nhìn ban đầu này; tầm nhìn này sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong năm 2019 để hướng tới một tương lai đầy hứng khởi đang chờ đón Công ty.

Như quý vị đã biết, vào tháng 8 năm 2018, chúng tôi đã hoàn tất việc sở hữu 100% Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C.Starck sau khi mua lại 49% phần vốn góp của đối tác liên doanh - Công ty H.C.Starck GmBH. Tôi xin cảm ơn đối tác H.C.Starck về những đóng góp và hỗ trợ trong việc xây dựng thành công một nhà máy chế biến Hóa chất Vonfram tại Việt Nam và xin chúc H.C.Starck tiếp tục gặt hái thành công trong tương lai.

Với việc sở hữu 100% nhà máy chế biến Hóa chất Vonfram, chúng tôi đã đổi tên Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C.Starck thành Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”), đặt lại nhãn hiệu sản phẩm là Vonfram Masan (“Masan Tungsten”). Sự thay đổi này của chúng tôi đã được thị trường tiếp nhận một cách thuận lợi. Từ thời điểm mua lại, chúng tôi đã cùng nhau nỗ lực để khai thác những lợi ích cộng hưởng được kỳ vọng sẽ đạt được hoàn toàn trong năm 2019. Điều đáng nói là trong năm 2018, Công ty đã gia tăng việc chế biến nguyên liệu vonfram thô mua từ bên ngoài lên đến 350%, đạt 937 tấn  $WO_3$ . Khả năng mở rộng nguồn cung cấp nguyên liệu bên ngoài mỏ Núi Pháo là yếu tố quan trọng đối với những tham vọng tăng trưởng trong tương lai của Công ty, và việc thực hiện thành công điều đó trong năm 2018 là một minh chứng thực tế cho trình độ và năng lực của Ban điều hành Masan Resources. Nó cũng mở ra nhiều lựa chọn cho đường hướng phát triển của MSR.

Tại nguồn cung cấp nguyên liệu chính là mỏ Núi Pháo, các sáng kiến cải tiến chu trình tuyển Vonfram của nhà máy chế biến giúp tăng tỷ lệ thu hồi Vonfram lên thêm 3,7% trong năm 2018. Các giải pháp tối ưu hóa chu trình chế biến hiện nay được kỳ vọng là sẽ tiếp tục đem lại những kết quả tốt hơn trong năm 2019. Mặc dù tỷ lệ thu hồi vonfram được cải thiện, nhưng tổng sản lượng Vonfram tại Núi Pháo lại giảm 15%, do hàm lượng đầu vào và tổng lượng cấp liệu giảm trong năm 2018. Nhìn tổng thể, sản lượng Hóa chất Vonfram chỉ giảm 5% so với năm trước do được bù đắp bởi lượng nguyên liệu vonfram thô mua từ bên ngoài.

Sản lượng các dòng sản phẩm chính khác của Masan Resources đều tăng và đạt mức kỷ lục so với năm trước như Florit tăng 2%, Đồng tăng 10% và Bismut tăng 10%. Hoạt động của chu trình tuyển Florit trong quý IV năm 2018 rất đáng ghi nhận với tỷ lệ thu hồi trong quý tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước, giúp cho tỷ lệ thu hồi cả năm của sản phẩm này tăng 4,0%. Hiện Ban điều hành đang tập trung duy trì tỷ lệ thu hồi này trong suốt năm 2019.

### Doanh thu thuần, EBITDA và Lợi nhuận sau thuế tăng kỷ lục

Doanh thu thuần tăng 27% - Doanh thu thuần của MSR đạt 6.865 tỷ đồng trong năm 2018, tăng 27% so với 5.405 tỷ đồng trong năm 2017. Mức giá tốt hơn đối với các dòng sản phẩm chính của MSR trong năm 2018 đã tạo nên mức doanh thu cao hơn hẳn so với cùng kỳ năm trước.

Việc tập trung để cải thiện giá bán thực tế của Công ty tiếp tục đem lại hiệu quả với giá bán thực theo hàm lượng vonfram qui đổi tương đương trong năm 2018 cao hơn 7,2% so với cùng kỳ năm 2017.



EBITDA đạt 3.331 tỷ đồng – EBITDA năm 2018 của MSR tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Do biên chế biến nguyên liệu vonfram thô được thu mua từ bên ngoài thấp hơn nên biên lợi nhuận EBITDA cũng giảm từ 51,5% trong năm 2017 xuống còn 48,5% trong năm 2018.

Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông tăng 222% - MSR ghi nhận khoản lợi nhuận thuần phân bổ trong năm 2018 là 664 tỷ đồng, tăng 222% so với cùng kỳ năm ngoái với biên lợi nhuận thuần đạt 9,7%.

### Trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng – tiếp tục VỮNG BƯỚC

Chúng tôi khuyến khích quý vị tìm hiểu thông tin chi tiết về các hoạt động của Công ty đối với các lĩnh vực liên quan đến con người, cộng đồng, sức khỏe, môi trường, an toàn và an ninh... trong Báo cáo Phát triển bền vững 2018 của Công ty.

Năm 2018 MSR tiếp tục hành trình thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với mọi hoạt động của Công ty.

Về môi trường, bốn trạm quan trắc nước thải tự động đã đi vào hoạt động. Tất cả nước thải từ các công trình của Masan Resources đều được lấy mẫu, phân tích theo thời gian thực và gửi trực tiếp dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng và lắp đặt một trạm quan trắc khí theo thời gian thực. Dữ liệu của trạm cũng được gửi trực tiếp về cơ quan quản lý nhà nước. Những sáng kiến trên đã giúp cơ quan quản lý nhà nước và người dân biết rõ được chất lượng của nguồn nước và không khí tại các khu vực hoạt động của nhà máy của Masan Resources.

Về góc độ sử dụng lao động, mặc dù số tai nạn gây mất ngày công lao động năm 2018 đã được cải thiện, chỉ có 2 so với 3 vụ trong năm 2017, song vẫn có sự việc đáng tiếc xảy ra. Điều không may là cho dù Công ty đã nỗ lực hết sức nhưng vẫn xảy ra việc có hai công nhân của nhà thầu bị tai nạn khi đang làm việc tại công trường của Công ty tại Thái Nguyên. Cả hai tai nạn đều liên quan đến thiết bị, công việc chân tay và hoàn toàn có thể tránh được nếu người lao động tuân thủ chặt chẽ quy trình thực hiện. Chúng tôi đã xem xét các vụ tai nạn một cách thận trọng và nhận thấy có khoảng cách về công tác đào tạo an toàn cho người lao động giữa Masan Resources và các nhà thầu.

Công ty đã phát động chiến dịch tăng cường an toàn lao động để thu hẹp khoảng cách về công tác đào tạo và tuân thủ quy trình an toàn lao động giữa các nhà thầu và Masan Resources. Chương trình sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2019 với trọng tâm là đào tạo phòng tránh rủi ro, củng cố thực hành an toàn hiệu quả, và hướng tới xây dựng một môi trường làm việc không có tai nạn lao động.

Về lĩnh vực cộng đồng, MSR tiếp tục thực hiện các sáng kiến phát triển cộng đồng với khoản đóng góp trên 5 tỷ đồng cho các hoạt động về môi trường, kinh tế và xã hội. Các chương trình của Công ty tiếp tục mang lại những kết quả tích cực, góp phần tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống cho người dân. Ghi nhận những nỗ lực của chúng tôi, trong năm 2018 Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con của Masan Resources đã được bình chọn vào hạng “Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018” và “Top 100 Doanh nghiệp Sao vàng Đất Việt 2018”. Mặc dù đây là những danh hiệu cao quý đối với Công ty, nhưng phần thưởng thực sự quan trọng chính là được chứng kiến những tác động tích cực mà MSR mang lại cho cộng đồng và đây mới chính là ngôi sao vàng cao quý nhất.

### Sau năm 2020

Masan Resources đã trải qua một hành trình dài 8 năm, chuyển dịch từ một dự án khai thác khoáng sản thành nhà cung cấp tài nguyên chiến lược của Việt Nam cho khách hàng sử dụng vật liệu công nghệ cao toàn cầu. Các dòng sản phẩm của Công ty là những thành tố then chốt trong chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp toàn cầu, tích hợp vào những cải tiến đang diễn ra trong lĩnh vực vật liệu bán dẫn, in 3D, khoa học người máy, ô tô điện, năng lượng tái tạo, y khoa và hàng không vũ trụ.

Trong khi các mục tiêu chiến lược và phát triển của Công ty vẫn không thay đổi, thì tuyên bố hiện tại về Tầm nhìn của Công ty vẫn chưa thực sự truyền tải hết được tầm nhìn tương lai của Công ty. Chúng tôi tin rằng đây là thời điểm phù hợp để lựa chọn một tầm nhìn mới phản ánh đầy đủ khát vọng của Masan Resources. Từ năm 2019 trở đi, tầm nhìn của chúng tôi sẽ là “đưa nguồn Tài nguyên Chiến lược của Việt Nam thành Vật liệu Công nghệ cao toàn cầu”.

Vẫn biết rằng để thực hiện điều này, MSR không thể tự thực hiện một mình, tuy nhiên với vai trò là nhà sản xuất APT lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc, nhà sản xuất Florit lớn thứ hai thế giới và nhà sản xuất Bismut lớn nhất thế giới, Công ty sở hữu vị thế độc tôn cho những mối quan hệ hợp tác và sát nhập chiến lược.

MSR có lộ trình rõ ràng để nâng cao khả năng cạnh tranh và vị thế trên thị trường trong những năm tới, thông qua:

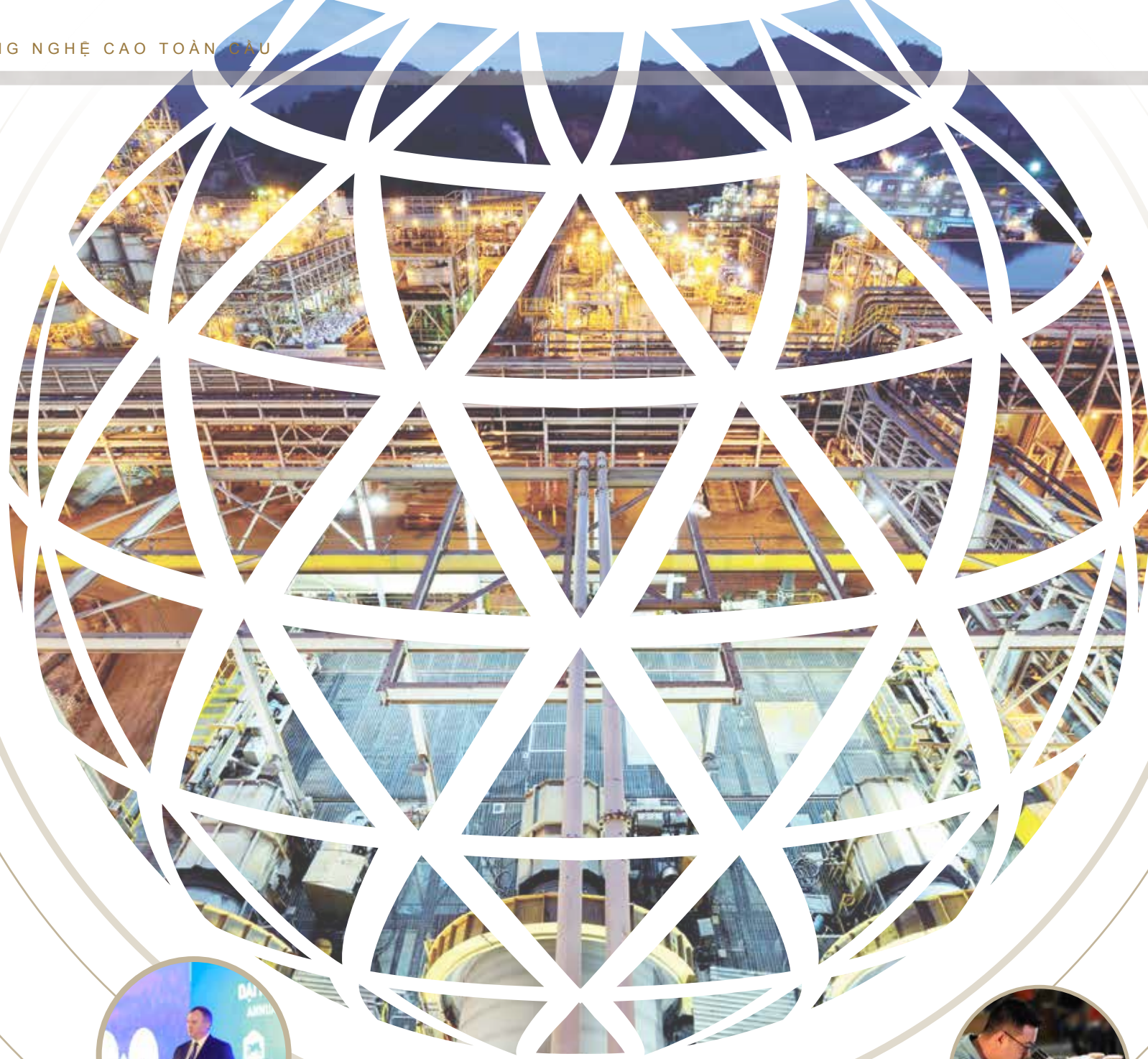
- Mở rộng thị phần APT của Công ty từ 36% lên 50% hoặc lớn hơn bằng cách tăng công suất của Nhà máy Hóa chất Vonfram lên 12.000 tấn vào năm 2021
- Củng cố nguồn cung nguyên liệu vonfram và khả năng tái chế vonfram để đảm bảo việc cung ứng bền vững
- Trở thành nhà sản xuất vật liệu công nghệ cao toàn cầu trước 2020

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn các đối tác, khách hàng và các quý cổ đông của Công ty đã tin tưởng và đồng hành với Masan Resources trong suốt thời gian qua.



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc





## Tầm nhìn

TÀI NGUYÊN CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM  
TRỞ THÀNH VẬT LIỆU CHO CÔNG NGHỆ CAO  
TOÀN CẦU

## Sứ mệnh

TRÊN CƠ SỞ THỰC HÀNH CÁC TIÊU CHUẨN TỐT NHẤT THẾ GIỚI, MASAN RESOURCES KHÔNG NGỪNG TĂNG TRƯỞNG VÀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỚI MỤC ĐÍCH GIA TĂNG GIÁ TRỊ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG. CHÚNG TÔI ĐÃ QUY TỤ MỘT ĐỘI NGŨ CÁC CHUYÊN GIA ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI DÀY KINH NGHIỆM LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, NHỮNG NGƯỜI ĐAM MÊ CHỨNG TỎ VỚI THẾ GIỚI RẰNG MỘT CÔNG TY VIỆT NAM CÓ THỂ DẪN ĐẦU SỰ THAY ĐỔI CỦA THỊ TRƯỜNG VONFRAM TOÀN CẦU.





## Kết quả kinh doanh năm 2018

### Tài chính



**Doanh thu thuần tăng 27%** - Doanh thu thuần của MSR đạt 6.865 tỷ đồng trong năm 2018, tăng 27% so với 5.405 tỷ đồng trong năm 2017, do giá bán các sản phẩm chính của Công ty đều cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Chiến lược tăng giá thực bán của Ban điều hành tiếp tục đem lại hiệu quả với việc giá thực bán theo hàm lượng vonfram tương đương trong năm 2018 cao hơn 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

**EBITDA đạt 3.331 tỷ đồng** - Mặc dù hàm lượng vonfram đầu vào thấp hơn dẫn đến sản lượng theo hàm lượng vonfram tương đương giảm 9,4%, nhưng EBITDA của Công ty trong năm 2018 vẫn tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, Công ty đã tăng lượng chế biến nguyên liệu vonfram của bên thứ ba từ 237 tấn theo hàm lượng vonfram tương đương năm 2017 lên 958 tấn trong năm 2018. Do biên lợi nhuận cho nguyên liệu mua từ bên thứ ba thấp hơn nên biên EBITDA của Công ty trong năm 2018 là 48,5% thấp hơn so với năm 2017 là 51,5%.

**Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông Công ty tăng 222%** - Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận thuần phân bổ trong năm 2018 là 664 tỷ đồng, tăng 222% so với năm 2017. Biên lợi nhuận thuần đạt 9,7%. Thực hiện các sáng kiến tái cơ cấu các khoản nợ được đưa ra trong báo cáo kế toán quản lý của 6 tháng đầu năm 2018, Công ty đã phát hành thành công trái phiếu mệnh giá 1,500 tỷ đồng có kỳ hạn hấp dẫn để có thể tái cơ cấu một phần các khoản nợ hiện hữu bằng việc gia hạn thời điểm đáo hạn của các khoản nợ để tối ưu hóa dòng tiền thu được trong ngắn hạn.

Tỷ đồng	Năm 2018	Năm 2017	Tăng trưởng
Kết quả báo cáo tài chính hợp nhất của Masan Resources <sup>(1)</sup>			
Doanh thu thuần	6.865	5.405	27%
EBITDA <sup>(2)</sup>	3.331	2.784	20%
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông của Công ty ( <i>Chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> )	664	206	222%

(1) Các số liệu tài chính được dựa theo số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

(2) Lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao (EBITDA) sau khi trừ các khoản thu nhập và chi phí khác.

**Kết quả sản xuất nổi bật**



Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram đã giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 2,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,7% so với năm 2017. Việc tối ưu hóa chu trình đang diễn ra được kỳ vọng sẽ giúp tăng trưởng của Công ty cao hơn trong năm 2019. Mặc dù Công ty đã có những cải tiến nâng cao tỷ lệ thu hồi vonfram và tăng khối lượng nguyên liệu mua từ bên thứ ba, nhưng tổng sản lượng vonfram lại thấp hơn so với năm 2017 do hàm lượng đầu vào thấp hơn.

Hiệu suất chu trình tuyển florit trong quý 4 đạt mức kỷ lục với tỷ lệ thu hồi cao hơn 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thu hồi tính theo cả năm tăng 4,0%. Hiện Công ty đang tập trung duy trì các mức tỷ lệ thu hồi này trong suốt năm 2019.

Ban lãnh đạo giám sát chặt chẽ các chi phí và đẩy nhanh việc đưa vào vận hành các dự án nâng cấp tài sản, đặc biệt là các dự án nâng cấp khu vực tuyển Vonfram và Florit của NPMC, kết hợp với các lợi ích có được từ việc tích hợp kinh doanh với MTC để duy trì vị thế của Công ty là một trong những nhà sản xuất toàn cầu với chi phí thấp nhất.

**Phát triển thị trường**



MSR hướng đến thu mua thêm nguyên liệu thô từ các nguồn cung bên ngoài để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm hóa chất vonfram. Nhờ việc mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, MSR hiện sở hữu nhà máy chế biến vonfram lớn nhất trên thế giới về công suất và trở thành nhà sản xuất hóa chất vonfram số một ngoài Trung Quốc, chiếm 36% thị phần ngoài Trung Quốc.

Với việc thường xuyên tham gia các diễn đàn lớn trên thế giới về Tài nguyên và Khai khoáng, MSR là một trong những Công ty hiếm có của Việt Nam hội tụ “đủ thời và thế” tiên phong vượt khỏi biên giới quốc gia, vươn ra sân chơi toàn cầu. Trong năm 2018, đại diện của MSR đã tham dự Hội nghị ITIA thường niên lần thứ 31 tại Chengdu, Trung Quốc. Tại đây, xu thế chung của các đơn vị tiêu dùng là không ngừng gia tăng nhu cầu sản phẩm kèm theo các đơn đặt hàng ngày càng lớn.

Vào tháng 10 năm 2018, MSR là một trong số ít các đơn vị sản xuất của Việt Nam đã có đại diện tham gia Triển lãm - Hội Thảo về Khai khoáng và Tài Nguyên Quốc tế diễn ra tại Melbourne. Hội nghị đã quy tụ hơn 3000 đại biểu thuộc đủ mọi giới, từ các nhà hoạch định chiến lược, chính sách, lãnh đạo doanh nghiệp khai khoáng, đến các nhà đầu tư, đơn vị mua hàng, chuyên gia kỹ thuật, nhà đổi mới và các đơn vị đào tạo từ hơn 60 quốc gia tề tựu trong 4 ngày để giao lưu học hỏi, ký kết hợp đồng, kết nối mở rộng mạng lưới kinh doanh trước kia chưa từng có.

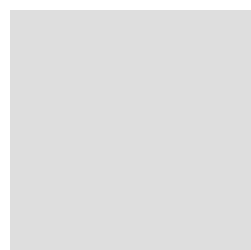


GIÁ CẢ HÀNG HOÁ TRUNG BÌNH	Đơn vị tính	Trung bình năm 2018	Trung bình năm 2017	% Thay đổi	Tại 31.12.18	Tại 31.12.17
Giá APT Châu Âu thấp*	USD/mtu	308	239	28,7%	270	294
Mức Bismuth thấp*	USD/Pao	4,4	4,8	-8,5%	3,4	5,1
Đồng*	USD/tấn	6.514	6.166	5,6%	6.018	7.157
Florit cấp axit**	USD/tấn	493	345	43,0%	565	410

\* Theo Metals Bulletin, \*\*Theo Industrial Minerals



## Giải thưởng và ghi nhận trong năm 2018



**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẶNG CỜ THI ĐUA CHỖ CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐƠN VỊ XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM 2018**

*Trao tặng bởi*  
Thủ tướng Chính Phủ

**CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN NÀM TRONG BẢNG XẾP HẠNG 500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM**

*Bình chọn và trao tặng bởi*  
Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam

**CHỨNG NHẬN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC TẾ, ĐƯỢC TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2018 CÙNG DANH HIỆU TOP 100 THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

*Trao tặng bởi*  
Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam

**GIẤY KHEN CHO CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH CHẤP HÀNH TỐT CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THUẾ NĂM 2017**

*Trao tặng bởi*  
Chi cục Thuế tỉnh Thái Nguyên

**BẰNG KHEN CHO CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH NGUỒN BỨC XẠ VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ NĂM 2016 – 2017**

*Trao tặng bởi*  
Bộ Khoa Học và Công Nghệ

**CHỨNG NHẬN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO LÀ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM NĂM 2018**

*Trao tặng bởi*  
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

**CHỨNG NHẬN TOP 50 THƯƠNG HIỆU TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2018**

*Trao tặng bởi*  
Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam

**CHỨNG NHẬN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO NÀM TRONG BẢNG XẾP HẠNG 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM**

*Bình chọn và trao tặng bởi*  
Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam

**CHỨNG NHẬN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐẠT DANH HIỆU “DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC” TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2018**

*Trao tặng bởi*  
UBND tỉnh Thái Nguyên

**BẰNG KHEN CHO ĐƠN VỊ ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA ‘THÁI NGUYÊN CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI’ NĂM 2017**

*Trao tặng bởi*  
UBND tỉnh Thái Nguyên

**BẰNG KHEN DOANH NHÂN TIÊU BIỂU TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2018 CHO ÔNG VŨ HỒNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

*Trao tặng bởi*  
UBND tỉnh Thái Nguyên





# T HÔNG TIN CHUNG

- Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hồ sơ Công ty
- Hành trình trở thành nhà cung cấp vonfram hàng đầu
- Tài sản chính của MSR
- Hệ thống phân phối sản phẩm
- Đặc tính sản phẩm
- Quy trình sản xuất hóa chất vonfram
- Thông tin cổ đông





## Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh

Masan Resources là nhà sản xuất sản phẩm vonfram dòng trung và cao cấp lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc. Tài sản chính của Công ty, mỏ đa kim Núi Pháo nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, miền Bắc Việt Nam, là mỏ vonfram đầu tiên được triển khai đưa vào sản xuất thành công trên 15 năm qua. Mỏ Núi Pháo đã được các nhà phân tích hàng đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng bao gồm Roskill và Argus Media Ltd đánh giá là một trong những mỏ vonfram lớn nhất thế giới với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn (Theo Giấy phép Khai thác khoáng sản là 83.220.000 tấn quặng vonfram - đa kim cấp B và cấp C1 bao gồm: (i) khai thác lộ thiên: 55.192.000 tấn và (ii) khai thác hầm lò 28.028.000 tấn).

Với đội ngũ quản lý có kinh nghiệm, năng lực kết nối địa phương, khả năng thực thi mạnh mẽ, đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn, Masan Resources đã phát triển được nền tảng phù hợp để vươn lên thành công ty khai thác vonfram hàng đầu trên thế giới.

## Hồ sơ Công ty

### Masan Resources Corporation

Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan

### Tên công ty

Masan Resources Corporation

### Tên viết tắt

Masan Resources

### Trụ sở chính

Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 6256 3862

Fax: +84 28 3827 4115

Website: <https://masangroup.com/masanresources/>

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 03 tháng 10 năm 2018

### Vốn điều lệ

8.993.091.220.000 đồng

Mã chứng khoán tại hệ thống giao dịch UPCoM thuộc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội - HNX: MSR

## Hành trình trở thành nhà cung cấp vonfram hàng đầu

Công ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Masan Group. Dưới đây là các mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công ty.



### 2011

Thúc đẩy phát triển Dự án Núi Pháo;

Tháng 3, MRC Ltd., một công ty đầu tư của Mount Kellett Capital Management L.P., trở thành cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Công ty;

Tháng 12, Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự án Núi Pháo.

### 2012

Tháng 2, thiết kế mỏ cơ bản của Dự án Núi Pháo được Bộ Công thương chính thức phê duyệt.

### 2013

Tháng 1, Private Equity New Markets II K/S, một tổ chức đầu tư của BankInvest trở thành cổ đông nắm giữ 2,86% vốn điều lệ của Công ty;

Tháng 6, MRC Ltd. tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty lên 21% vốn điều lệ;

Tháng 8, Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### 2014

Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại các sản phẩm Ôxít Vonfram và Tinh quặng Đồng từ ngày 01 tháng 3, Flourspar cấp axit từ ngày 01 tháng 6, và Tinh quặng Bismut từ ngày 01 tháng 9.

Thành lập Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck (“NHTCM”), một liên doanh với H.C.Starck GmbH của Đức để xây dựng và vận hành một nhà máy tinh luyện vonfram tiên tiến tại Việt Nam.

### 2015

Công ty đạt kỷ lục về sản lượng khai thác đối với tất cả 4 dòng sản phẩm. NHTCM gửi hồ sơ và được trao Chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao của Bộ Khoa học và Công nghệ vào ngày 24 tháng 4 năm 2015;

Công ty đạt công suất theo thiết kế, và vận hành thử thành công nhà máy chế biến sâu Vonfram của NHTCM.

Các sáng kiến tăng năng suất và hiệu quả sản xuất đã được áp dụng;

Tháng 9, Công ty niêm yết thành công cổ phiếu của Masan Resources tại sàn UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tháng 9, Công ty đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên lần thứ 28 của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA) với sự tham dự của hơn 120 đại biểu quốc tế.

### 2016

Ngày 22/4, Công ty tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đầu tiên sau khi niêm yết;

Cổ phiếu của Công ty được xếp vào danh sách cổ phiếu hạng sang (Premium) trên sàn UPCOM Hà Nội;

Bắt đầu sản xuất Bismut Xi măng thương mại từ 1 tháng 7;

Triển khai các sáng kiến và đầu tư đổi mới quy trình và công nghệ, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, và xây dựng các mối liên kết và hợp tác mới;

NHTCM đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng;

Tháng 12, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu đã hoàn thành chào mua cổ phần của Masan Resources, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông và tăng quyền sở hữu MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.

### 2017

Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hoá;

Giá của tất cả các sản phẩm của Công ty đều tăng đáng kể cùng với nâng cao hiệu suất sản xuất đã giúp MSR đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng;

Việc MSR được công nhận là thương hiệu toàn cầu, nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy, đã dẫn đến hiện tượng số lượng đơn đặt hàng của các khách hàng mới đối với sản phẩm của Công ty tiếp tục vượt mức cung.

Bắt đầu mua nguyên liệu thô vonfram từ bên thứ ba để phục vụ sản xuất của nhà máy NHTCM.

### 2018

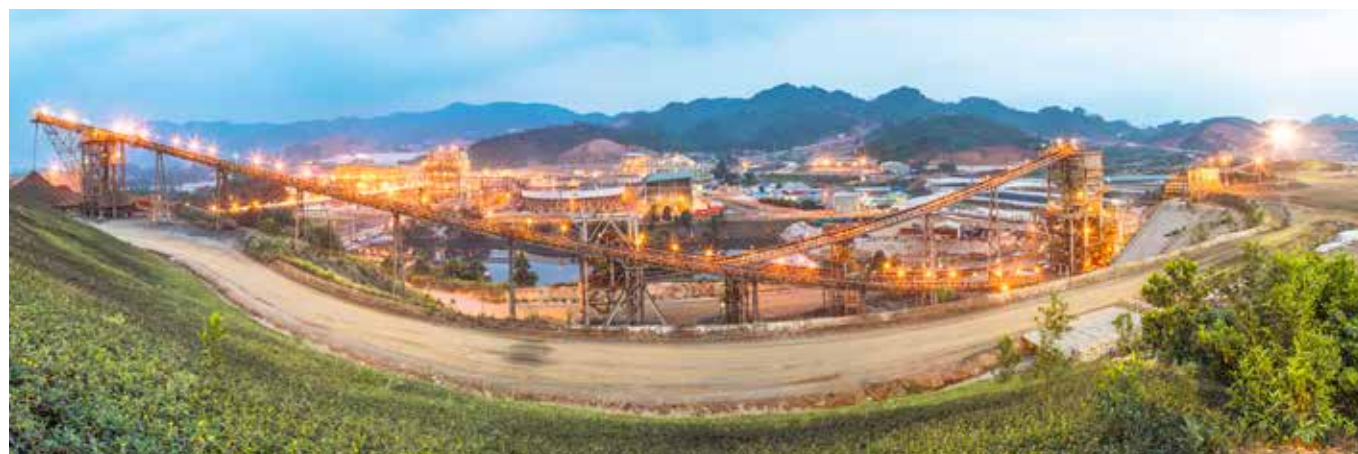
Mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH tại NHTCM với tổng số tiền là 29,1 triệu USD. Sau khi mua lại, NHTCM được đổi tên thành Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”);

Tăng 350% lượng mua nguyên liệu thô từ nguồn bên ngoài để tối ưu hóa hoạt động của MTC cũng như để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm hóa chất vonfram;



## Tài sản chính của MSR

### Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (NPMC)



Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, được vận hành bởi Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPMC”) – là công ty con do Masan Resources sở hữu 100%. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường bộ và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế.

Tại thời điểm năm 2014, trữ lượng đã được xác nhận của mỏ Núi Pháo là khoảng 66 triệu tấn, với vòng đời mỏ ước tính là 20 năm.

Các khu vực chính của Dự án:

- Moong khai thác lộ thiên.
- Khu bãi thải.
- Nhà máy chế biến hiện đại và gồm các khu vực: nghiền thô, nghiền tinh, cô đặc, tuyển nổi và tuyển trọng lực.
- Nhà máy chế biến sâu vonfram chế biến tinh quặng vonfram và các vật liệu có chứa vonfram thành các sản phẩm ST, APT, BTO và YTO có giá trị gia tăng cao hơn.
- Khu chứa quặng đuôi (TSF) có nước và các ngăn quản lý quặng đuôi.
- Vùng đệm, các khu tái định cư, đường nội mỏ, và các khu dịch vụ khai thác.

Các sản phẩm của mỏ Núi Pháo được vận chuyển tới các thị trường trên toàn thế giới từ cảng Quảng Ninh (Thành phố Hạ Long, cách địa điểm thực hiện dự án 197 km về phía Đông Nam). Cảng này cũng là nơi nhập các thiết bị và vật liệu cần thiết để vận hành mỏ.

NPMC vận hành một quy trình sản xuất hiện đại bậc nhất đối với nhóm sản phẩm đặc trưng của Công ty. Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển tiếp tục mang lại các cải tiến về mặt quy trình, thiết bị và hóa chất. Quy trình sản xuất được hỗ trợ bởi các phần mềm quản lý khai thác và chế biến tiên tiến để tối ưu hóa tỷ lệ thu hồi và giảm thiểu lãng phí tài nguyên.

### Công ty TNHH Vonfram Masan (MTC)



Công ty TNHH Vonfram Masan – MTC (tiền thân là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck) được thành lập năm 2014 như là một liên doanh giữa H.C. Starck GmbH – một công ty sản xuất kim loại công nghệ hàng đầu thế giới, đồng thời cũng là một trong những công ty lớn nhất trong ngành vonfram toàn cầu và Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo - công ty con do Masan Resources sở hữu 100%. Mục đích của công ty là kết nối hoạt động kinh doanh của NPMC với thị trường vonfram toàn cầu và tạo điều kiện cho hoạt động chế biến sâu nguồn tài nguyên chiến lược của Việt Nam thành các sản phẩm hóa chất vonfram có giá trị cao hơn nhằm phát huy giá trị nguồn tài nguyên này. Tháng 8/2018, NPMC đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C. Starck GmbH trong công ty liên doanh Núi Pháo – H.C. Starck. Liên doanh Núi Pháo – H.C. Starck sau đó đổi tên thành Công Ty TNHH Vonfram Masan (MTC).

Bốn sản phẩm chính của nhà máy được dùng trong sản xuất Vonfram và Vonfram Cacbua bao gồm: APT (Ammonium Paratungstate - muối Amoni vonfram); BTO (Blue Tungsten Oxide – Oxit Vonfram xanh); YTO (Yellow Tungsten Oxide – Oxit Vonfram vàng); và ST (Sodium Tungstate – Muối Natri vonfram).

MTC sản xuất các sản phẩm vonfram có độ tinh khiết cao và sức cạnh tranh trên toàn cầu đồng thời được vận hành tại Việt Nam. Điều này khiến MTC trở thành một số ít nhà cung cấp vonfram ngoài Trung Quốc trực tiếp sản xuất ra sản phẩm tại nguồn. Nhà máy sản xuất của MTC có những lợi thế sau:

- Nguồn cung dài hạn ổn định (từ NPMC), cơ sở sản xuất hiện đại có khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cụ thể của khách hàng;
- Chi phí chuyển đổi thấp, và được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế;
- Uy tín tốt trên thị trường nhờ sự hỗ trợ về công nghệ và kỹ thuật từ H.C. Starck với gần 100 năm kinh nghiệm hoạt động và là nhà cung cấp sản phẩm kim loại công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới.
- Chuyển giao công nghệ từ H.C. Starck GmbH.

Những lợi thế trên giúp đẩy nhanh tiến trình công nhận vị thế của một doanh nghiệp Việt Nam trên bản đồ cung ứng vonfram toàn cầu cũng như góp phần thúc đẩy doanh số bán hàng.

## Hệ thống phân phối sản phẩm

### Hệ thống phân phối sản phẩm hóa chất Vonfram

Bộ phận bán hàng và Marketing của Công ty tại Hà Nội duy trì một mạng lưới các mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng trong nước và quốc tế. MSR bán các sản phẩm hóa chất Vonfram Masan cho khách hàng tại châu Á, Bắc Mỹ, Châu Âu. H.C. Starck (HCS) là khách hàng lớn nhất của Công ty, họ có hoạt động sản xuất tại Đức và Canada. HCS được công nhận trên toàn cầu bởi khả năng và quy trình công nghệ tiên tiến và là nhà sản xuất các sản phẩm chế biến sâu chất lượng cao.

Những khách hàng quan trọng khác bao gồm các đối tác lớn toàn cầu trong ngành công nghiệp Vonfram tại Trung Âu, Mỹ và Nhật Bản. Các công ty này có bề dày phát triển và được công nhận là nhà sản xuất vật liệu công nghệ cao, chuyên sản xuất kim loại hiệu suất cao. Những khách hàng lớn này tạo nên một cơ sở tiêu thụ vững mạnh cho Công ty mở rộng sản xuất. Khi sản xuất mở rộng, danh sách khách hàng của Công ty cũng gia tăng. Các khách hàng này bao gồm các nhà sản xuất và các thương nhân có quy mô khác nhau trên toàn cầu.

Sản phẩm hóa chất Vonfram của Công ty được bán cho các khách hàng thuộc nhiều phân khúc tiêu thụ khác nhau và thường là các khách hàng truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp, giá bán tính trên giá quốc tế nên nâng cao tính minh bạch trong hoạt động thương mại.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Công ty là hợp tác. Theo đó Công ty làm việc với các nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Công ty đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên. Như một phần trong chiến lược của Công ty, Công ty khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về phát triển sản phẩm, công nghệ chế biến và giải quyết các yêu cầu cụ thể của khách hàng.

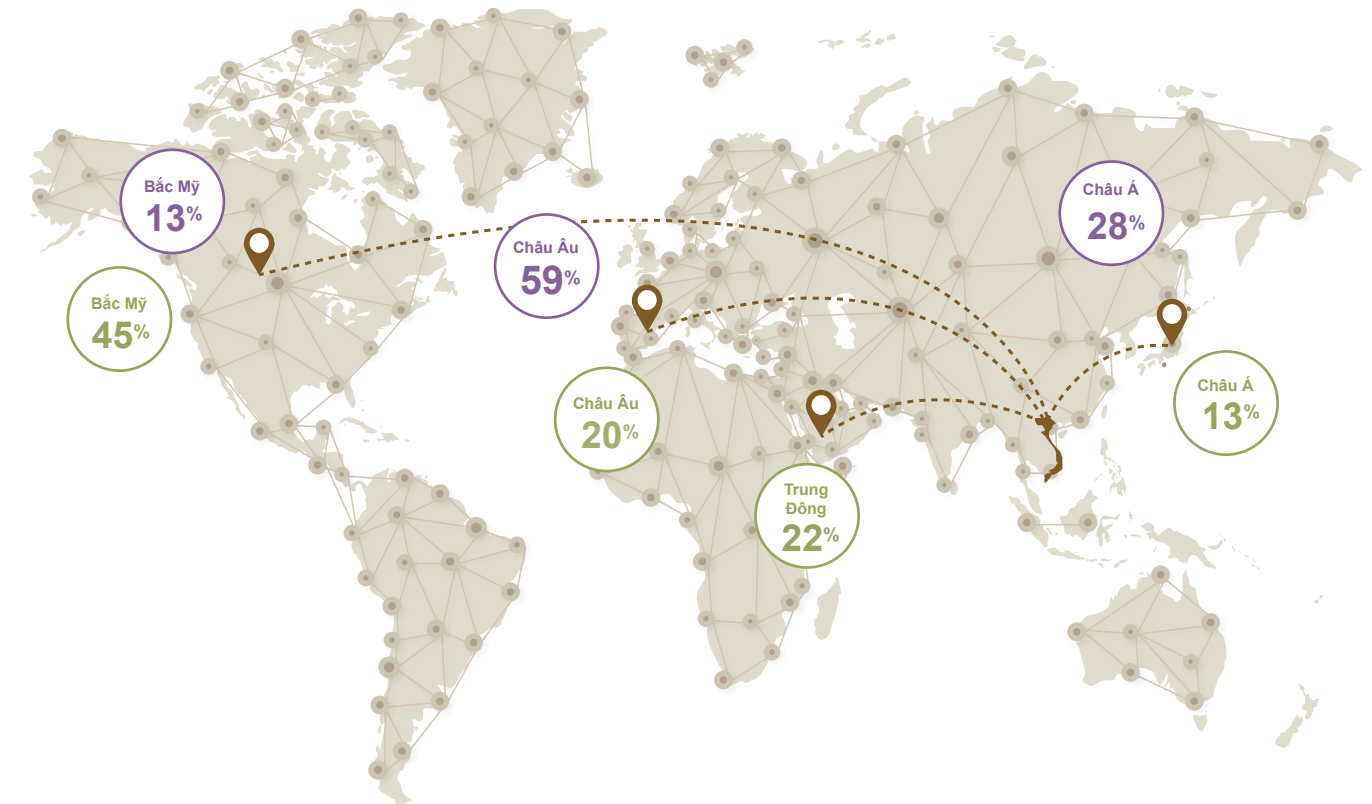
### Hệ thống phân phối sản phẩm Florit

Công ty hợp tác với một tập đoàn thương mại quốc tế có uy tín để thực hiện công tác tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm florit. Kết quả của sự hợp tác này là danh sách khách hàng cho các sản phẩm cấp axit chất lượng cao của Công ty được liên tục mở rộng. Florit cấp axit của Công ty được ghi nhận trên thị trường là có chất lượng tuyệt vời, chứa rất ít tạp chất, hàm lượng hữu cơ thấp, tạo sự linh hoạt và chi phí chế biến thấp cho nhiều khách hàng.

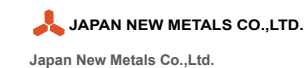
Khách hàng của chúng tôi chủ yếu là các đơn vị sản xuất axit flohydric hoặc nhôm florua. Axit flohydric được sử dụng rộng rãi trong nhiều ứng dụng bao gồm sản xuất ga dùng cho máy làm lạnh, khắc kính và trong các ngành điện tử và bán dẫn. Nó cũng được sử dụng trong các ngành y - dược. Nhôm florua là chất trợ dung trong sản xuất nhôm.

Khách hàng cơ bản của Công ty hiện nay trải khắp toàn cầu. Đây là một phần chiến lược có chủ ý của Công ty, và giờ đây sản phẩm của chúng tôi có mặt ở hầu hết các quốc gia là những nhà tiêu thụ florit lớn trên thế giới. Sự đa dạng địa lý này giúp giảm thiểu rủi ro kinh doanh và củng cố vị thế của Công ty trong tương lai. Bằng nhận định những điểm yếu tiềm ẩn của thị trường, đặc biệt là về khu vực địa lý, chúng tôi có thể dễ dàng chuyển hướng qua các thị trường còn lại ở các khu vực địa lý khác.

Với vonfram, phương châm chỉ đạo của Công ty là tập trung vào xây dựng quan hệ lâu bền với khách hàng thông qua hỗ trợ tiếp thị kỹ thuật cho cả khách hàng mới và khách hàng hiện có. Dịch vụ quan trọng này giúp khách hàng hiểu rõ hơn về những lợi ích có được từ những đặc tính độc đáo trong sản phẩm của Công ty, đồng thời hỗ trợ họ khắc phục những khó khăn về kỹ thuật khi chuyển đổi sang florit của Masan. Với cách tiếp cận này, chúng tôi nỗ lực trợ giúp hoạt động kinh doanh của khách hàng phát triển và tăng cường, đồng thời vẫn duy trì là một phần giá trị trong chuỗi cung ứng của họ.



■ Hóa chất vonfram  
■ Florit





## Đặc tính sản phẩm

Các sản phẩm vonfram, florit, đồng và bismut do Núi Pháo sản xuất là những kim loại chiến lược cho nhiều ngành công nghiệp trên thế giới hiện nay.

### Vonfram (WO<sub>3</sub>)

Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Các sản phẩm Vonfram được sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nhau. Khách hàng có thể tiếp tục chế biến sâu các sản phẩm vonfram của Công ty thành các hợp kim và bột để sản xuất ra nhiều sản phẩm cao cấp. Các đặc tính của Vonfram phù hợp với nhu cầu của nhiều ngành công nghiệp nặng như dầu khí, xây dựng, gia công cắt gọt hợp kim cứng, năng lượng, máy móc tự động và hàng không. Vonfram cũng là thành phần thiết yếu trong ngành công nghiệp thép, được dùng để sản xuất từ inox, thép hợp kim đến siêu hợp kim.

### ST

%WO<sub>3</sub> : > 70



### BTO

%WO<sub>3</sub> : > 99.8



### YTO

%WO<sub>3</sub> : > 99.8



### APT

%WO<sub>3</sub> : > 88,5



### Florit (CaF<sub>2</sub>)

Florit là một khoáng vật công nghiệp có nhiều ứng dụng khác nhau, trong đó có việc dùng để sản xuất hydro florua (HF); sản xuất các sản phẩm thép, nhôm, gốm-thủy tinh và chất nitrogen trifluoride (NF<sub>3</sub>). Các sản phẩm như máy điều hòa, các sản phẩm nhựa Teflon và thuốc chống suy nhược đều phải dùng đến sản phẩm florit.

Hóa chất hydro florua (HF) chủ yếu được sản xuất làm môi chất làm lạnh, lớp phủ fluoropolymer và sử dụng trong ngành dược và cho nhiều mục đích nghiên cứu khác. Trong lĩnh vực nấu chảy, florit được dùng làm chất trợ dung, giúp tăng chất lượng của thép và nhôm. Trong gốm-thủy tinh, florit được dùng để sản xuất kính mờ và men màu đục. Nitrogen fluoride là một khí làm sạch, được dùng trong sản xuất vật liệu bán dẫn và màn hình LCD.



### Đồng (Cu)

Đồng là kim loại mềm, dẻo, nên rất lý tưởng để làm chất dẫn nhiệt và điện (chỉ đứng sau bạc).

Ứng dụng chủ yếu của đồng là dùng để sản xuất dây cáp điện và dây dẫn. Ngành xây dựng là ngành tiêu thụ phần lớn sản phẩm đồng thông qua các hệ thống điện cũng như hệ thống cấp nước.

Nhờ khả năng chống ăn mòn và giá trị thẩm mỹ cao nên đồng thường được dùng trong lợp mái, phổ biến là trong xây dựng mái vòm, mái vút và cửa ra vào. Đồng có tính chất là một vi chất dinh dưỡng, nên được dùng làm chất diệt nấm trong bảo vệ thực vật và mùa màng cũng như làm giàu đất. Đồng thau – kim loại được sử dụng trong nhiều ứng dụng công nghiệp được làm bằng cách trộn đồng với kẽm.



### Bismuth (Bi)

Bismut là một kim loại cơ bản đối với người tiêu dùng và các ứng dụng công nghiệp.

Đối với người tiêu dùng, bismut được dùng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và dược phẩm thông qua sản phẩm chống bức xạ và các thuốc điều trị chứng buồn nôn, khó tiêu và bệnh viêm loét. Do không có độc tính, Bismut cũng được dùng để sản xuất mỹ phẩm. Trong công nghiệp, bismut được sử dụng như chất tạo màu không độc trong sản xuất một số loại sơn và các linh kiện điện. Kim loại này cũng được dùng như một chất xúc tác giúp kiểm soát khí thải của phương tiện giao thông, cũng như sản xuất các thiết bị kẹp giữ chắc chắn cho máy móc hạng nặng như tuabin.









### Vonfram - Ứng dụng trong ngành công nghiệp tiên tiến - Vật liệu tương lai

Vonfram là kim loại chuyển tiếp đắt hiếm. Ứng dụng của vonfram trong ngành công nghiệp nặng đã được chứng minh rõ ràng trong nhiều nghiên cứu do đặc tính vật lý vượt trội như nhiệt độ nóng chảy và độ cứng cao. Ngoài ra, Vonfram cùng với các hợp chất đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với ngành điện tử và công nghệ hiển thị cũng như trong một số ứng dụng độc tôn nhất định.

#### Kính hiển vi điện tử quét bằng dây nano WO<sub>3</sub>

Bên cạnh ứng dụng trong làm sợi dây tóc bóng đèn, vonfram còn là vật liệu được chọn để chế tạo súng phát xạ trường, dùng trong kính hiển vi điện tử, vi mạch (IC), và do mật độ phân tử lớn nên vonfram được dùng làm vật liệu chắn chống lại những nguồn bức xạ năng lượng cao<sup>1</sup>. Vonfram cũng được sử dụng trong công nghệ điện tử nano để chế tạo dây nano<sup>2</sup>, do tỷ lệ giữa diện tích bề mặt và thể tích cao, nên dự kiến vonfram sẽ được ứng dụng trong đầu dò độ pH (chỉ số đo độ hoạt động của các ion hydro (H<sup>+</sup>)) và cảm biến khí gas.

#### Tấm kính thông minh được sử dụng trong dòng máy bay mới nhất Boeing 787

Ôxít Vonfram đã được chứng minh là có hiệu ứng điện sắc (EC), ví dụ: có khả năng đổi màu do ảnh hưởng của môi trường bên ngoài. Hiệu ứng này đã được sử dụng trong công nghệ hiển thị<sup>4,5</sup> để chế tạo cửa sổ thông minh là cửa sổ có thể tăng hoặc giảm độ trong suốt quang học. Ví dụ như máy bay đời mới nhất - Boeing 787<sup>6</sup>, thay vì sử dụng tấm che cửa sổ bằng nhựa, người ta đã dùng tấm kính thông minh để hành khách có thể tự điều chỉnh cấp độ mờ tùy theo nhu cầu ánh sáng và tầm nhìn. Theo dự kiến, sản lượng cửa sổ thông minh sẽ ngày càng tăng và đến năm 2021, sẽ góp phần tăng trưởng thị trường xây dựng lên tới 1,3 tỷ USD, so với năm 2016 là 280 triệu USD<sup>7</sup>.

Một trong những ứng dụng độc tôn của vonfram đó là ứng dụng trong ngành trang sức, vonfram kim loại rất thu hút sự quan tâm nhờ đặc điểm ngoại quan bắt mắt.

Các ứng dụng tương lai có sử dụng vonfram như đề cập ở trên chưa phải là toàn bộ mà chỉ để thể hiện rằng vonfram đang ngày càng được sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nữa ngoài ứng dụng truyền thống trong ngành công nghiệp nặng.

1. Schey, John A. (1987). *Introduction to Manufacturing Processes* (2nd ed.). McGraw-Hill, Inc.  
 2. Li Yadong. "From Surfactant-Inorganic Mesostuctures to Tungsten Nanowires". *Angewandte Chemie International Edition, Volume 41, Issue 2, pages 333-335, January 18, 2002*, doi: 10.1002/1521-3773(20020118)41:2<333::AID-ANIE333>3.0.CO;2-5.  
 3. <http://nanotechweb.org/cws/article/lab/62587>  
 4. C. M. Lampert, "Smart windows switch on the light," *IEEE Circuits and Devices Magazine*, vol. 8, issue no. 2, pp. 19-26, March 1992.  
 5. Dane T. Gillaspie, Robert C. Tenent and Anne C. Dillon, "Metal-oxide films for electrochromic applications: present technology and future directions", *Journal of Materials Chemistry*, doi: DOI: 10.1039/c0jm00604a, June 2010.  
 6. [https://en.wikipedia.org/wiki/Boeing\\_787\\_Dreamliner](https://en.wikipedia.org/wiki/Boeing_787_Dreamliner)  
 7. [https://www.researchandmarkets.com/research/5ngw3r/smart\\_windows](https://www.researchandmarkets.com/research/5ngw3r/smart_windows)  
 8. [http://shop.smarttint.com/Aviation-application-for-Smart-Tint\\_b\\_5](http://shop.smarttint.com/Aviation-application-for-Smart-Tint_b_5)



Động cơ



Cửa sổ thông minh được sử dụng trong máy bay thế hệ mới nhất Boeing 787<sup>6</sup>

### Vonfram vì một môi trường sạch hơn

Vonfram là nguyên tố hóa học nặng nhất được biết đến có hoạt tính sinh học. Độc tính của vonfram khá thấp, nhất là khi so sánh với các kim loại khác, tuy nhiên, đây vẫn còn là đề tài đang được nghiên cứu. Với nỗ lực vì một môi trường sạch hơn, chì đã được xác định là một trong những kim loại cần phải sớm thay thế. Trong danh mục 100 hóa chất nguy hại nhất cần lưu ý do Chính Phủ Hoa Kỳ xếp loại<sup>1</sup>, chì đứng thứ hai. Ngoài ra, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ cũng liệt kê chì là hóa chất độc hại, theo đó cũng đã đưa ra giới hạn ngưỡng về nồng độ chì cho không khí, đất, nước và cây trồng.

Do chì và vonfram có đặc tính tương tự về mật độ phân tử, nên vonfram được đề xuất là chất thay thế ưu việt cho chì trong một số ứng dụng. Tuy nhiên, do vonfram có chi phí lớn, và mức độ gia công lại khó hơn, nên đã gây ra những rào cản lớn cho việc đưa đề xuất trên vào thực tiễn, dù mức độ tái chế của vonfram lớn hơn so với chì.

Hợp chất polime vonfram được xem như là một giải pháp trung dung cho các vấn đề trên<sup>2,3</sup>. Đây là hỗn hợp giữa các loại nhựa và bột vonfram trộn với nhau để tạo ra vonfram dẻo nhiệt, có mật độ vật chất giống với chì<sup>4</sup>. Vật liệu này rất dễ uốn, không có thành phần độc hại, chịu được ăn mòn do điều kiện thời tiết. Ngoài đặc tính dễ tạo hình, vonfram dẻo nhiệt còn không gây ảnh hưởng có hại trong quá trình xử lý/chế biến, có thể tái chế mà không có bất cứ tác động xấu nào tới môi trường, điều đó giúp hỗn hợp này trở thành phương án thay thế khả thi cho chì. Không chỉ thay thế cho chì, polime vonfram cũng được đề xuất thay thế urani nghèo trong một số ứng dụng. Lý do chính cho đề xuất thay thế nằm ở sự tương đồng về mật độ phân tử của urani nghèo và composit vonfram, nhưng composit vonfram không ảnh hưởng tới sức khỏe.

Nhu cầu vonfram được dự báo tiếp tục tăng trong tương lai. Nhu cầu tăng cùng với sức ép về giải pháp thay thế cho chì, khiến giá thành của composit vonfram cũng được dự báo tăng, tất cả đã biến vonfram thành một cơ hội đầu tư đầy hấp dẫn.

1. <https://www.atsdr.cdc.gov/SPL/index.html>  
 2. <https://www.tungstenheavypowder.com/lead-replacement-sustainability/>  
 3. <http://tdmfginc.com/portfolio-item/tungsten-polymer>  
 4. <http://www.tungsten-polymer-radiation-shielding.com/tungsten-polymer-industry-radiation-shielding.html>



Cơ sở sản xuất cánh tuabin máy bay tiên tiến



Tuabin cánh máy bay

### Ứng dụng của Florit

Florit là tên thương mại của canxi florua, có công thức hóa học là  $\text{CaF}_2$ . Ở dạng tinh khiết, hợp chất này có chứa 51,1% canxi (Ca) và 48,9% flo (F). Tuy nhiên, trong tự nhiên thường có lẫn một lượng nhỏ tạp chất như oxit silic ( $\text{SiO}_2$ ), nhôm (Al) và magiê (Mg). Florit được thấy nhiều trong các môi trường địa chất khác nhau, nhưng phổ biến nhất là được hình thành từng vỉa trong đá mà chịu tác động bởi các hoạt động thủy nhiệt [1]. Các vỉa này thường chứa các quặng kim loại mà có thể bao gồm những sunfua của thiếc, bạc, kẽm, đồng và các kim loại khác.

Florit thương phẩm được phân cấp theo chất lượng thành phẩm. Các cấp Florit phụ thuộc vào hàm lượng Florit và lượng tạp chất đi kèm (như canxi, thạch anh, sunfua, asen và chì), cụ thể như sau:

- Cấp axit - chứa ít nhất 97% Florit và 3% còn lại là các tạp chất khác.
- Cấp ceramic (gốm) - chứa 85 - 96% Florit và 4 - 15% còn lại là các tạp chất khác.
- Cấp luyện kim - chứa 60 - 84% Florit và 16 - 40% còn lại là các tạp chất khác.

Phẩm cấp của florit sẽ xác định công dụng cuối của sản phẩm. Theo như [1], Florit cấp axit chiếm gần 2/3 tổng số florit và chủ yếu được dùng trong sản xuất axit flohydric (HF), khoảng 1/3 florit còn lại là cấp luyện kim và thường dùng để làm chất tạo xỉ trong quá trình luyện thép và sản xuất nhôm. Một lượng nhỏ Florit là cấp ceramic, được dùng trong sản xuất kính chuyên dụng, gốm sứ và đồ kim loại tráng men.

Axit flohydric là axit có tính ăn mòn cao, có thể hòa tan thủy tinh và nhiều vật liệu khác, chủ yếu là các hợp chất oxit. Do tính chất ăn mòn cao, nên axit flohydric được dùng trong nhiều ngành công nghiệp như hóa chất, khai thác khoáng sản, tinh luyện, sản xuất kính, sản xuất chip silicon và vệ sinh công nghiệp. Khoảng 60% lượng sản phẩm axit flohydric trên thế giới được dùng trong nhiều ứng dụng sử dụng hóa chất có chứa flor khác nhau như môi chất làm lạnh, lớp phủ chống dính, chất đẩy propellant và chất gây mê trong y học, nhưng ngược lại một lượng nhỏ axit flohydric được dùng trong ankin hóa dầu mỏ [2], và là dung dịch tẩy thực kim loại trong ngành công nghiệp điện tử. Ngoài ra, axit flohydric cũng được sử dụng để vệ sinh bán dẫn dẫn silic, tẩy thực thủy tinh và trong sản xuất kính mờ mài bóng [2]

Ngoài những đặc tính nêu trên, Florit có thể được phân loại nhỏ hơn theo đặc tính quang học, gồm 2 cấp sau:

- Florit cấp quang học: Các mẫu Florit có độ trong quang học tuyệt vời được dùng làm thấu kính cho kính hiển vi, kính viễn vọng và máy ảnh.
- Florit cấp đá quý: Các mẫu Florit có màu sắc hấp dẫn và trong suốt được dùng để cắt thành viên đá quý và làm đồ trang trí. Một số mẫu Florit chất lượng cao có tính chất trang trí, được khắc cắt thành tượng nhỏ hoặc lọ hoa.

[1] T. Bide, G. Gunn, T. Brown, D. Rayner, "Florit. ", Khảo sát Địa chất Anh Quốc, (2011), có sẵn trên trang web: [www.MineralsUK.com](http://www.MineralsUK.com).  
[2] Axit Flohydric, có sẵn trên trang web: [https://en.wikipedia.org/wiki/Hydrofluoric\\_acid](https://en.wikipedia.org/wiki/Hydrofluoric_acid)



### Ứng dụng của Bismut

Bismut là một sản phẩm đa năng có nhiều ứng dụng khác nhau. Phần lớn sản lượng Bismut được tiêu thụ bởi các nhà sản xuất hóa chất và dược phẩm và sản xuất hợp kim.

Với đặc tính kháng khuẩn tốt, bismut được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng y tế. Nó được dùng để điều trị các bệnh như viêm dạ dày, viêm loét dạ dày tá tràng hay là ung thư dạ dày. Nhiều thuốc chữa đau dạ dày tại quầy thuốc cũng chứa bismut như là một hoạt chất với thành tố bismut để trị bệnh, rối loạn đường ruột và viêm loét dạ dày ở người và động vật. Trong lịch sử, bismut cũng từng được dùng trong điều trị bệnh giang mai.

Việc sử dụng bismut trong mỹ phẩm đã có từ thời Ai Cập cổ đại và đến nay được sử dụng ngày một nhiều làm chất tạo màu trong phấn mắt, gồm xịt tóc và sơn móng tay. Độ bóng của bismut rất lý tưởng cho sản xuất mỹ phẩm. Chất tạo màu từ bismut cũng được dùng trong sản xuất sơn và gốm sứ.

Khi thế giới đang ngày càng tập trung vào giảm lượng tiêu thụ chì thì các hợp kim bismut đóng vai trò thay thế hiệu quả. Điểm nóng chảy thấp nên nó ngày càng được dùng nhiều trong đồ điện tử, độc tính thấp khiến bismut rất lý tưởng cho các dụng cụ chế biến thực phẩm và đường ống nước làm từ đồng. Trong ngành y tế, bismut là kim loại chắn tia X quang hữu hiệu.

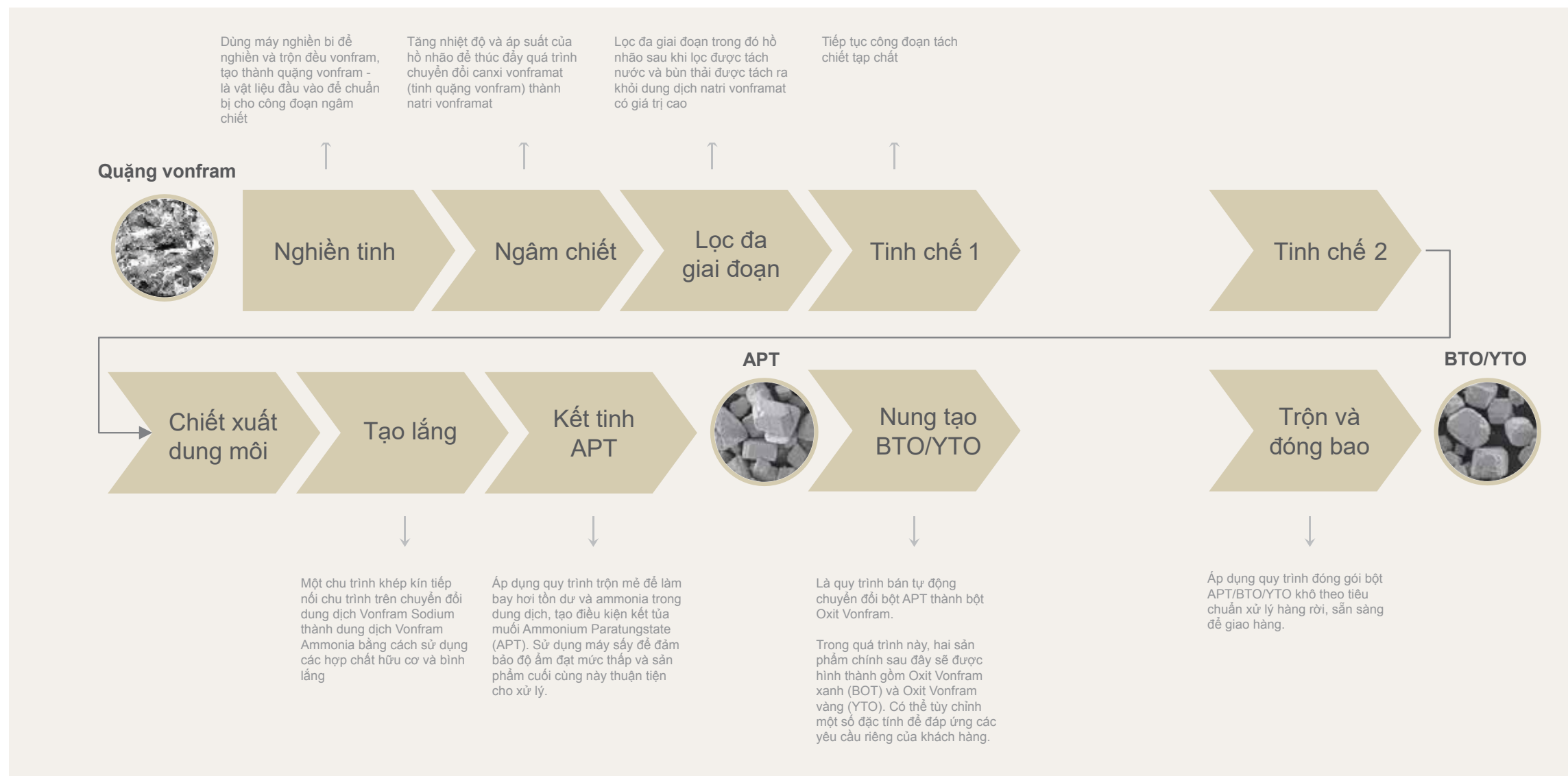
Tại một số lãnh thổ, bismut thậm chí được quy định trong luật là kim loại thay cho đạn chì dùng trong săn bắn và thay thế lưới câu cá.





## Quy trình sản xuất hóa chất vonfram

Dưới đây là bản mô tả vắn tắt quy trình sản xuất hóa chất vonfram hiện đang được áp dụng tại Masan Resources. Nhà máy được thiết kế để chế biến toàn bộ lượng tinh quặng vonfram do NPMC cung cấp, tinh quặng vonfram và vật liệu có chứa vonfram mua từ bên thứ ba thành sản phẩm APT (muối Amoni vonfram) hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tinh chế vật lý hóa học và kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để tạo thành Oxít Vonfram.



STT	Tên sản phẩm	Hàm lượng tương ứng (WO <sub>3</sub> )	Năng suất thiết kế (tpa)	Năng suất thực tế (tpa)
1	Muối Ammoni Vonfram (APT)	>88,5%	2.000	2.500
2	Oxít Vonfram xanh (BTO)	>99,62%	2.200	3.600
3	Oxít Vonfram vàng (YTO)	>99,62%	1.100	1.900
4	Muối Natri Vonfram (ST)	>71%	0	1.350
	Tinh quặng vonfram xử lý (TC)	50+%	11.000	19.000



## T h o n g t i n c ố đ o n g

### Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	28/12/2018		Giá trị (mệnh giá) (VNĐ)	% cổ phần
		Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ		
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>953</b>	<b>881.045.327</b>	<b>8.810.453.270.000</b>	97,97%
	Cổ đông tổ chức	10	863.477.420	8.634.774.200.000	96,02%
	Cổ đông cá nhân	943	17.567.907	175.679.070.000	1,95%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>29</b>	<b>18.263.795</b>	<b>182.637.950.000</b>	2,03%
	Cổ đông tổ chức	1	3.975.607	39.756.070.000	0,44%
	Cổ đông cá nhân	28	14.288.188	142.881.880.000	1,59%
<b>Tổng</b>		<b>982</b>	<b>899.309.122</b>	<b>8.993.091.220.000</b>	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của công ty do VSD cung cấp.

### Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công Ty

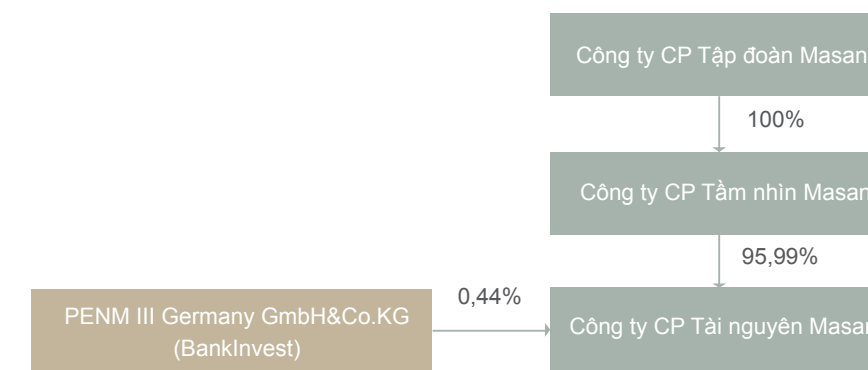
Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% Vốn Điều lệ của Công ty tính đến ngày 28 tháng 12 năm 2018, như sau:

1	Cổ đông trong nước	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (mệnh giá) (VNĐ)	% cổ phần
	Công ty cổ phần Tầm Nhìn Masan	863.270.140	8.632.701.400.000	95,99%

Nguồn: Danh sách cổ đông của công ty do VSD cung cấp.

### Các cổ đông chính – các nhà đầu tư

Cấu trúc sở hữu của Masan Resources tại ngày 28 tháng 12 năm 2018:



### Cổ đông tổ chức

#### Cổ đông trong nước

##### Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Cổ đông kiểm soát thông qua Công ty con sở hữu toàn phần, qua Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan).

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm Masan Consumer Holdings - đơn vị sản xuất một loạt nhãn hàng yêu thích và tin cậy thuộc lĩnh vực thực phẩm và đồ uống (như Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafe, Wake-up, Vĩnh Hào và Sư Tử Trắng), và Công ty Masan Nutri-Science - công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam (với các nhãn hàng như Proconco và ANCO). Các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan gồm Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, một trong các nhà sản xuất vonfram và các khoáng sản công nghiệp thiết yếu lớn nhất thế giới, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), một ngân hàng cổ phần thương mại hàng đầu tại Việt Nam.

#### Cổ đông nước ngoài

##### Đối tác PENM

Trong năm 2013, Quỹ Private Equity New Markets II K/S (hiện là PENM III), một tổ chức đầu tư trực thuộc BankInvest đã đầu tư 578 tỷ đồng vào Masan Resources thông qua việc mua cổ phần ưu đãi bắt buộc chuyển đổi và cổ phần phổ thông. Tại thời điểm cuối tháng 12 năm 2018, PENM đã bán toàn bộ cổ phiếu ưu đãi cho MH và hiện nay chỉ còn nắm giữ 3.975.607 cổ phần phổ thông (tương đương với 0,44% tổng số cổ phần đang lưu hành).





# C HIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

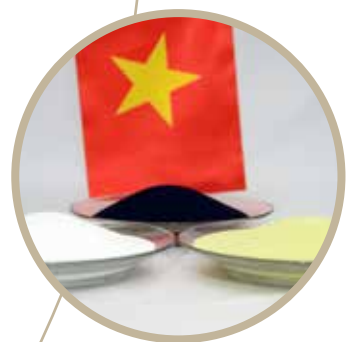
Mục tiêu Phát triển Công ty

Mục tiêu Phát triển xã hội

Chiến lược thực thi của Masan Resources

Đánh giá Chiến lược thực thi của Masan Resources

Chiến lược phát triển trung hạn của Masan Resources



## Mục tiêu Phát triển Công ty

Masan Resources hướng tới cung cấp các sản phẩm hóa chất công nghiệp vonfram, florit và bismut chất lượng vượt trội cho những khách hàng đến từ tất cả các ngành công nghiệp chủ chốt trên thế giới, tập trung hơn vào những khách hàng chiến lược và công nghệ cao.

Chúng tôi tự hào cùng làm việc với các khách hàng để không ngừng tham gia vào việc phát triển những sản phẩm đặc thù và hiệu quả sản phẩm cũng như các sáng kiến công nghệ mới nhất.

## Mục tiêu Phát triển xã hội

Đảm bảo các sản phẩm hóa chất công nghiệp của Công ty luôn là các sản phẩm hàng đầu trong con mắt khách hàng;

Trang bị các cơ sở sản xuất hiệu quả nhất để duy trì hiệu quả chi phí trên thị trường;

Liên tục cải tiến quy trình và hệ thống của Công ty, đồng thời không ngừng hỗ trợ nhu cầu luôn thay đổi của các khách hàng công nghiệp;

Chăm lo tới hệ sinh thái của con người, môi trường xung quanh và của các bên liên quan và, đảm bảo kết quả tài chính vượt trội trên nền tảng lâu dài bền vững.



## Chiến lược thực thi của Masan Resources

Chiến lược phát triển doanh nghiệp của Masan Resources được thực hiện trên 3 phương diện chủ chốt:

### Triển khai dự án và tối ưu tài sản trên cơ sở kiến thức và hiểu biết về địa phương

Masan Resources tin rằng sự hiểu biết sâu sắc về các mối quan tâm của cộng đồng cũng như những nhạy bén địa phương có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc phát triển thành công dự án. Chúng tôi đã xây dựng được một môi trường kinh doanh thuận lợi để phát triển, vận hành và tối ưu mỏ Núi Pháo nhà máy chế biến và nhà máy Hóa chất Vonfram Masan bằng cách chủ động phối hợp với cộng đồng địa phương.

### Tận dụng khả năng tiếp cận vốn của Công ty và dòng tiền để mua lại và phát triển các dự án giá trị

Khi đã xác định được giá trị của các dự án có tiềm năng sinh lời cao, Masan Resources luôn có khả năng tiếp cận nguồn vốn nội bộ và vốn bên ngoài để mua lại, phát triển và ổn định những dự án này nhằm đảm bảo hiện thực hóa các giá trị lâu dài và bền vững của cổ đông.

### Giảm thiểu rủi ro của các dự án thông qua nền tảng của Tập đoàn Masan

Masan Resources phòng ngừa biến động giá cả hàng hóa thông qua việc đa dạng hóa danh mục các loại kim loại và khoáng sản. Rủi ro về vận hành và tài chính của Masan Resources thấp là kết quả của năng lực quản lý, tận dụng được mạng lưới rộng lớn các nhà đầu tư và đối tác của Tập đoàn Masan.

## Đánh giá Chiến lược thực thi của Masan Resources

Masan Resources cam kết đem lại lợi nhuận cho cổ đông bằng cách phát huy bốn lợi thế phát triển trụ cột của mình.

### Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập

Một trong những phương thức vận hành của Masan Resources là không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân bằng cách tối ưu hóa hoạt động kinh doanh hiện có nhằm đạt năng suất và hiệu quả tối đa. Chúng tôi liên tục hướng tới giảm đơn giá chi phí sản xuất thông qua cả việc nghiên cứu và phát triển lẫn các kế hoạch cải thiện biên lợi nhuận. Masan Resources đang tìm kiếm để mua lại những tài sản đang phát triển giá trị, có vị trí chiến lược, dài hạn và chi phí sản xuất thấp.

### Tập trung nhất quán vào quản lý chi phí và tăng năng suất

Công nghiệp vonfram là một ngành công nghiệp đòi hỏi thời gian lâu dài. Việc tập trung nhất quán vào quản lý chi phí cùng với những nỗ lực không ngừng để tăng năng suất và nâng cao trải nghiệm của khách hàng giúp cho Masan Resources tăng cường năng lực đầu tư dài hạn và khả năng đương đầu với biến động thị trường và biến động giá cả.

### Nguồn vốn dài hạn

Masan Resources điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp với danh mục hoạt động của các dự án. Việc niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM cho phép công ty giảm thiểu chi phí vốn, bởi vì việc này cung cấp cho các bên cho vay và các nhà đầu tư chiến lược lâu dài một loại "tiền tệ có tính thanh khoản cao" để có thể quản lý tốt hơn khẩu vị rủi ro của họ.

Thông qua đầu tư trực tiếp vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, Masan Resources cũng đang hướng tới đảm bảo phát triển bền vững lâu dài các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Năng lực lãnh đạo

Masan Resources, với tư cách là một doanh nghiệp có tầm quan trọng chiến lược tại Việt Nam và trên thị trường vonfram thế giới, sẽ tiếp tục phát huy vị thế tiên phong trên thị trường của mình để xây dựng nên những chuẩn mực mới về hiệu quả sản xuất, quản trị xã hội và doanh nghiệp và an toàn lao động trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản ở cấp quốc gia và quốc tế. Vị thế hàng đầu trong ngành cũng giúp Masan Resources luôn "sớm nhìn ra" các cơ hội sinh lời và qua đó đầu tư một cách chọn lọc nhằm tăng lợi nhuận của cổ đông. Masan Resources cũng tìm cách tác động một cách tích cực đến sự phát triển chính sách hỗ trợ của nhà nước và thực tiễn ngành bằng cách phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong các nhóm vận động chính sách của ngành công nghiệp trong nước cũng như quốc tế.





# Chiến lược phát triển trung hạn của Masan Resources

Xây dựng thành công mô hình đầu tiên về vonfram trên 15 năm qua làm nền tảng vững chắc



## Các mục tiêu trung hạn của Masan Resources





**Nắm bắt các cơ hội thị trường...**

Là một trong những mỏ vonfram đang hoạt động lớn nhất thế giới có nguồn trữ lượng thô dài hạn

Đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm

Dự án tạo dòng tiền có đủ khả năng tự cung cấp cho các dự án trong tương lai

Là nhà sản xuất nguyên liệu vonfram lớn nhất ngoài Trung Quốc - chiếm 38% thị phần vonfram toàn cầu (ngoài Trung Quốc)

Nhà sản xuất quy mô lớn, chi phí thấp với tổng chi phí trên một đơn vị sản xuất là \$83/mtu

Được bảo trợ bởi Masan Group + Vốn chủ sở hữu bằng tiền mặt

**Quy mô và tầm ảnh hưởng toàn cầu**

**Công nghệ và năng lực vận hành**

**Nguồn vốn dài hạn**

**Dẫn dắt thị trường và hoạt động theo mô hình định hướng lấy khách hàng làm trung tâm**

**Tối ưu hóa**

Quản lý chi phí hiệu quả

Sản xuất và đổi mới sáng tạo để tăng cường và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản

Kiểm soát chi phí chặt chẽ để duy trì là nhà sản xuất với chi phí thấp

Giảm nợ vay

Tái cơ cấu những khoản nợ hiện tại sang vay vốn bằng tiền USD với mức lãi suất thấp hơn

**Tiến tới là nhà cung cấp sản phẩm cận sâu**

Tiến hành mua bán và sát nhập (M&A) để xây dựng vị thế là nhà chế biến sản phẩm cận sâu

Đầu vào ổn định, cạnh tranh về chi phí

Giảm biên độ biến động của sản phẩm cuối

Gia tăng ảnh hưởng đối với thị trường

**Tăng cường nguồn cung nguyên liệu thô**

Hướng đến mục tiêu nắm trên 50% thị phần nguyên liệu thô và nâng mức dự trữ nguyên liệu thô

Tiêu chí lựa chọn nguồn cung nghiêm ngặt

**Hướng tới dòng sản phẩm cao cấp**

TRỞ THÀNH nhà chế biến CÁC SẢN PHẨM VONFRAM THÀNH PHẨM

Trở thành "Intel trong ngành vonfram"

Năng suất, đổi mới sáng tạo, thương hiệu



## CƠ CẤU TỔ CHỨC & QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu quản lý

- Đại hội đồng Cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Đội ngũ Quản lý của MSR
- Ban Kiểm soát của msr
- Ủy ban Phát triển Bền vững
- Ủy ban Quản lý Rủi ro



## Cơ cấu tổ chức

### Công ty mẹ

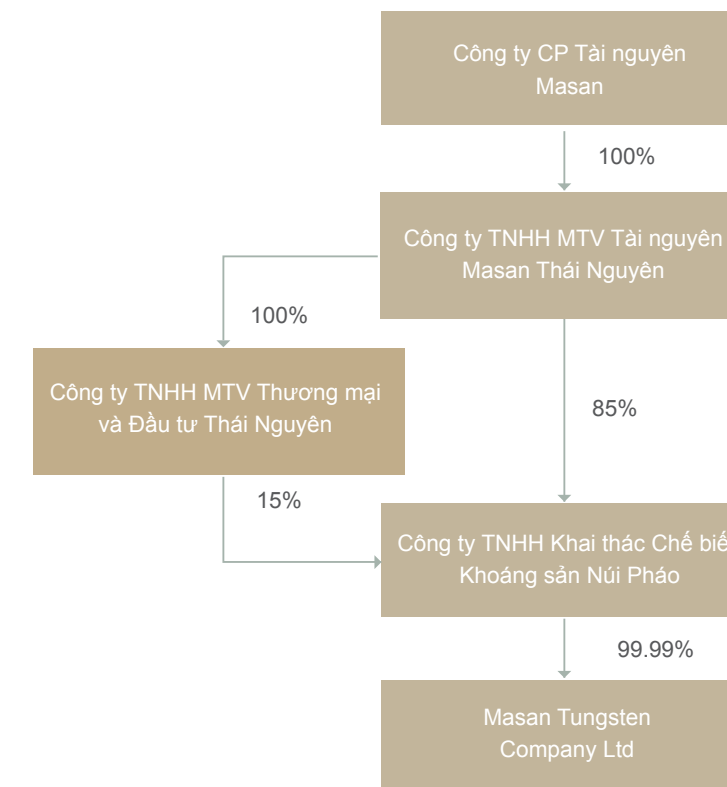
#### Công ty cổ phần Tài nguyên Masan (MSR)

##### Thông tin chung

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Địa chỉ	: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 8 6256 3862
Fax	: +84 8 3827 4115
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp	: Số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 03 tháng 10 năm 2018.
Vốn điều lệ đăng ký	: 8.993.091.220.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	: 8.993.091.220.000 đồng
Website	: <a href="http://www.masangroup.com/masanresources">www.masangroup.com/masanresources</a>
Ngành nghề kinh doanh chính	: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và</li> <li>• Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).</li> </ul>

### Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu doanh nghiệp của Masan Resources được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



**Các công ty con hợp nhất**

**Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên (MRTN)**

**Thông tin chung**

Tên công ty	: Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
Địa chỉ	: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 8 6256 3862
Fax	: +84 8 3827 4115
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp	: Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 17 tháng 6 năm 2016
Vốn điều lệ đăng ký	: 5.140.335.573.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	: 5.140.335.573.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	: 100% vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và</li> <li>• Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính)</li> </ul>

**Công ty TNHH một thành viên Thương mại và đầu tư Thái Nguyên (TNTI)**

**Thông tin chung**

Tên công ty	: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
Địa chỉ	: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 8 6256 3862
Fax	: +84 8 3827 4115
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp	: Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	: 1.624.861.500.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	: 1.624.861.500.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	: 100% vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);</li> <li>• Quảng cáo;</li> <li>• Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường);</li> <li>• Khai thác các khoáng sản quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính);</li> <li>• Khai thác kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở chính);</li> <li>• Xúc tiến thương mại; và</li> <li>• Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu (cụ thể: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</li> </ul>

TNTI được thành lập vào ngày 15 tháng 10 năm 2010 dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để thực hiện hoạt động tư vấn (ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán), quảng cáo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại. TNTI nằm trong nhóm các công ty được thành lập để phát triển Dự án Núi Pháo bao gồm MRTN, NPMC và TNTI.



**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (NPMC)**

**Thông tin chung**

Tên công ty	:	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ	:	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 4 37182490
Fax	:	+84 4 37182491
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp	:	Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 5 tháng 7 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 9 ngày 24 tháng 10 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	:	4.789.010.000.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	:	4.789.010.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);</li> <li>• Khai thác quặng chứa kim loại màu khác;</li> <li>• Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản));</li> <li>• Các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khai thác mỏ và quặng khác (ngoài các mục nêu trên);</li> <li>• Chế biến quặng kim loại quý hiếm;</li> <li>• Kinh doanh kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);</li> <li>• Hoạt động tư vấn quản lý;</li> <li>• Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; và</li> <li>• Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.</li> </ul>

**Công ty TNHH Vonfram Masan (MTC)**

**Thông tin chung**

Tên công ty	:	Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ	:	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 4 73075588
Fax	:	+84 4 37182491
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp	:	Số 4601163743 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15 tháng 1 năm 2014, sửa đổi bổ sung lần thứ bảy ngày 16 tháng 10 năm 2018
Vốn điều lệ đăng ký	:	1.250.000.000.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	:	1.250.000.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Tinh luyện kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến Vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước).

## Cơ cấu quản lý

### Đại hội đồng cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của MSR, ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của HĐQT.

### Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc khi có yêu cầu để đánh giá và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị hiện tại gồm có bốn (4) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không vượt quá 5 năm, có khả năng tái bầu cử vào cuối nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

#### Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị:



**Ông Chetan Prakash Baxi**  
Chủ tịch HĐQT

Thành viên độc lập từ 20/12/2013



**TS. Nguyễn Đăng Quang**  
Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành từ 18/02/2013



**Ông Nguyễn Thiệu Nam**  
Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành từ 18/02/2013



**Ông Nguyễn Văn Thắng**  
Thành viên HĐQT

Thành viên độc lập từ 22/4/2016



**Ông Dominic John Heaton\***  
Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành từ 22/4/2016

\* Ghi chú: Ông Dominic John Heaton đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 26/07/2018

### Đội ngũ quản lý của MSR

#### Danh sách thành viên Ban Giám đốc



**Ông Craig Richard Bradshaw**  
Tổng Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw có trên 25 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Ông cũng từng là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan, là nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc. Trước đó, ông Bradshaw làm việc trong vai trò quản lý tại công ty Mount Isa Mines Limited ("MIM") và Xstrata.



**Ông Nikhil Kamran**  
Giám đốc Tài chính  
(từ chức ngày 23/08/2018)

Ông Nikhil Kamran có trên 13 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: bất động sản, kinh doanh trò chơi, dịch vụ thuê trọ, nông nghiệp và truyền thông.

Trước khi gia nhập Masan Resources, ông Kamran là Giám đốc Tài chính một công ty tư nhân, tại đây ông khởi phát và quản lý những ủy thác từ tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, M&A và IPOs. Ông Kamran tốt nghiệp Đại học Pennsylvania, Mỹ.

Ngày 23/8/2018, vì lý do cá nhân, ông Kamran đã có thư xin từ nhiệm khỏi vị trí Giám đốc Tài chính của MSR và được HĐQT MSR chấp thuận.

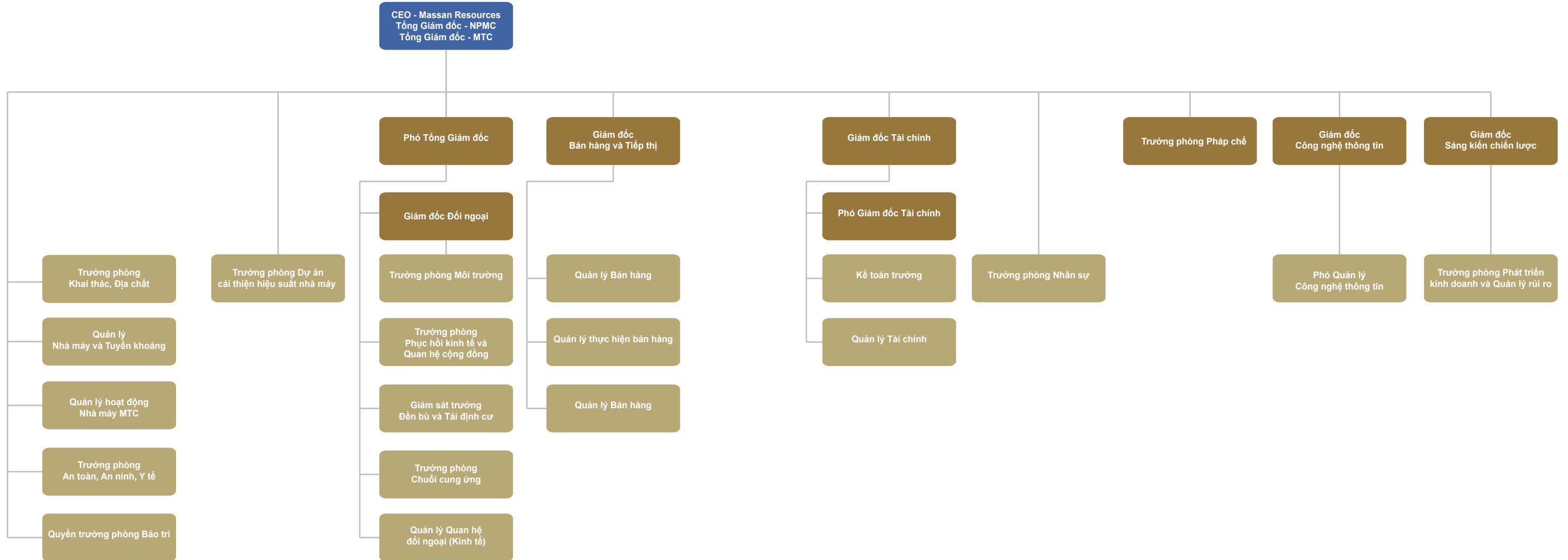


**Bà Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai là Cử nhân Kế toán - ĐH Kinh tế Quốc Dân và giữ Chứng chỉ Kiểm toán viên - Bộ Tài chính. Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm về kiểm toán tại Công ty TNHH Arthur Andersen Việt Nam và Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty, bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách mảng kế toán, tài chính và thuế tại Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc trong 12 năm.



Sơ đồ tổ chức của MSR







**Hội đồng thành viên NPMC**

**Danh sách Hội đồng Thành viên NPMC**

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên, Chủ tịch và Tổng Giám đốc được quy định trong điều lệ của NPMC. Theo Điều lệ, Hội đồng Thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của NPMC và gồm có tối đa bốn (04) thành viên, trong đó MRTN được bổ nhiệm tối đa ba (03) thành viên và TNTI được bổ nhiệm một (01) thành viên.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của NPMC. Chủ tịch Hội đồng Thành viên do MRTN đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

 <p><b>TS Nguyễn Đăng Quang</b> Chủ tịch HĐQT</p> <hr/> <p><i>Ngày bổ nhiệm: 01/07/2010</i></p>	 <p><b>Ông Nguyễn Văn Thắng</b> Phó chủ tịch HĐQT</p> <hr/> <p><i>Ngày bổ nhiệm: 09/11/2010</i></p>
 <p><b>Ông Nguyễn Thiệu Nam</b> Thành viên HĐQT</p> <hr/> <p><i>Ngày bổ nhiệm: 01/07/2010</i></p>	 <p><b>Ông Chetan Prakash Baxi</b> Thành viên HĐQT</p> <hr/> <p><i>Ngày bổ nhiệm: 02/06/2014</i></p>

**Ban Điều hành của NPMC**

 <p><b>Ông Richard Bradshaw</b> Tổng Giám đốc</p> <hr/> <p>Ông Craig Richard Bradshaw có trên 25 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Ông cũng từng là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan - nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc. Trước đó, ông Bradshaw làm việc trong vai trò quản lý tại công ty Mount Isa Mines Limited ("MIM") và Xstrata.</p>	 <p><b>Ông Vũ Hồng</b> Phó Tổng Giám đốc</p> <hr/> <p>Ông Vũ Hồng có hơn 30 năm kinh nghiệm phát triển dự án, bao gồm 6 năm làm việc cho Ngân hàng Thế giới tại các quốc gia khác nhau như Việt Nam, CHDCND Lào, Đông Timor, Trung Quốc và Philippines. Ông tốt nghiệp Đại học Thủy Lợi Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Thủy văn của Đại học Roorkee, Ấn Độ. Ông Vũ Hồng hiện đang là thành viên Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (VAGME).</p>
 <p><b>Ông Nikhil Kamran</b> Giám đốc Tài chính</p> <hr/> <p>Ông Nikhil Kamran có trên 13 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: bất động sản, kinh doanh, trò chơi, dịch vụ thuê trọ, nông nghiệp và truyền thông.</p> <p>Trước khi gia nhập Masan Resources, Ông Kamran là Giám đốc Tài chính một công ty tư nhân, tại đây ông khởi phát và quản lý những ủy thác từ tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, M&amp;A và IPOs. Ông Kamran tốt nghiệp Đại học Pennsylvania, Mỹ. Ông Kamran đã xin từ nhiệm khỏi vị trí Giám đốc Tài chính NPMC và thôi không còn giữ chức vụ này từ ngày 23/08/2018.</p>	 <p><b>Ông Tony Fitzgerald</b> Giám đốc Kinh doanh &amp; Tiếp thị</p> <hr/> <p>Ông Tony Fitzgerald có hơn 26 năm kinh nghiệm về ngành công nghiệp kim loại với nhiều loại hàng hóa và sản phẩm như: đồng, thiếc, chì đã tinh luyện và các tinh quặng. Ông Fitzgerald từng công tác tại các công ty Pasminco, MIM, Xstrata, Transamine và Louis Dreyfus trong các lĩnh vực từ tiếp thị, kinh doanh quốc tế, phát triển kinh doanh, kinh doanh kim loại, khai thác cho tới kho vận. Ông có bằng Cử nhân liên ngành của trường Đại học Victoria - Úc.</p>

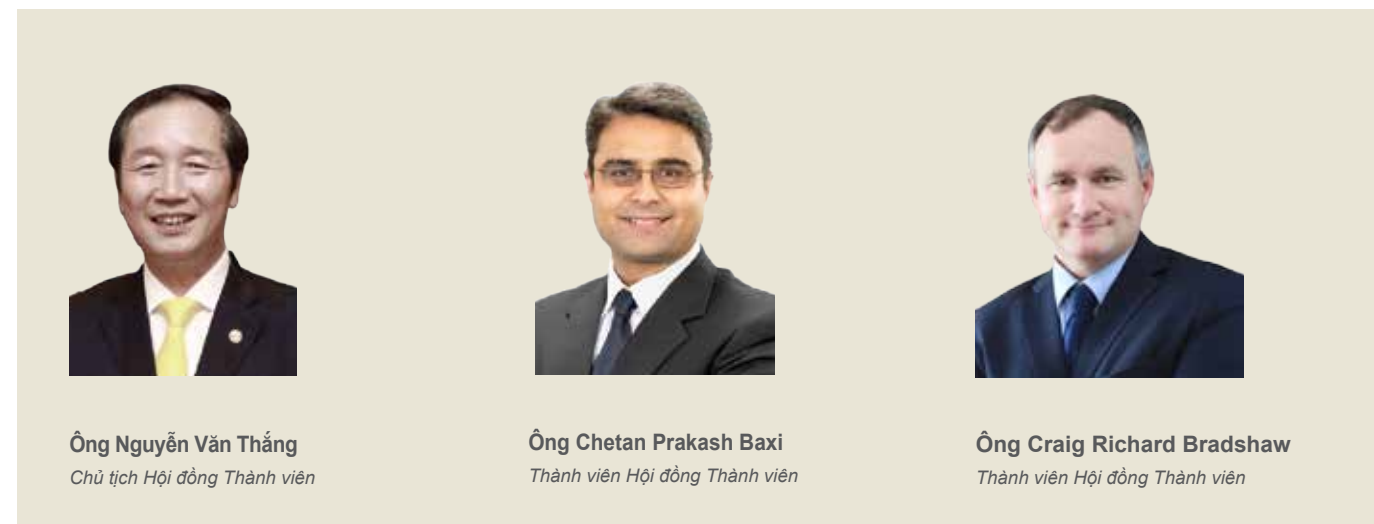


## Hội đồng Thành viên của MTC

### Danh sách thành viên của Hội đồng Thành viên của MTC

Theo Điều lệ, cơ cấu tổ chức quản lý của MTC gồm có Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc. Hội đồng Thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của MTC và gồm tối đa bốn (04) đại diện do NPMC và TNTI chỉ định, trong đó NPMC được chỉ định tối đa ba (03) đại diện và TNTI được chỉ định một (01) đại diện.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của MTC. Hội đồng Thành viên có một Chủ tịch Hội đồng Thành viên do NPMC đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



## Ban Điều hành của MTC



**Ban Kiểm soát của MSR**



**Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên**  
*Trưởng Ban Kiểm soát*

*Ngày bổ nhiệm: 05/05/2015*

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên là trưởng Ban Kiểm soát của MSR, và kế toán trưởng của MSN. Bà Duyên chịu trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính, thông báo cũng như quản lý các vấn đề tài chính tại MSN.

Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, bà Duyên từng làm việc cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Duyên có bằng Thạc sỹ Kế toán của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA).



**Ông Nguyễn Quỳnh Lâm**  
*Thành viên*

*Ngày bổ nhiệm: 22/04/2016*

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là thành viên của Ban Kiểm soát của MSR, Trưởng Ban Kiểm soát của cả MSN và MSC. Ông Lâm gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 2001 và giữ nhiều vị trí cấp cao về tài chính ở các công ty của Tập đoàn Masan. Ông Lâm có bằng Cử nhân Khoa học về Kinh tế Khai thác mỏ.



**Bà Phạm Quỳnh Nga**  
*Thành viên*

*Ngày bổ nhiệm: 22/04/2016*

Bà Phạm Quỳnh Nga là thành viên của Ban Kiểm Soát của MSR, thành viên Ban Kiểm Soát của MNS và ANCO. Bà Nga gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 2015 và hiện giữ vị trí nhân viên Kế toán Cấp cao. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, bà Nga đã từng làm việc cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Nga có chứng chỉ CPA Australia.







**Ủy ban Phát triển Bền vững**

*Danh sách thành viên Ủy ban Phát triển Bền vững:*

Số TT	Họ & tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Phát triển bền vững	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Dominic John Heaton	Chủ tịch	22/4/2016	1/1	100%	
2	Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên	23/6/2017	1/1	100%	
3	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên	23/6/2017	1/1	100%	
4	Ông Vũ Hồng	Thành viên	23/6/2017	1/1	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	23/6/2017	1/1	100%	
6	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	23/6/2017	1/1	100%	

**Ủy ban Quản lý Rủi ro**

*Danh sách thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro:*

Số TT	Họ & tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch	22/4/2016	1/1	100%	
2	Ông Dominic John Heaton	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
3	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
4	Ông Nikhil Kamran	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
5	Ông Morgan Carroll	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
6	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
7	Ông Phạm Nguyên Hải	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	

\* Ghi chú: Ông Nikhil Kamran thôi là Thành viên của Ủy ban Quản lý Rủi ro từ ngày 23/08/2018



# B

## ÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc
- Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo Đánh giá của Ban kiểm soát
- Báo cáo Quản trị Công ty
- Báo cáo Quản lý Nhân sự
- Báo cáo Quản lý Rủi ro



## Báo cáo định hướng kinh doanh

### Bức tranh kinh tế năm 2018

Năm 2018 là năm tiếp tục duy trì đà tăng trưởng của năm 2017, vốn chịu tác động lớn bởi mức tăng trưởng đầu tư tại các nền kinh tế phát triển tăng, sự ổn định kinh tế ở Đông Á, và sự hồi phục sau đợt suy thoái hay tăng trưởng chậm ở một số nền kinh tế đang phát triển và cộng đồng các quốc gia độc lập.

Đà tăng trưởng toàn cầu năm 2018 được củng cố nhờ chính sách tài khóa mở rộng mạnh mẽ tại Mỹ và tiêu dùng cá nhân tăng mạnh tại các nước Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam, đồng thời bù đắp phần lớn mức tăng trưởng chậm lại tại các nền kinh tế lớn khác ở Trung Âu và châu Phi.

Châu Âu (Eurozone), thị trường tiêu thụ vonfram thị giảm nhẹ trong năm 2018 do xuất khẩu ổn ngày càng lớn trong thương mại toàn tăng mạnh về đầu tư và tiêu dùng tư vẫn cao, chi phí đi vay thấp và thị thiện. Tổng sản phẩm quốc nội dụng đồng tiền chung châu Âu năm 2018 và dựa vào triển hàng Trung ương Châu Âu hơn nữa chính sách tiền tệ nói lòng định lượng từ cuối

Năm 2018, các chỉ số tâm Mỹ - nước tiêu thụ vonfram Trung Quốc, đều ở mức cao động kinh tế và cắt giảm động, dẫn đến tăng trưởng tăng giúp Mỹ trở thành nền trong nhóm G7.

Nhật Bản - nước tiêu thụ vonfram Quốc, có tăng trưởng GDP không ổn ở mức âm, dương xen kẽ giữa các quý. dân tiếp tục là điểm sáng trong nền kinh tế Nhật thành phần GDP phải bù lại một phần lượng xuất khẩu chuỗi cung ứng và bền xuất của nước này. Tăng trưởng GDP trung bình năm 2018 dự kiến ở mức 0,9 – 1,0%.

Nền kinh tế vẫn là nền tảng mềm cho Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và là nước tiêu thụ vonfram lớn nhất toàn cầu. Trong khi cuộc chiến thương mại của nước này với Mỹ đang tạo áp lực lên tăng trưởng kinh tế, thì Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã nói lòng chính sách tiền tệ bằng việc nhiều lần cắt giảm yêu cầu dự trữ trong năm để hỗ trợ khả năng thanh khoản và tăng trưởng giữa tình hình gia tăng căng thẳng thương mại với Washington. Trong năm 2018, doanh thu bán lẻ và đầu tư tài sản cố định đều tăng mạnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế ước tính đạt khoảng 6,5%.

**THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM CỦA MASAN RESOURCES TRONG NĂM 2019 ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ ĐANG Ở VỊ THẾ TỐT**

lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc, có lượng tiêu rông thu hẹp vì bị ảnh hưởng từ những bất cầu nhưng được bù lại một phần nhờ nhân. Niềm tin của khu vực tư nhân trường lao động tiếp tục được cải (GDP) của khu vực các nước sử dự kiến tăng 2,0 - 2,3% trong vọng tích cực chung, Ngân đã thông báo về việc thắt chặt và chấm dứt chương trình tháng 12 năm 2018.

lý và niềm tin kinh tế tại lớn thứ hai thị trường ngoài lịch sử, phản ánh các hoạt thuế doanh nghiệp diễn ra sôi việc làm và tiêu dùng cá nhân kinh tế phát triển nhanh nhất

lớn thứ ba thị trường ngoài Trung định, tốc độ tăng trưởng kinh tế tiếp tục Chi tiêu cho đầu tư và tiêu dùng của người Bản, nhưng mức tăng trưởng chung của các giảm do điều kiện thời tiết khắc nghiệt gây gián đoạn

### Thị trường hóa chất & kim loại công nghiệp năm 2018

Chúng ta đã khởi đầu năm mới một cách mạnh mẽ khi giá các sản phẩm của Công ty nối tiếp đà tăng của năm trước. Với mặt hàng Vonfram, nhu cầu sử dụng vẫn rất lớn xuất phát từ ngành hàng không, vũ trụ, dầu khí và dụng cụ cắt làm từ kim loại có độ cứng cao. Đối với florit, thị trường sản phẩm axit hydrofloric và nhôm florua đều cho thấy nhu cầu mua vào tăng mạnh.

Đặc biệt, nhu cầu về sản phẩm vonfram và florit của Công ty tại thị trường Mỹ tăng mạnh bền vững trong suốt năm. Điều này cũng diễn ra ở thị trường Nhật Bản. Bên cạnh đó, thị trường Trung Quốc và Châu Âu cũng khởi đầu năm mới một cách vững chắc, tuy nhiên có một số biến động trong sáu tháng cuối năm do liên quan đến cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, làm giảm tâm lý tích cực của hai thị trường này. Mặc dù, nhu cầu vẫn giữ ở mức ổn nhưng không duy trì được đà tăng của những tháng trước đó.

Về nguồn cung, chúng ta tiếp tục chứng kiến việc Trung Quốc áp đặt các quy định và xử phạt cứng rắn hơn về môi trường đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp trong nước. Điều này khiến nhiều cơ sở phải tạm ngừng sản xuất vào các thời điểm khác nhau, đồng thời gây sụt giảm lượng cung cho thị trường dẫn đến việc sản xuất vonfram và florit đều chịu ảnh hưởng. Nhiều nhà sản xuất không tuân thủ quy định đã phải rời khỏi thị trường. Ngoài Trung Quốc, còn có mỏ vonfram Hemerdon ở Anh phải dừng hoạt động trong Quý IV, 2018. Mỏ này bắt đầu đi vào sản xuất năm 2015 và dự kiến giúp làm giảm sự thiếu hụt vonfram có tính cơ cấu trên thị trường tại các nước khác trên thế giới. Việc loại bỏ nguồn sản xuất này sẽ càng gia tăng căng thẳng về sự thiếu hụt vonfram trong tương lai. Đối với florit, chúng ta tiếp tục chứng kiến dây chuyền sản xuất mới tại Canada đang phải đối mặt với những vấn đề về nâng công suất sản xuất. Điều này dẫn đến nguồn nguyên liệu thô cho nhu cầu của thị trường vốn đã “khan hiếm” lại càng ít.

Vonfram và florit đều đạt lợi nhuận ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, giá muối vonfram APT Châu Âu (cận dưới/ thấp) bình quân tăng 29% so với cùng kỳ năm trước và kết thúc năm đứng ở mức 270 USD/mtu; giá florit tăng 43% so với cùng kỳ năm trước và kết thúc năm đứng ở mức 565 USD/dmt.

Thị trường đối với các sản phẩm của Công ty trong năm 2019 được đánh giá là đang ở vị thế tốt. Chất lượng sản phẩm của Công ty được công nhận toàn cầu, đồng thời là nhà cung cấp được ưa thích đối với nhiều khách hàng lớn trên thế giới. Sự ghi nhận này giúp tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh của Công ty qua các thời kỳ biến động của nền kinh tế.

GIÁ HÓA CHẤT VÀ KIM LOẠI	Đơn vị	Trung bình	Trung bình	% Thay đổi	Tại ngày	Tại ngày
		năm 2018	năm 2017		31.12.18	31.12.17
Giá APT Châu Âu thấp*	USD/mtu	308	239	29%	270	294
Mức Bismuth thấp*	USD/lb	4,4	4,8	-8%	3,4	5,1
Đồng*	USD/t	6.523	6.166	6%	5.965	7.157
Florit cấp axit**	USD/t	493	345	43%	565	410

### Triển vọng kinh tế năm 2019

*“Các nhà kinh tế kiến tạo ra thế giới riêng của họ. Chúng ta giống như thượng đế có kinh tế học nhân tạo, muốn chứng kiến chuyện gì sẽ xảy ra.”*

Edward C. Prescott

Chỉ cần tra từ khóa “Triển vọng kinh tế thế giới năm 2019” trên Google sẽ cho ta hàng trăm trang web mô tả về những đám mây u ám đang bao phủ nền kinh tế toàn cầu và những khó khăn của nền kinh tế có thể gặp phải trong năm 2019.

Kể từ Quý 3 năm 2018, tâm lý và niềm tin thị trường bị suy giảm bởi các chỉ số vĩ mô như: tăng trưởng sản xuất và thương mại quốc tế giảm nhẹ, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn leo thang, chi phí đi vay tăng lên, giá năng lượng và các hàng hóa khác luôn biến động, cùng với tâm lý bi quan đang bao trùm khắp các phương tiện truyền thông kinh doanh. Tuy nhiên, dấu hiệu tích cực từ những biện pháp cải cách đưa ra bởi các lãnh đạo chính trị và kinh doanh để ổn định nền kinh tế toàn cầu và tăng trưởng cốt lõi nên được ghi nhận thỏa đáng và đưa ra để phân tích và hiểu rõ bức tranh tổng thể.

Chúng ta đang khá lạc quan về triển vọng nền kinh tế Mỹ và dù mức tăng trưởng năm 2019 có thể hơi thấp hơn so với năm 2018, nhưng vẫn còn nhiều động lực thúc đẩy tăng trưởng cũng như việc tạo thêm trên 300.000 việc làm vào tháng 12/2018 là một minh chứng cho điều này. Mức chi tiêu tiêu dùng đang tăng lên với chỉ số niềm tin cao và tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm đảm bảo sự tăng thu nhập thực tế sẽ hỗ trợ cho sự ổn định lâu dài của nền kinh tế nước này.

Đối với Trung Quốc, chúng ta chứng kiến đủ các công cụ về tiền tệ và khoảng trống chính sách tài khóa để đối phó với ảnh hưởng của các chính sách thương mại bất lợi, kích thích tăng trưởng và duy trì ở trên mức mốc 6%. Một trong những biện pháp đó là mở rộng phát hành trái phiếu chính phủ, giảm tỷ lệ yêu cầu dự trữ và áp dụng một loạt chính sách cắt giảm thuế nhằm tăng mức chi tiêu cá nhân, thương mại và chính phủ và sẽ cho thấy tính hiệu quả từ năm 2019 trở đi. Chúng tôi cũng kỳ vọng rằng với những quyền lợi riêng mỗi bên tương ứng trong việc giải quyết tranh chấp thương mại, các bên sẽ đạt được kết quả hợp lý về thương mại, góp phần vào sự phát triển kinh tế trong năm 2019.

Mặc dù các thị trường mới nổi nói chung đang có nguy cơ giảm dần tốc độ tăng trưởng do việc đồng đô Mỹ tăng mạnh, những bất ổn gây ra bởi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và tăng chi phí đi vay, nhưng Ấn Độ lại không ngừng khởi sắc và sau khi đạt ở mức tăng trưởng hấp dẫn trên 7% trong năm 2018 thì nước này được dự đoán sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng này và là nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới trong năm 2019 nhờ sự tăng chi tiêu tiêu dùng và chi tiêu của chính phủ tăng lên cho các cuộc bầu cử quốc hội sắp diễn ra. Masan Resources không ngừng tìm kiếm các giải pháp để thâm nhập sâu hơn vào thị trường này trong tương lai.

Triển vọng đối với khu vực Eurozone không mấy lạc quan do các yếu tố rủi ro về chính trị tại một số nước và tình hình khó lường liên quan tới sự kiện Brexit, nên tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự đoán sẽ tiếp tục giảm trong năm 2019.

Việc liên tiếp xảy ra động đất và bão lốc vào mùa hè năm 2018 đã khiến nền kinh tế Nhật Bản thực tế bị suy giảm trong Quý 3/2018, nhưng theo khảo sát Tankan tháng 12 - một khảo sát kinh tế ngắn hạn đối với các doanh nghiệp được thực hiện bởi Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ), thì GDP trong quý IV năm 2018 được dự đoán sẽ tăng lên. Chúng ta kỳ vọng tăng trưởng kinh tế Nhật Bản sẽ tăng trong năm 2019 dù ở tốc độ chậm, nhưng lạm phát sẽ ở dưới mức mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ), từ đó đảm bảo không cần có thêm bất kỳ biện pháp thắt chặt tiền tệ nào. Mặc dù vẫn có rủi ro nhỏ về tốc độ tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Nhật Bản trong Quý IV năm 2019 do đề xuất tăng thêm 2% thuế tiêu dùng, nhưng chúng tôi tin rằng ảnh hưởng này không đáng kể vì Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra một số biện pháp giảm thiểu như miễn giảm thuế đối với một số mặt hàng nhất định và chương trình tích lũy điểm thưởng.

Nhìn chung, năm 2019 được dự đoán sẽ là một năm có nhiều biến động do những căng thẳng thương mại hiện nay và hậu Brexit, nhưng về cơ bản nó lại giúp củng cố nền kinh tế toàn cầu và tạo ra nền tảng cho sự tăng trưởng bao trùm và bền vững trong tương lai gần.

### Triển vọng tài chính năm 2019

Sự chuyển dịch của Công ty từ một công ty khác thác khoáng sản thuần túy thành công ty có nền tảng công nghệ hiện đại sẽ tiếp tục trong năm 2019. Với việc mua lại 49% phần vốn góp của Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck trong năm 2018 đã giúp Công ty củng cố năng lực chế biến sâu, đồng thời lợi ích thu được từ việc mua lại sẽ được hiện thực hóa trong năm 2019. Khởi điểm là nhà sản xuất sản phẩm thô sẽ cho phép chúng ta tiếp tục tận dụng lợi ích từ chuỗi cung ứng bảo đảm, lâu dài và chi phí thấp, đem lại lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các nền tảng sản phẩm công nghiệp khác. Công ty duy trì tin tưởng vào viễn cảnh với các cơ hội khai thác và chế biến sản phẩm gia tăng giá trị ở mức giá tốt.

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2018, Công ty kỳ vọng tiếp tục tăng doanh thu và lợi nhuận cho cổ đông dựa trên nền tảng vững chắc đã đạt được trong năm 2018, đồng thời chứng kiến giá của hai sản phẩm chính là Vonfram và Florit tiếp tục tăng cao trong năm 2019. Ngoài ra, nâng cao công suất chế biến của Nhà máy Hóa chất Vonfram Masan giúp khai mở năng lực chế biến tiềm tàng. Trong năm 2019, Công ty sẽ tăng lượng mua các tinh quặng và nguyên liệu vonfram của bên thứ ba để tận dụng tối đa công suất vượt trội của Nhà máy Hóa chất Vonfram Masan.

Kiểm soát và quản trị chi phí tiếp tục là một trong những nguyên tắc cốt lõi của Công ty. Trong năm 2019, Ban điều hành cũng tập trung vào việc giảm vốn lưu động và cải thiện lưu lượng tiền mặt. Bất kỳ lượng tiền mặt dư thừa có sẵn nào đều được dùng để trả nợ ngay.

Dựa vào những điều nêu trên và tình hình kinh tế toàn cầu không xấu đi, Ban điều hành tin tưởng Công ty có thể đạt doanh thu thuần 7.700 – 8.500 tỷ đồng và lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông từ 700 – 1.000 tỷ đồng tương ứng.





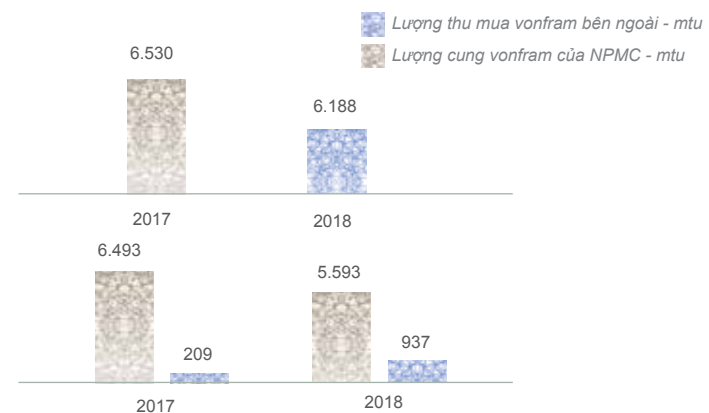
**Kết quả kinh doanh năm 2018**

**Sản lượng hàng năm**

**Vonfram Muối Ammonium Paratungstate (APT)**

Tổng sản lượng APT giảm 5,2% so với năm trước, từ 6.530 tấn kim loại WO3 xuống 6.188 tấn. Lượng cung của NPMC giảm 14%, xuống còn 5.593 tấn do sản lượng giảm (chi tiết bên dưới), trong khi lượng thu mua từ bên thứ ba là 937 tấn, tăng 348% giúp bù lại một phần sản lượng giảm của NPMC.

Sản lượng của NPMC giảm 15%, xuống còn 5.486 tấn do lượng tấn quặng nghiền giảm 2%, hàm lượng quặng đầu vào giảm 16% và được bù lại một phần bởi tỷ lệ thu hồi tăng 4% nhờ các dự án đầu tư cải tiến chu trình sản xuất trong năm 2017.

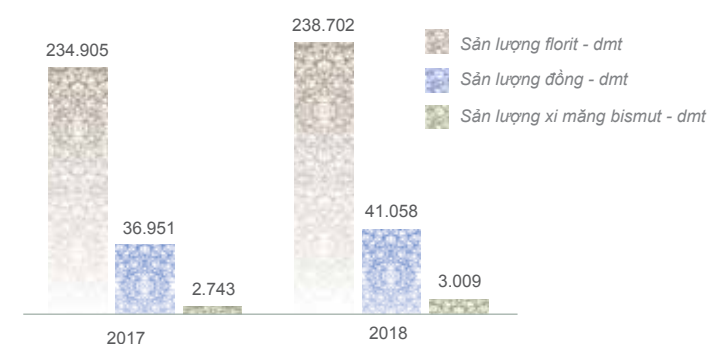


**Florit / Đồng và Xi măng Bismut**

Sản lượng Florit tăng 2%, đạt 238.702 tấn. Lượng quặng nghiền và hàm lượng đầu vào giảm 2% nhưng được bù lại bởi tỷ lệ thu hồi tăng 4%. Tỷ lệ thu hồi cao hơn là nhờ các sáng kiến cải tiến nâng cao hiệu suất từ năm 2017 và 2018.

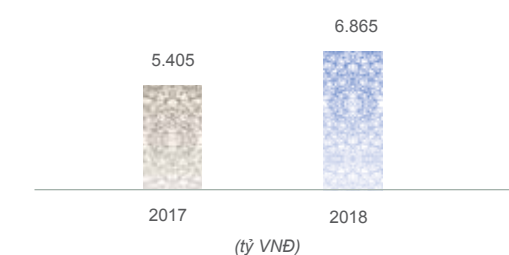
Sản lượng đồng tăng đáng kể lên 11%, đạt 41.058 tấn mặc dù lượng quặng nghiền giảm. Hàm lượng quặng đầu vào cải thiện chiếm phần lớn sản lượng tăng lên và tăng 11% so với năm trước, trong khi tỷ lệ thu hồi cũng tăng 1% nhờ hiệu quả sản xuất.

Sản lượng xi măng bismut tăng 13%, đạt 3.009 tấn. Một lần nữa, hàm lượng quặng đầu vào chiếm phần lớn sản lượng tăng lên, tăng 16% so với năm 2017. Những cải thiện này đã góp phần bù lại lượng giảm về tỷ lệ thu hồi do một vài vấn đề về độ tin cậy của chu trình tuyển phát sinh trong năm 2018.



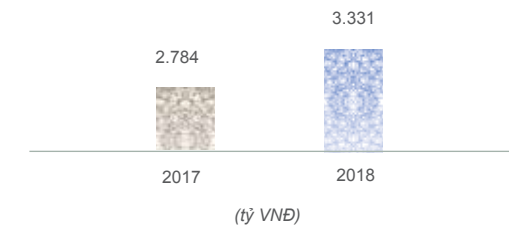
**Doanh thu thuần**

Ngoài APT, sản lượng của tất cả các sản phẩm khác năm 2018 đều cao hơn so với năm 2017. Nhờ những sản lượng này cùng với giá bán trung bình của tất cả các sản phẩm đều cao hơn, ngoại trừ Bismut, doanh thu thuần của Công ty đạt kỳ lục 6.865 tỷ đồng, tăng 27,0% so với 5.405 tỷ đồng năm 2017. Việc ghi nhận Masan Resources là thương hiệu quốc tế dựa trên các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy đã đem lại một số kết quả như giá bán vonfram và florit của Công ty tăng lên lần lượt là 35% và 29% so với năm trước. Mặc dù giá Vonfram giảm nhẹ trong 6 tháng cuối năm 2018 do gia tăng bất ổn trên thế giới bởi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, nhưng các động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn được duy trì và ngày càng mạnh mẽ cũng như sự thay đổi cấu trúc nguồn cung tiếp tục diễn ra tại Trung Quốc, góp phần khiến giá vonfram tiếp tục có xu thế tăng lên trong năm 2019.



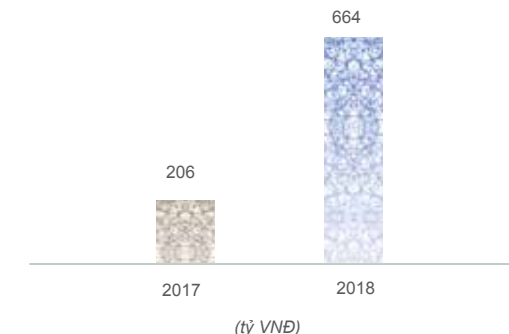
**Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (“EBITDA”)**

EBITDA đã tăng 20% so với năm trước. Kết quả này phần lớn là do giá bán tăng, bù lại một phần sản lượng bị giảm. Biên lợi nhuận EBITDA chưa điều chỉnh phát sinh một lần giảm so với năm 2017, nhưng vẫn giữ ở mức cao 49%. Các sáng kiến cải tiến tư liệu sản xuất được thực hiện trong năm 2017 đã giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram và florit đều ở mức 4%, bù lại một phần sụt giảm hàm lượng đầu vào của 2 sản phẩm lần lượt là 16% và 2%. Việc tiếp tục cải thiện tỷ lệ thu hồi và tăng hàm lượng đầu vào của Vonfram sẽ tác động tích cực đến biên lợi nhuận EBITDA trong năm 2019, mặc dù biên lợi nhuận gộp sẽ giảm do tăng lượng mua tinh quặng Vonfram từ bên thứ ba và hàm lượng đầu vào của Florit và Đồng giảm.



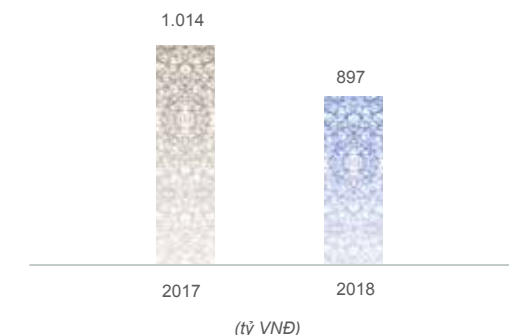
**Lợi nhuận thuần phân bổ cho Chủ sở hữu**

Năm 2018, Công ty mang lại lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông đạt mức kỷ lục với 664 tỷ đồng. Đây là kết quả của giá hàng hóa trên thị trường tăng, hiệu suất hoạt động cao hơn, kiểm soát chi phí hiệu quả hơn, thỏa thuận lại các điều khoản vay có lợi hơn và việc mua lại toàn bộ hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Vonfram Masan. Trong năm 2019, Ban điều hành kỳ vọng tiếp tục tăng lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông nhờ giá sản phẩm tăng, sản lượng cao hơn và hiện thực hóa thêm các lợi ích từ việc hợp nhất Công ty TNHH Vonfram Masan vào tình hình kinh doanh chung của Công ty.



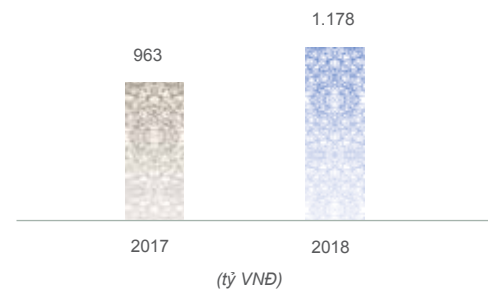
**Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty báo cáo dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 897 tỷ đồng, giảm 117 tỷ so với năm trước. Mặc dù lợi nhuận thuần tăng, nhưng dòng tiền mặt bị ảnh hưởng do tăng vốn lưu động, chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng chủ yếu nhờ doanh số bán hàng trong Quý IV cao hơn và giá các sản phẩm trong năm 2018 đều tăng. Doanh số bán hàng Quý IV sẽ được chuyển thành tiền mặt trong năm 2019. Việc tăng vốn lưu động cũng do việc tăng lượng hàng tồn kho liên quan đến tăng lượng thành phẩm, chủ yếu là sản phẩm đồng hành bismut. Lượng hàng tồn kho này ngày càng tăng vì chưa có nhà máy chế biến phù hợp nào tại Việt Nam có thể chế biến vàng và đồng có trong sản phẩm này. Hiện Công ty đang nghiên cứu các phương án để xây dựng cơ sở chế biến riêng, dự kiến bắt đầu sản xuất vào năm 2020.



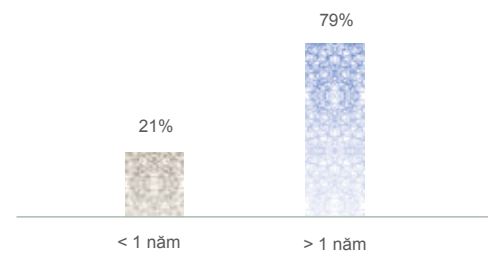
**Dòng tiền từ các hoạt động đầu tư**

Trong năm 2018, Công ty sử dụng tổng dòng tiền 1.718 tỷ đồng cho các hoạt động đầu tư. Điều chỉnh các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng và lãi thu được từ các khoản tiền gửi này, chi tiêu ròng cho tài sản cố định tổng cộng là 1.771 tỷ đồng, tăng 832 tỷ đồng so với năm 2017 (năm 2017 là 939 tỷ đồng). Dòng tiền đầu tư trong năm 2018 bao gồm 696 tỷ đồng cho việc mua lại Công ty liên doanh với HC. Starck. Các khoản tiền chi đầu tư khác là dành cho công tác đền bù đất đang thực hiện, các dự án đầu tư nâng cấp nhằm tăng hiệu suất và công suất nhà máy và các dự án phát triển bền vững chủ yếu liên quan đến công trình chứa quặng đuôi và quản lý nước thải. Trong năm 2019, chi phí đầu tư nâng cấp không bao gồm hoạt động đầu tư mua lại được dự tính sẽ tăng lên vì Công ty có kế hoạch xây dựng nhà máy tinh luyện vàng và đồng riêng trong khi các chi phí đầu tư phát triển bền vững và đền bù đất đai sẽ tiếp tục tương tự như năm 2018.



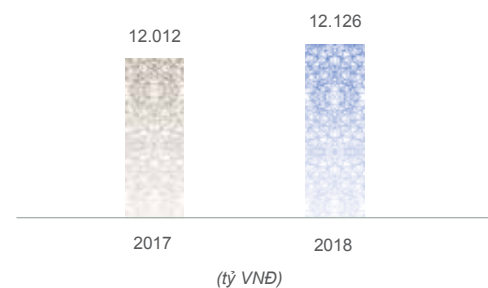
**Nợ đến hạn**

Trong số tổng các khoản nợ của Công ty, thì khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm chiếm 21%. Tỷ lệ nợ bên thứ ba của Công ty trên EBITDA đã giảm từ 4,1 năm trước xuống còn 3,5 tính đến ngày 31/12/2018. Bên cạnh đó, tỷ số thanh toán hiện thời đã được cải thiện từ 0,71 lên 1,06, phản ánh sự tập trung của Công ty vào việc cải thiện các điều khoản vay trong suốt năm 2018.



**Tài sản thuần và Vốn chủ sở hữu**

Tài sản ròng/ vốn chủ sở hữu tăng 1% so với năm trước lên mức 12.126 tỷ đồng trong năm 2018 so với mức 12.012 tỷ đồng trong năm 2017. Khoản tăng trong tài sản chủ yếu là từ các khoản phải thu, hàng tồn kho, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các chi phí khai thác trả trước. Sự tăng lên này được đối trừ một phần nhỏ bởi sự giảm tiền và các khoản tương đương tiền và bởi các chủ nợ cũng như tăng tổng số vay mượn. Trọng tâm bảng cân đối tài chính trong năm 2019 sẽ là cải thiện vị trí vốn lưu động của Công ty và quy đổi sang tiền mặt.



**Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc**

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Năm 2018 là năm tiếp theo Masan Resources ghi nhận kỷ lục về kết quả tài chính, duy trì sự cải thiện tài chính năm sau cao hơn năm trước. Sản lượng Đồng, Florit và Bismut đều đạt mức kỷ lục, trong khi Tinh quặng Vonfram lại thấp hơn so với năm trước do hàm lượng đầu vào giảm nhưng phần lớn được bù lại nhờ lượng nguyên liệu vonfram thô thu mua từ bên ngoài tăng lên. Hiệu suất của Vonfram, Đồng và Florit tiếp tục được cải thiện, trong khi hiệu suất của Bismut bị ảnh hưởng tiêu cực do vấn đề độ ổn định của dây chuyền sản xuất. Hiện nay, vấn đề này đã được khắc phục và hiệu suất của Bismut được kỳ vọng sẽ trở lại mức bình thường trong năm 2019.

Chúng tôi tự hào được điểm lại những kết quả nổi bật đã đạt được trong năm 2018 như sau:

**Sản lượng**

Tổng lượng cấp liệu trong năm 2018 là 3.888.483 tấn. Nguyên nhân giảm là do hai yếu tố: lượng cấp liệu/giờ thấp hơn, đạt 460 tấn/giờ vận hành năm 2017, và thời gian chạy mức kỷ lục đạt được năm 2017 giảm là do yêu cầu tăng thời gian bảo trì theo kế hoạch hiệu suất, tỷ lệ thu hồi tinh Bismut giảm 7,7% và tỷ lệ thu hồi của các sản phẩm Bismut được dự 2017 sau khi các vấn đề tại hồi giảm đã được khắc phục



là 3.804.390 tấn, giảm nhẹ so với năm 2017 là 3.888.483 tấn. Nguyên nhân giảm là do hai yếu tố: lượng cấp liệu/hành so với 463 tấn/giờ vận hành máy giảm, ở mức 94,6% so với là 95,8%. Thời gian chạy máy giảm là do yêu cầu tăng thời gian bảo trì trong đợt tạm dừng hoạch trong năm 2018. Về quặng Vonfram tăng 3,7%; axit tăng 4,0%; tỷ lệ thu hồi thu hồi Đồng tăng 1,2%. Đây phẩm này được kỳ vọng sẽ nhẹ trong năm 2019, trong khi đoán sẽ trở lại mức của năm khu nghiên đập khiến tỷ lệ thu vào cuối năm 2018.

**Nhân lực**

Tính đến cuối năm 2018, tổng số lao động của các nhà thầu khoáng 928 người. Trong nhân lực thông qua Học viện MSR - công cụ chính năm 2018, Công ty đã thực hiện được 93.880 giờ đào tạo, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Trọng tâm và cam kết của Công ty là tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động tại địa phương nơi thực hiện Dự án. Chính điều đó đảm bảo Công ty có những nhân sự phù hợp với các kỹ năng tương ứng, đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương được hưởng lợi từ Dự án.

động trực tiếp của Công ty là 1.403 nước ngoài chiếm 7%. Lực lượng lao động năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư vào nguồn trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

**An toàn lao động**

Tổng tần suất tai nạn thống kê được (TRIFR) và Tần suất tai nạn gây mất ngày công (LTIFR) tính trên mỗi triệu giờ lao động của năm 2018 lần lượt là 2,36 (năm 2017 là 1,92) và 0,34 (năm 2017 là 0,58). Mặc dù, số tai nạn gây mất ngày công lao động năm 2018 đã được cải thiện, chỉ có 2 so với 3 vụ trong năm 2017, tuy nhiên đây là điều đáng tiếc vì vẫn xảy ra tai nạn đối với người lao động. Người



lao động gặp tai nạn đều là công nhân của nhà thầu khi họ đang làm việc với chính thiết bị thi công của nhà thầu trên công trường. Cả hai trường hợp trên hoàn toàn có thể tránh được nếu người lao động tuân thủ đúng các quy trình cách ly, cô lập trước khi bắt đầu công việc. Kết quả điều tra sau tai nạn đã chỉ rõ những thiếu sót về công tác đào tạo giữa người lao động của Masan Resources và công nhân của các nhà thầu trên công trường. Vấn đề được giải quyết bằng cách nhân viên Bộ phận An toàn và Sức khỏe của Masan Resources đã tăng cường chủ động, trực tiếp liên kết với nhà thầu giúp họ nâng cao năng lực, cải thiện điều kiện làm việc và tuân thủ các quy trình an toàn trên công trường. Tổng số vụ tai nạn được ghi nhận trong năm 2018 là 14 vụ so với 10 vụ trong năm 2017. Trong khi số vụ tai nạn trực tiếp của Núi Pháo là 7 vụ, bằng năm trước, thì tổng số tai nạn thống kê được của các nhà thầu trên công trường tăng từ 3 vụ lên 7 vụ. Chúng tôi nhận thấy đây là một kết quả tích cực thu được từ việc các phương thức đo lường mức độ an toàn lao động của các nhà thầu đã được cải thiện, kết quả là số lượng sự cố được xác định và báo cáo nhiều hơn.

### Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp & Môi trường

Trong năm 2018, chúng tôi đã thực hiện nhiều hoạt động cải thiện môi trường nhằm nâng cao tính minh bạch và giảm thiểu nguy cơ tiềm ẩn gây hại đối với môi trường. Công ty đã xây dựng và vận hành chạy thử bốn trạm quan trắc nước thải tự động trong năm 2018. Dữ liệu phân tích nước được truyền trực tiếp từ các trạm này đến cơ quan quản lý nhà nước theo thời gian thực, qua đó minh bạch hóa chất lượng nước thải một cách liên tục và tức thời. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng và lắp đặt một trạm quan trắc khí tự động tại điểm gần với khu nhà ở của người dân địa phương nhất. Kể từ khi đưa vào hoạt động, không có trường hợp sự cố nào được ghi nhận về chất lượng không khí. Masan Resources cũng luôn tuân thủ chế độ kiểm tra kỹ thuật độc lập đối với các hạng mục xử lý chất thải của nhà máy Núi Pháo theo các quy định trong nước cũng như các chỉ dẫn và tiêu chuẩn quốc tế. Tất cả các hạng mục, công trình đều được xác định là đang hoạt động theo các tiêu chuẩn quốc tế uy tín và theo thông lệ tốt nhất trên thế giới.

### Gắn kết với cộng đồng

Giữ trọn cam kết tham gia với cộng đồng, trong năm 2018 Công ty đã đóng góp 5.545 triệu đồng cho các sáng kiến phát triển cộng đồng và hoạt động trách nhiệm xã hội tại tỉnh Thái Nguyên. Nỗ lực của chúng tôi tập trung vào giải quyết các vấn đề thuộc về môi trường, kinh tế và xã hội một cách nhất quán, và đã đem lại những kết quả tích cực. Đặc biệt trong bối cảnh có rất nhiều sáng kiến đã được xúc tiến một cách tích cực trong suốt năm vừa qua như thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam và các hoạt động của Diễn đàn Hợp tác cấp cao vì mục tiêu xanh toàn cầu 2030 (P4G).

Một mặt, trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường cho khoảng 11,1 ha tại các sườn dốc của bãi thải đất đá, các khu vực vùng đệm và các khu vực khác bị xáo trộn đất trong quá trình khai thác, sản xuất. Nhiều loại cây trồng và nguyên vật liệu được Công ty kết hợp sử dụng giúp tăng hiệu quả trong công tác cải tạo, phục hồi môi trường. Tổng diện tích Công ty đã cải tạo, phục hồi môi trường từ khi đi vào hoạt động cho đến hết năm 2018 khoảng gần 49,8 ha- góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác mỏ.

Mặt khác, Công ty tiếp tục theo đuổi và mở rộng hỗ trợ đối với các chương trình khuyến nông với sự tập trung nhất quán vào lợi thế cạnh tranh của địa phương bao gồm trồng chè, trồng rau, đồng thời chú trọng tới mô hình chăn nuôi như một lợi thế nông nghiệp mới cho cộng đồng. Cụ thể là trong khuôn khổ Dự án chè VietGAP của Công ty, năm 2018 có thêm 2 tổ hợp tác với 54 hộ gia đình được cấp chứng chỉ VietGAP. Công ty cũng tổ chức các chuyến thăm quan học tập kinh nghiệm cho 100 hộ trồng chè đến các cơ sở sản xuất chè an toàn nổi tiếng ở Tân Cương và cơ sở sản xuất chè hữu cơ ở La Bằng. Quỹ tài chính vì mô tiếp tục là một mô hình phục hồi kinh tế hiệu quả và sáng tạo. Năm 2018, quỹ đã cung cấp các khoản vay ưu đãi cho thêm 26 hộ gia đình. Hiện tại có 256 hộ gia đình đang sử dụng quỹ cho nhiều hoạt động tạo thu nhập khác nhau. Đến nay, tổng giá trị của Quỹ đã lên tới 9.358 triệu đồng.

Cũng trong năm 2018, MSR đã tổ chức 16 hội thảo tập huấn và tuyên truyền cho hơn 600 người dân từ các cộng đồng quanh Dự án tham gia về phân loại chất thải sinh hoạt, sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý rác hữu cơ và giảm thiểu túi ni-lông trong các hoạt động

hàng ngày; hỗ trợ thành lập và vận hành 7 câu lạc bộ “Phụ nữ bảo vệ môi trường”; hỗ trợ thu gom và xử lý hóa chất bảo vệ thực vật độc hại; cung cấp tài liệu truyền thông (pa-nô, áp phích, tờ rơi v.v.) và hỗ trợ các đợt ra quân hàng tháng để làm sạch những điểm công cộng ở các xóm.

Chúng tôi tin rằng những sáng kiến phát triển cộng đồng như đã đề cập ở trên sẽ giúp phát huy vai trò của ngành khoáng sản trong bối cảnh rộng lớn hơn của phát triển bền vững và chiến lược quốc gia nhằm đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs).

### Tài chính

2018 là một năm thành công của Masan Resources với doanh thu và lợi nhuận đạt mức kỷ lục nhờ sản lượng ổn định và giá sản phẩm được cải thiện. Chiến lược chuyển sang các sản phẩm giá trị gia tăng, đặc biệt là Vonfram, đã nâng cao giá trị mà Masan Resources thu được từ các sản phẩm của Công ty. Lợi nhuận thuần phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2018 đạt 664 tỷ đồng tiếp tục là mức kỷ lục nhờ giá hàng hóa trên thị trường tăng, hiệu suất hoạt động cao hơn, kiểm soát chi phí hiệu quả hơn, những cải thiện về điều khoản cho vay và việc mua lại 49% phần vốn góp của Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - HC.Starck. Trong năm 2019, Ban Giám đốc kỳ vọng tiếp tục tăng lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông dựa trên giá sản phẩm được dự báo tăng, sản lượng cao hơn và hiện thực hóa thêm các lợi ích từ việc hợp nhất Công ty TNHH Vonfram Masan vào tình hình kinh doanh chung của Công ty.

Kết quả tài chính tăng kỷ lục cũng nhờ một phần bởi sự cải thiện về chỉ số nợ. Tỷ lệ nợ bên thứ ba của Công ty trên EBITDA đã giảm từ 4,1 năm trước xuống còn 3,5 tính đến ngày 31/12/2018 trong khi hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn được cải thiện lên 1,09 so với 0.60 của năm trước.

### Ghi nhận của cộng đồng

Masan Resources tiếp tục được cộng đồng ghi nhận về kết quả thực hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau của Công ty. Một số giải thưởng lớn mà Công ty và các Công ty thành viên được trao tặng trong năm 2018 bao gồm Cờ thi đua của Chính Phủ cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2018; Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2018 cùng danh hiệu Top 100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập Quốc tế do Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng; Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2018 do phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng; Doanh nghiệp xuất sắc tỉnh Thái Nguyên năm 2018 do UBND tỉnh Thái Nguyên trao tặng; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam bình chọn, trao tặng... và nhiều giải thưởng cao quý, ghi nhận khác Công ty và các Công ty thành viên đã được trao tặng trong năm.

Ngoài những bằng khen, giấy khen và giải thưởng nêu trên, một số nhân sự trong bộ máy quản lý của Công ty cũng được mời tham dự một số sự kiện trong năm 2018 như:

- Ông Vũ Hồng - Phó Tổng Giám đốc NPMC tham dự và phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh cấp cao APEC về Phát triển bền vững tại Pa-Pua Niu Ghi-nê.
- Ông Nguyễn Quân - Trưởng giám sát Đập chứa quặng đuôi, thuyết trình về Quản lý nước thải và Đập chứa quặng đuôi tại Dự án Núi Pháo tại Hội nghị Quản lý Chất thải 2018, do Viện Wessex Institue tổ chức tại Tây Ban Nha.
- Ông Dominic Heaton - Giám đốc Sáng kiến Chiến lược của NPMC, phát biểu về Nguồn cung Nguyên liệu Vonfram thô đáng tin cậy tại Hội nghị Thiếc và Vonfram Argus, Anh Quốc.

Những hoạt động này thể hiện rằng Masan Resources đang được công nhận ở cấp độ trong nước và quốc tế.

Trong năm 2019, Công ty dự kiến tiếp tục phát triển kinh doanh trong hành trình đưa nguồn tài nguyên chiến lược của Việt Nam trở thành vật liệu công nghệ cao toàn cầu.

## Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị

Kính thưa Các Quý Cổ đông,

Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) của Masan Resources xin trình bày báo cáo đánh giá về hoạt động của Công ty trong năm 2018.

### 1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Năm 2018 đánh dấu một mốc quan trọng trong công cuộc chuyển mình của Masan Resources, từ một công ty khai thác và chế biến Khoáng sản trở thành một doanh nghiệp có tầm ảnh hưởng quan trọng trong ngành công nghiệp vật liệu toàn cầu. Hai dòng sản phẩm mang lại doanh thu lớn nhất đối với hoạt động của Công ty - Vonfram và Florit – hiện được coi là nguồn nguyên liệu chiến lược đối với nhiều chính phủ trên thế giới bởi những tính năng độc đáo, và những vật liệu công nghệ cao được chế biến sâu từ chúng. Năm 2018, MSR đã mua lại thành công toàn bộ quyền sở hữu đối với Nhà máy Chế biến Hóa chất Vonfram (“Nhà máy APT”) của Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck và đổi tên doanh nghiệp này thành Công ty TNHH Vonfram Masan. Các sản phẩm Hóa chất Vonfram của Công ty hiện nay được xuất khẩu dưới tên nhãn hiệu mới trên bao bì sản phẩm, do vậy tên tuổi của Masan đã được nhận diện một cách trọn vẹn về chất lượng của những sản phẩm được sản xuất chính tại Việt Nam. Với thành công này, đã đến lúc chúng tôi phải đưa những khát vọng và tầm nhìn của mình vượt ra khỏi việc chỉ tìm kiếm tầm ảnh hưởng trên thị trường thế giới mà phải trở thành một trung tâm hay một công nghiệp vật liệu công nghệ cao hàng đầu. Đây là một mục tiêu táo bạo, nhưng húng cho đội ngũ lãnh đạo dựng và chuyển đổi Công ty ra giá trị cho các Quý vị với tư Công ty.

**TỪ NGUỒN TÀI NGUYÊN  
CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM  
TỚI VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO  
TOÀN CẦU**

Công ty vẫn đang tiếp tục áp dụng những tiêu chuẩn tốt nhất hiện trên tất cả các lĩnh vực liên quan tới cộng đồng, môi trường và an toàn. Về môi trường, Công ty đã thực hiện một loạt những giải pháp cải thiện môi trường mà nhờ đó thúc đẩy các hoạt động minh bạch thông tin đối với cộng đồng và các cơ quan quản lý. Câu nói đơn giản: “Hãy tin ở chúng tôi” đã không còn phù hợp nữa mà các công ty bắt buộc phải không ngừng minh chứng về mức độ đáng tin cậy về môi trường; do vậy kết quả phân tích theo thời gian thực đối với quan trắc nước thải cũng như chất lượng không khí chính là một bước tiến rõ rệt trong lĩnh vực minh bạch thông tin môi trường. Công ty cũng chia sẻ những thực hành tốt nhất với những công ty toàn cầu và các đơn vị danh tiếng khác, cụ thể là: “Khảo sát, Quan trắc và Quản lý Nước ngầm Hạ lưu tại Khu chứa đuôi quặng của Mỏ Núi Pháo”. Bài này được đăng trên thông cáo báo chí của Viện Wessex Anh Quốc.

Ghi nhận những nỗ lực không ngừng, gần đây Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – một đơn vị thành viên do Masan Resources sở hữu toàn bộ đã được vinh danh trong Top 100 Doanh Nghiệp Bền Vững tại Việt Nam và Top 100 Sao Vàng Đất Việt, là những danh hiệu và giải thưởng cho doanh nghiệp có uy tín nhất tại Việt Nam.

Tại tỉnh Thái Nguyên, cùng với Samsung, Masan Resources trở thành đơn vị xuất khẩu lớn nhất với 256 triệu đô la Mỹ doanh thu xuất khẩu thuần. Năm 2018, Công ty đã nộp 1086 tỷ đồng tiền thuế và phí vào ngân sách Nhà nước.

Trong năm 2018, MSR đã chi 5.545 tỷ đồng cho các sáng kiến phát triển cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Những đóng góp có ý nghĩa của Công ty đã được công nhận trong các lĩnh vực như phát triển nông nghiệp bền vững, phát triển kinh tế hộ gia đình, nước sạch và vệ sinh nông thôn, chăm sóc y tế và phúc lợi cho trẻ em.

Theo thống kê của Trung tâm Kiểm định chất lượng giống và vật tư hàng hóa nông nghiệp Thái Nguyên, MSR đã đóng góp 21% diện tích trồng chè theo tiêu chuẩn Viet GAP tại huyện Đại Từ và 10% trên toàn tỉnh Thái Nguyên. Quỹ Tài chính vi mô vẫn tiếp tục là mô hình phục hồi kinh tế sáng tạo và hiệu quả. Trong năm 2018, quỹ đã cung cấp vốn vay ưu đãi cho thêm 26 hộ gia đình. Hiện nay, 256 hộ đang sử dụng quỹ cho nhiều hoạt động tạo thu nhập. Tới thời điểm hiện nay, tổng quỹ tích lũy lên tới 9.358.000.000 đồng.

Việc tăng giá đáng kể đối với tất cả các dòng sản phẩm của Công ty kết hợp với sự gia tăng hiệu suất sản xuất đã cho phép Công ty đạt được kết quả tài chính kỷ lục ngay cả khi chất lượng quặng vonfram đầu vào từ mỏ Núi Pháo thấp hơn, gây giảm năng suất sản xuất Tinh quặng Vonfram. Cùng với việc mua lại quyền sở hữu Nhà máy APT và đồng thời giải quyết các tồn tại tại Nhà máy APT diễn ra trong suốt năm 2018, việc giảm sản lượng tại mỏ Núi Pháo nói trên được bù đắp lại bằng cách tăng cường chế biến nguyên liệu vonfram thô cung cấp bởi bên thứ ba. Nhờ kết quả của công tác nghiên cứu và phát triển đang thực hiện tại Masan Resources, một số cải tiến đã được đưa vào áp dụng tại nhà máy APT giúp tăng lượng cấp liệu đầu vào chỉ với mức tăng đầu tư tối thiểu. Với việc nhận được Giấy Chứng Nhận Hoạt Động Ứng dụng Công Nghệ Cao cho Nhà máy APT, Masan Resources cam kết sẽ tiếp tục dành 1% doanh thu của Công ty TNHH Vonfram Masan cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm nâng cao hơn nữa lợi thế công nghệ cho doanh nghiệp. Chứng nhận Công nghệ Cao cũng mang lại các ưu đãi về thuế giúp bù đắp lại cho khoản đầu tư vào R&D, bên cạnh những lợi ích khác mà Chứng nhận này mang lại.

HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình trong việc xem xét và phê duyệt các nghị quyết về hoạt động của Công ty và các công ty con. Trong năm 2018, không có thành viên nào của HĐQT nhận bất kỳ khoản thù lao nào cho các nghĩa vụ của mình với tư cách là ủy viên của HĐQT, và hoạt động của HĐQT cũng không phát sinh bất kỳ chi phí nào.

### 2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về kết quả thực hiện công việc của Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc tiếp tục quản lý Công ty một cách xứng đáng với niềm tin và hỗ trợ từ HĐQT và các cổ đông. Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý khác đã hoàn thành các nhiệm vụ và chức năng của mình trong năm 2018, cũng như đã thi hành đầy đủ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

Các tiểu ban được thành lập năm 2016, gồm có Ủy Ban Phát triển Bền Vững và Ủy Ban Quản lý Rủi Ro, tiếp tục hoàn thành tốt vai trò của mình trong việc tham mưu và hỗ trợ HĐQT về các vấn đề có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động và uy tín của Công ty. Trong năm 2018, Ban Giám Đốc cũng triển khai Ủy Ban CHESS (Ủy ban về Cộng Đồng, Sức khỏe, Môi trường, An toàn và Bền vững) đưa vào bộ máy vận hành của Masan Resources. Ủy ban này có thành viên đến từ mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Masan Resources, cũng như đại diện của các nhà thầu hoạt động trên công trường. Đây là sáng kiến quan trọng của Ban Giám Đốc Công ty nhằm lan tỏa hơn nữa ảnh hưởng của CHESS trong lực lượng lao động. Sáng kiến này đã được đồng đảo cán bộ công nhân viên công ty và nhà thầu tiếp nhận và ủng hộ.



**3. Kế hoạch và định hướng của HĐQT**

Về chiến lược, Masan Resources sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội và mục tiêu là trở thành doanh nghiệp sản xuất vonfram dòng cao cấp tích hợp sâu hơn nữa ở quy mô toàn cầu. Điều này sẽ cho phép Công ty có được vị thế tài chính mạnh và ổn định trong suốt các chu kỳ hàng hóa.

Chúng tôi cũng sẽ đưa ra một chiến lược tổng thể tập trung vào mục tiêu phát triển một tổ hợp độc đáo những tinh hoa kỹ thuật và tri thức trên cả các lĩnh vực công nghiệp khai khoáng, kim loại và hóa chất.

Với việc sở hữu toàn bộ nhà máy Hóa chất Vonfram, Công ty đã thành công trong việc củng cố vị thế là nhà sản xuất hàng đầu trong ngành công nghiệp Hóa chất Vonfram. Phương hướng đặt ra cho năm 2019 và xa hơn nữa với Tầm nhìn mới được Công ty công bố gần đây là đưa Công ty “Từ Tài nguyên Việt Nam thành Vật liệu Công nghệ Cao Toàn cầu” chính là quá trình tất yếu của một kế hoạch tham vọng nhưng cũng đầy khả thi về tăng trưởng bền vững và ngày càng được công nhận ở trên phạm vi thế giới.

Với những đánh giá trên đây, Hội Đồng Quản Trị hoàn toàn ủng hộ Ban Giám Đốc tiếp tục phấn đấu phát triển Công ty và thực hiện Tầm nhìn mới.

**Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát**

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty, Ban Kiểm soát xin báo cáo hoạt động trong năm 2018 với các nội dung như sau:

**Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018**

- Giám sát và kiểm tra việc quản lý và thực hiện các hoạt động của Công ty trong năm 2018 của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động của Công ty trong năm 2018 theo các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2018.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao khi thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên của Ban Kiểm soát và hoạt động của Ban Kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

**Ban Kiểm soát kiểm tra các hoạt động của Công ty****Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty:**

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty con của Công ty.

Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2018:

**Bảng 1: Bảng cân đối kế toán**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VNĐ	1/1/2018 Nghìn VNĐ	31/12/2018 Nghìn VNĐ	1/1/2018 Nghìn VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>4.333.718.245</b>	<b>3.456.003.440</b>	<b>47.959.283</b>	<b>2.782.039</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.220.260	780.414.201	3.288.566	483.619
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	32.500.000	-	-
Các khoản phải thu - ngắn hạn	1.612.852.955	860.460.818	44.670.717	2.298.420
Hàng tồn kho	1.646.014.138	1.409.062.969	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	607.630.892	373.565.452	-	-
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>23.615.407.322</b>	<b>23.688.207.422</b>	<b>12.495.844.635</b>	<b>9.995.844.635</b>
Các khoản phải thu – dài hạn	1.335.307.630	1.346.793.937	7.355.509.062	4.855.509.062
Tài sản cố định	18.267.296.514	18.898.064.279	-	-
Công trình dài hạn đang thi công	1.429.178.901	987.802.403	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	5.900.000	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Tài sản dài hạn khác	2.577.724.277	2.455.546.803	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>27.949.125.567</b>	<b>27.144.210.862</b>	<b>12.543.803.918</b>	<b>9.998.626.674</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>15.823.171.322</b>	<b>15.132.604.815</b>	<b>3.098.253.712</b>	<b>554.834.167</b>
Nợ ngắn hạn	4.101.944.806	4.871.844.056	57.179.537	13.759.992
Nợ dài hạn	11.721.226.516	10.260.760.759	3.041.074.175	541.074.175
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>12.125.954.245</b>	<b>12.011.606.047</b>	<b>9.445.550.206</b>	<b>9.443.792.507</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>27.949.125.567</b>	<b>27.144.210.862</b>	<b>12.543.803.918</b>	<b>9.998.626.674</b>

**Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty**

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty tuân thủ chặt chẽ tất cả các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Số liệu về kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

**Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Tập đoàn		Công ty	
	2018 Nghìn VNĐ	2017 Nghìn VNĐ	2018 Nghìn VNĐ	2017 Nghìn VNĐ
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	852.068.141	334.717.770	1.747.699	11.265
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	(23.955.597)	(42.595.318)	10.000	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
<b>Chi phí thuế thu nhập - hiện tại</b>	35.190.165	36.841.033	-	-
<b>Lợi ích thuế TNDN - hoãn lại</b>	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
<b>Lợi nhuận ròng sau thuế</b>	810.001.679	301.125.764	1.757.699	11.265
<b>Lợi nhuận ròng phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	663.756.323	205.914.056	1.757.699	11.265
Cổ đông không kiểm soát	146.245.356	95.211.708	-	-



**Về công tác quản trị và điều hành****a. Hội đồng Quản trị**

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện hợp lệ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông trong năm 2018.

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**b. Ban Giám đốc**

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả và tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**Kết luận**

Các hoạt động của Công ty trong năm 2018 tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và chấp hành đúng các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**Báo cáo Quản trị Công ty****Hoạt động của đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

**Số Nghị quyết** 138/2018/NQ-ĐHĐCĐ

**Ngày** 20/4/2018

**Nội dung**

- (i). Thông qua báo cáo của HĐQT về công tác quản lý và hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty;
- (ii). Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2017;
- (iii). Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG;
- (iv). Thông qua kế hoạch phân chia lợi nhuận của Công ty năm 2017;
- (v). Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là tổ chức kiểm toán cho Công ty năm 2018;
- (vi). Thông qua dự báo lợi nhuận của Công ty trong năm 2018;
- (vii). Thông qua thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2018 là 0 VNĐ;
- (viii). Thông qua việc chuyển đổi toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã phát hành của Công ty (tương đương 15.902.430 cổ phần) thành cổ phần phổ thông theo tỷ lệ 1:1;
- (ix). Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo tờ trình của Hội đồng Quản trị. Các nội dung sửa đổi và bổ sung của Điều lệ có hiệu lực từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018 thông qua;
- (x). Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ phát hành 100:25 (25%);
- (xi). Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan của Công ty;
- (xii). Thông qua việc ông Tung Hoang Nguyen từ nhiệm vị trí thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021, và thông qua việc bầu bà Phạm Quỳnh Nga là thành viên Ban Kiểm soát cho phần còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021 thay thế ông Tung Hoang Nguyen.

**Hội đồng Quản trị**

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch HĐQT	20/12/2013	6/6	100%	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên	18/02/2013	6/6	100%	
3	Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên	18/02/2013	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	22/4/2016	6/6	100%	
5	Ông Dominic John Heaton	Thành viên	22/4/2016	3/3	100%	Từ nhiệm khỏi vị trí Thành viên HĐQT từ ngày 26/07/2018

**Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc**

Thông qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và các hoạt động quan trọng của các công ty con của Công ty;

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và các công ty con của Công ty;

Thực hiện các công việc được ủy quyền theo các nghị quyết của HĐQT Công ty.

**Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị**

**a. Hoạt động của Ủy ban Phát triển Bền vững**

Rà soát và giám sát các hoạt động của Công ty và ảnh hưởng của các hoạt động đó tới các vấn đề phát triển bền vững, môi trường, cộng đồng và các bên liên quan quan trọng khác;

Rà soát và hướng dẫn Ban Giám đốc các vấn đề về phát triển bền vững và việc tích hợp tính bền vững vào hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm cải tiến, sản xuất, nguồn nguyên liệu và vận hành;

Rà soát hoạt động của các sáng kiến tác động cộng đồng của Công ty;

Rà soát và khuyến nghị Ban Giám đốc cách thức báo cáo cổ đông và các nhóm đối tượng khác các vấn đề về hoạt động trách nhiệm doanh nghiệp;

Rà soát và hướng dẫn Ban Giám đốc, và báo cáo Hội Đồng Quản Trị các vấn đề vi phạm trách nhiệm doanh nghiệp trong các quyết định kinh doanh quan trọng, nhằm bảo vệ giá trị lợi thế thương mại, nhân lực và tài sản trí tuệ của Công ty;

Rà soát và khuyến nghị Hội Đồng Quản Trị về các kiến nghị của cổ đông có liên quan đến các vấn đề do Ủy ban giám sát;

Giám sát việc quản lý rủi ro liên quan đến phát triển bền vững, môi trường, và tương tác của Công ty với cộng đồng.

**b. Hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro**

Rà soát và thảo luận với Ban Giám đốc và với công ty kiểm toán độc lập của Công ty về các báo cáo tài chính quý của Công ty;

Đánh giá sự tuân thủ các quy tắc thực hành kinh doanh và quy tắc ứng xử của Công ty, cảnh nhắc và (nếu phù hợp) chấp thuận bất kỳ sự từ bỏ nào như được quy định trong các quy tắc này.

Rà soát định kỳ với Ban Giám đốc và bộ phận tư vấn pháp lý về sự tuân thủ của Công ty với các luật và quy định, bao gồm các chính sách mua bán chứng khoán doanh nghiệp, vấn đề pháp lý, tố tụng hay dự phòng khác có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến báo cáo tài chính của Công ty.

Thảo luận với Ban Giám đốc về các chính sách của Công ty liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro, và các hành động mà Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện để giám sát và kiểm soát các rủi ro.



**Nghị quyết do Hội đồng Quản trị**

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	117/2018/NQ-HĐQT	10/4/2018	Phê duyệt (i) tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2018, và (ii) các vấn đề trình ĐHĐCĐ phê duyệt
2	267/2018/ NQ-HĐQT	12/7/2018	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
3	282/2018/ NQ-HĐQT	23/7/2018	Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hải Yến khỏi chức vụ Kế toán trưởng, và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh Mai giữ chức vụ này
4	344/2018/NQ-HĐQT	19/9/2018	Thông qua (i) việc Công ty phát hành trái phiếu với tổng giá trị 1.000 tỷ đồng; (ii) nghĩa vụ thanh toán của Công ty liên quan đến trái phiếu được đảm bảo với bảo lãnh của NPMC, một phần cổ phiếu phổ thông do Công ty phát hành thuộc sở hữu của MH, và các tài sản khác của Công ty hoặc (các) bên thứ ba tùy từng trường hợp theo quyết định của người đại diện theo ủy quyền; và (iii) việc đầu tư/hợp tác kinh doanh với NPMC
5	359/2018/NQ-HĐQT	28/9/2018	Phê duyệt (i) việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 7.194.473.280.000 VNĐ lên 8.993.091.220.000 VNĐ, và (ii) sửa đổi Điều 5 Điều lệ Công ty
6	390/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	Thông qua (i) việc Công ty phát hành trái phiếu với tổng giá trị 1.500 tỷ đồng; (ii) nghĩa vụ thanh toán của Công ty liên quan đến trái phiếu được đảm bảo với bảo lãnh của NPMC, một phần cổ phiếu phổ thông do Công ty phát hành thuộc sở hữu của MH, và các tài sản khác của Công ty hoặc (các) bên thứ ba tùy từng trường hợp theo quyết định của người đại diện theo ủy quyền; và (iii) việc đầu tư/ hợp tác kinh doanh với NPMC

**Ban Kiểm soát**

**Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)**

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát	30/9/2013	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	2/2	100%	
3	Ông Tung Hoang Nguyen	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	0/2	0%	Từ nhiệm khỏi vị trí từ ngày 20/4/2018 và được thay thế bởi Bà Phạm Quỳnh Nga
4	Bà Phạm Quỳnh Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	20/4/2018	1/2	100%	Đảm nhiệm vị trí từ ngày 20/4/2018

**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

(Xem thêm Báo cáo của Ban Kiểm soát từ trang 87)

**Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý khác:**

Tham dự và đưa ra các ý kiến đóng góp tại các cuộc họp HĐQT;

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, HĐQT được ban hành trong năm 2018;

Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra các báo cáo tài chính trong năm 2018

**Các hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có.**

**Đào tạo về Quản trị Công ty**

Không có.

**Giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty**

**Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:**

- Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 21/9/2018
- Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Vonfram Masan theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 16/11/2018

**Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:** Không có.

**Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác**

*Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành (“Bên liên quan”) trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).*

Năm	Bên liên quan (có giao dịch với Công ty)	Mối quan hệ với Công ty	Mô tả giao dịch
2016	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Giao dịch vay nội bộ
2018	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Hợp tác kinh doanh
2018	Công ty TNHH Vonfram Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Hợp tác kinh doanh

*Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.*

*Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.*

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ**

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có

**Các vấn đề cần lưu ý khác**

Không có.



## Báo cáo Quản lý nhân sự

Năm 2018, tổng số người lao động của MSR tăng nhẹ do việc bổ sung một số khu vực sản xuất mới trong chu trình sản xuất của nhà máy Núi Pháo nhằm cải thiện tỷ lệ thu hồi vonfram. Chu trình bổ sung này được chạy thử vào tháng 9 năm 2018. Ngoài ra, với việc mua lại thành công 49% phần vốn góp của Công ty HC Stark GmbH tại Công ty Liên doanh tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck, các phòng ban của Liên doanh đã được sáp nhập để tối ưu hóa chi phí và cung cấp dịch vụ. Chính vì vậy, số lượng nhân sự tại khu vực hỗ trợ dịch vụ của MTC giảm xuống và tăng lên tại NPMC tương ứng.

### Tổng số nhân viên chính thức và thu nhập bình quân

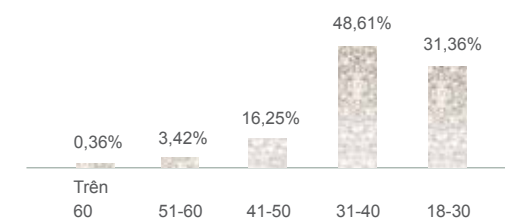
	2014	2015	2016	2017	2018
<b>Tổng số nhân viên</b>	<b>1.356</b>	<b>1.477</b>	<b>1.343</b>	<b>1.363</b>	<b>1.403*</b>
• NPMC	1.095	1.095	1.027	1.072	1.150
• MTC	261	382	316	291	253
Trong đó					
• Nhân sự người Việt Nam	1.213	1.336	1.236	1.261	1.303
• Nhân sự người nước ngoài	143	141	107	102	100
Thu nhập bình quân/tháng (triệu đồng) của người Việt Nam	9,4	9,6	10,3	11,1	11,4

### Cơ cấu lực lượng lao động

Lực lượng lao động của Công ty là sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm và sức trẻ. Độ tuổi trung bình của toàn lực lượng lao động là 35, trong đó: tuổi trung bình của cấp giám đốc là 50, cấp trưởng bộ phận là 43, trưởng giám sát là 43, giám sát là 38, nhân viên kỹ thuật/vấn phòng là 33, và công nhân là 34.

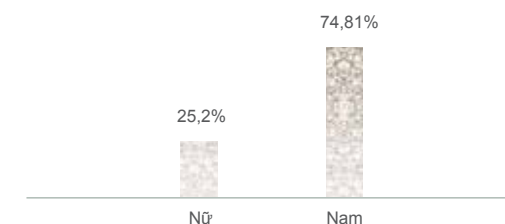
### Theo độ tuổi

Tỷ lệ lao động phân loại theo độ tuổi được thể hiện ở biểu đồ hình tròn dưới đây.



### Theo giới tính

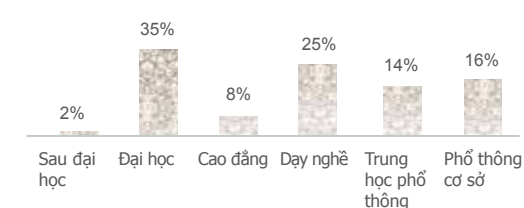
Thực hiện chính sách bình đẳng về cơ hội việc làm và bình đẳng giới của MSR, phụ nữ được tuyển dụng vào tất cả các vị trí làm việc của Công ty. Tỷ lệ lao động nữ trong Công ty chiếm trên 25% tổng lực lượng lao động.



### Theo trình độ học vấn

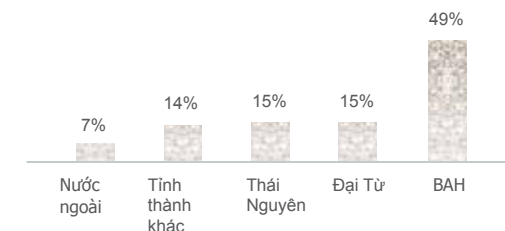
Lực lượng lao động phân loại theo trình độ học vấn:

- Đại học và sau đại học: 37%
- Cao đẳng và dạy nghề: 33%
- THCS và THPT: 30%



### Theo vùng miền

Gần 79% lao động là trong tỉnh Thái Nguyên, 14% lao động từ các tỉnh khác và 7% lao động đến từ các quốc gia khác.



### Tuyển dụng

Bên cạnh việc tuyển dụng thay thế thông thường, một số vị trí liên quan đến cấp quản lý và giám đốc đã được tuyển dụng và bổ nhiệm trong năm 2018, cụ thể là vị trí Phó Giám đốc quan hệ đối ngoại (phụ trách kỹ thuật), Giám đốc Công nghệ thông tin, Giám đốc tài chính, Trưởng bộ phận kế toán, Trưởng bộ phận quan hệ đối ngoại (phụ trách kinh tế) và Giám đốc điều hành tại Thái Nguyên. Đúng như kỳ vọng, đội ngũ nhân sự mới đã thể hiện được năng lực thực hiện công việc tốt và sẽ là lực lượng hạt nhân để đưa Công ty ngày càng phát triển trong tương lai.

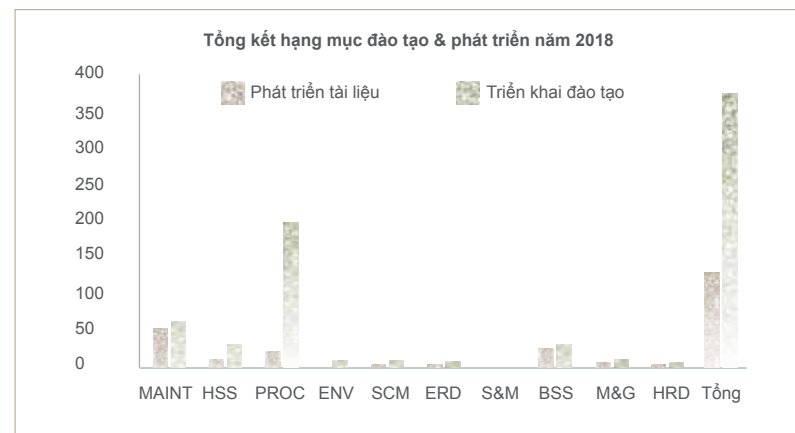
### Đào tạo và phát triển nhân lực

Thực hiện theo chiến lược đào tạo nhân viên dài hạn, Phòng nhân sự tiếp tục tập trung vào công tác đào tạo nội bộ nhằm phát triển nguồn nhân lực của Masan Resources.

Tính đến cuối năm 2018, tổng số giờ đào tạo là 93.880 giờ, tương ứng số giờ đào tạo trung bình cho mỗi nhân viên chính thức là 87 giờ.

Mô tả	2016	2017	2018
Tổng chi phí đầu tư cho hoạt động đào tạo (đồng)	3.462.738.112,00	3.302.919.766,75	2.167.156.300,00
Tổng số giờ của cán bộ đào tạo	3.531	4.684	4.917
Tổng số giờ đào tạo	75.903	91.339	93.880
<i>Trong đó:</i>			
• Tổng số lượt nhân viên được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn	528	441	1.903
• Tổng số lượt nhân viên được đào tạo nội bộ	1.570	2.334	6.781
Tổng số nội dung được đào tạo nội bộ	208	259	347
Tổng số nội dung được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn	23	27	30
Tổng số tài liệu đào tạo nội bộ được xây dựng	408	203	131

Bộ phận	Phát triển tài liệu	Triển khai đào tạo
Bảo trì (Maint)	56	68
Sức khỏe - An toàn - An ninh (HSS)	12	28
Sản xuất (PROC)	19	200
Môi trường (ENV)	0	9
Quản lý chuỗi cung ứng (SCM)	2	10
Quan hệ đối ngoại (ERD)	1	8
Bán hàng & Tiếp thị (S&M)	0	0
Hỗ trợ kinh doanh (BSS)	29	33
Địa chất & Khai thác (M&G)	9	12
Hành chính - Nhân sự (HRD)	3	9
Tổng	131	377



Song song với việc tạo cơ hội đào tạo kỹ thuật cho người lao động, Công ty cũng triển khai các khóa đào tạo theo hướng phát triển và nâng cao năng lực để giải quyết các tình huống khó khăn, bằng cách thích ứng với các mô hình hành vi mới, nhằm tăng năng suất lao động. Một trong những khóa đào tạo được thực hiện trong năm 2018 là Kaizen 5S. Phòng Nhân sự đã phối với Trường Đại Học Quốc gia Hà Nội tổ chức khóa đào tạo này cho 108 người từ Bộ phận Sản xuất, Bảo trì thuộc giai đoạn 1 của chương trình.

Kết quả đạt được sau khóa học:

- Thay đổi từ tư duy đối phó tạm thời sang tư duy chủ động lâu dài;
- Xác định và loại bỏ lãng phí, đồng thời nhận biết được 7 loại lãng phí trong hoạt động hàng ngày và ảnh hưởng của chúng đến năng suất lao động;
- Sau khóa học, mỗi khu vực làm việc của nhà máy đều đưa ra kế hoạch thực hiện Kaizen-5S chi tiết.

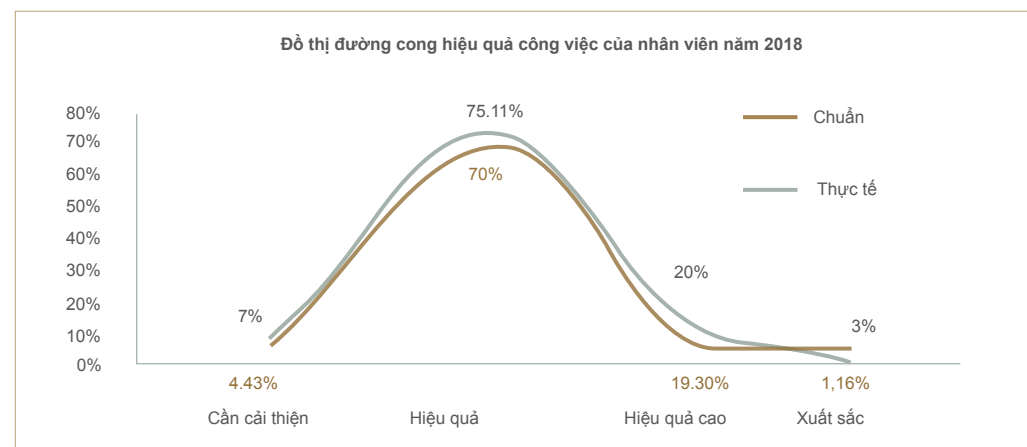
Mặc dù vẫn còn một số việc phải làm để duy trì chương trình này để trở thành một phần của Quy tắc thực hành kinh doanh cốt lõi của Masan Resources, nhưng đây là sự khởi đầu tích cực.





### Quản lý hiệu quả công việc của nhân viên

Quản lý hiệu quả công việc của nhân viên luôn là một yếu tố then chốt trong Quy tắc thực hành kinh doanh của Masan Resources. Người lao động được đánh giá định kỳ 6 tháng/ lần, sau đó đối chiếu với yêu cầu và các chỉ số kết quả thực hiện cho từng chức danh, vị trí công việc. Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng để lập kế hoạch nâng cao năng lực, kế hoạch phát triển nhân sự kế thừa, các yêu cầu đào tạo, đồng thời để xác định những người lao động không phù hợp với văn hóa của Masan Resources. Đồ thị dưới đây thể hiện đường cong hiệu quả công việc của nhân viên năm 2018.

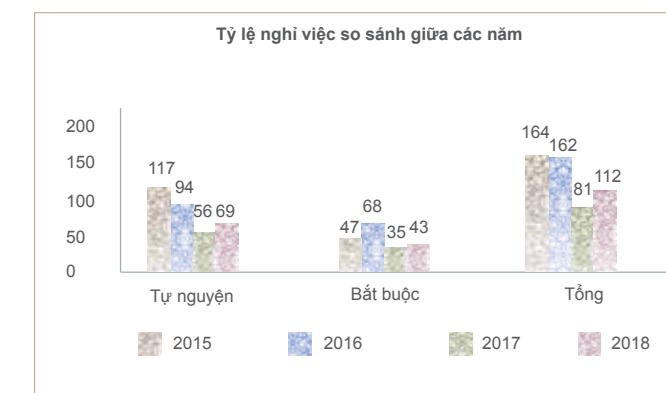
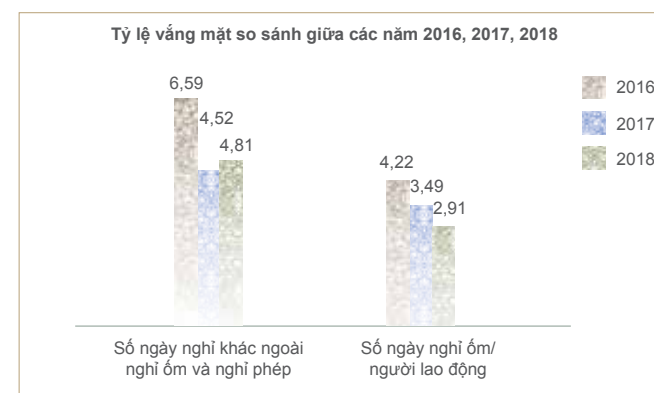


### Gắn kết nhân viên

Bên cạnh các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng cho người lao động, Công ty không ngừng thúc đẩy, khuyến khích duy trì một môi trường làm việc tích cực, liên tục cải tiến. Những hoạt động đã thực hiện tốt trong năm 2017 tiếp tục được duy trì và phát huy trong năm 2018 như: hợp đối thoại với người lao động, giải thưởng sao tháng, chương trình chăm sóc y tế, hỗ trợ cộng đồng, các sự kiện thể thao, giải trí. Ngoài ra, trong năm 2018 còn có một số sáng kiến khác như:

- Đánh giá lại điều kiện làm việc và gửi kết quả cho từng bộ phận liên quan để khắc phục.
- Thực hiện khảo sát ý kiến người lao động làm cơ sở để Công ty hiểu rõ được niềm tin của người lao động đối với Công ty cũng như những mong muốn mà Công ty có thể mang lại cho họ trong tương lai.
- Thực hiện chương trình tiêm chủng vắc-xin cho người lao động của MTC.

Năm 2018 đóng lại với những con số đáng lưu ý sau:



## Báo cáo Quản lý rủi ro

### Rủi ro

**Cơ sở rủi ro** Giá các sản phẩm vonfram, đồng, fourit và bismut của Công ty được xác định bởi, hoặc có liên quan tới giá cả trên thị trường thế giới, mà giá các sản phẩm này từ trước đến nay thường chịu sự biến động đáng kể. Sự biến động về giá cả hàng hóa thường xảy ra do sự thay đổi giá cả phản ánh qua các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu (như Năng lượng, An ninh, Cơ sở hạ tầng), các nhu cầu trong ngành, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn sản xuất mới, do sự thay đổi công nghệ, thay thế sản phẩm và thuế phí trong nước. Sự biến động của tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu tương lai và giá cả hàng hóa. Điều này cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến dòng tiền và giá trị tài sản trong thời gian sắp tới.

**Biện pháp Giảm thiểu** Công ty vận hành tại điểm thấp nhất trên đường cong chi phí toàn cầu với các loại sản phẩm của mình. Điều này giúp Công ty có ưu thế hơn trong môi trường cạnh tranh về giá. Công ty có một danh mục đa dạng các sản phẩm được bán ra cho các khách hàng ở các thị trường trải trên các khu vực địa lý khác nhau và khả năng sử dụng trực tiếp sản phẩm của Công ty trong nhiều ứng dụng khác nhau. Việc này giúp Công ty không bị ảnh hưởng bởi những biến động lớn hoặc có thể ứng phó với trường hợp có một mặt hàng nào của Công ty không bán được, đồng thời cũng giúp Công ty tránh khỏi rủi ro hiệu quả thấp khi sản phẩm chỉ được bán cho khách hàng duy nhất từ một khu vực địa lý hay sản phẩm của Công ty chỉ đáp ứng duy nhất một dạng ứng dụng. Đối với những mặt hàng giao dịch có nhiều biến động như đồng, Công ty có thể sử dụng các công cụ tài chính như hợp đồng có kỳ hạn và hợp đồng tự bảo đảm để giảm rủi ro về giá.

### Rủi ro về Tỷ giá Quy đổi

**Cơ sở rủi ro** Phần lớn các mặt hàng bán ra của Công ty được xuất khẩu và định giá bằng tiền USD. Do vậy, sự biến động về tỷ giá quy đổi tiền VNĐ/USD có thể có những tác động đáng kể đến kết quả tài chính của Công ty.

**Biện pháp Giảm thiểu** Rất nhiều chi phí cho vật liệu và phụ tùng thay thế hiện không có sẵn tại Việt Nam đều được định giá bằng tiền USD. Điều này tạo ra một hàng rào tự nhiên bảo vệ Công ty khỏi một phần rủi ro về tỷ giá trong chi phí. Các chi phí còn lại cũng như các khoản nợ của Công ty được định giá bằng VNĐ. Do vậy Công ty phải đối mặt với sự biến động về tỷ giá giữa tiền VNĐ và tiền USD. Rủi ro về tiền tệ thường xuyên được Giám đốc Tài chính theo dõi và đưa ra các khuyến nghị với HĐQT nhằm đảm bảo các biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro kịp thời.

### Thay đổi bất lợi đột ngột hoặc không lường trước về môi trường pháp lý và chính trị tại Việt Nam hoặc quốc gia của khách hàng có thể gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, bán hàng hoặc quyết định kinh doanh của Công ty

**Cơ sở rủi ro** Sự thay đổi về quy định pháp luật của Việt Nam hoặc của các quốc gia của khách hàng tiềm ẩn việc tăng chi phí, giảm lợi nhuận biên hoặc gây trở ngại cho Công ty trong việc bán sản phẩm đến các quốc gia của khách hàng.

**Biện pháp Giảm thiểu** Công ty thường xuyên theo dõi môi trường pháp lý tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia của khách hàng, đồng thời đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với hoạt động bán hàng của Công ty. Điều này được thực hiện nhằm đảm bảo Công ty và khách hàng của Công ty chủ động trong việc kiến nghị sửa đổi chính sách tại các quốc gia của khách hàng hoặc tại Việt Nam để đảm bảo kinh doanh ổn định lâu dài.

### Sử dụng trữ lượng không hợp lý hoặc thất bại trong phát triển mô hình kinh doanh mới có thể tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất và điều kiện tài chính trong tương lai

**Cơ sở rủi ro** Nhu cầu đối với sản phẩm của Công ty có thể dẫn đến tình trạng nguồn tài nguyên cạn kiệt theo thời gian. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty là xuất phát từ hoạt động khai thác chế biến khoáng sản, do vậy, kết quả kinh doanh và điều kiện tài chính của Công ty trong thời gian tới sẽ liên quan trực tiếp tới hoạt động thăm dò và nỗ lực mua lại các doanh nghiệp trong tương lai, liên quan trực tiếp đến khả năng tạo nguồn dự trữ để ứng phó với các yêu cầu sản xuất trong tương lai với chi phí cạnh tranh.

**Biện pháp Giảm thiểu** Công ty đã xác định được trữ lượng tài nguyên là cơ sở để vận hành mỏ trong thời gian dài. Trữ lượng này đã được đo đạc và xác định theo các tiêu chuẩn quốc tế đồng thời được kiểm định bởi đơn vị độc lập. Điều này giúp Công ty có chiến lược để tiến hành thăm dò và đánh giá các cơ hội đầu tư trong tương lai. Trữ lượng mỏ hiện nay sẽ tiếp tục được khoan thăm dò bổ sung nhằm kéo dài tuổi thọ của mỏ hiện hành trong trường hợp thuận lợi về mô hình hóa địa chất và thị trường. Với việc mua lại cổ phần của đối tác nước ngoài để thành lập MTC đã đẩy mạnh năng lực chế biến hóa chất vonfram của Công ty. Công ty đang tăng cường mua nguyên liệu vonfram thô từ bên thứ ba nhằm giảm sự phụ thuộc vào trữ lượng tài nguyên của NPMC. Công ty cũng đang tìm kiếm các cơ hội để phát triển quy trình tái chế tại Việt Nam, điều này sẽ giảm thiểu các rủi ro thông qua việc phát triển nguồn nguyên liệu thô bền vững, có thể tái tạo.

### Rủi ro từ các đối tác thương mại

**Cơ sở rủi ro** Công ty đã ký kết hợp đồng với nhiều đối tác thương mại và tài chính, bao gồm khách hàng là những đối tượng trực tiếp sử dụng sản phẩm, các nhà cung cấp và các tổ chức tài chính. Sự biến động kinh tế thế giới tiếp tục gây căng thẳng cho thị trường tài chính toàn cầu, dẫn đến sự bất ổn về điều kiện kinh doanh nói chung. Ngoài ra, các khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, hoặc các đối tác liên doanh có thể không thực hiện đúng các hợp đồng và các nghĩa vụ đang hiện hữu.

**Biện pháp Giảm thiểu** Công ty có các kiểm soát tín dụng đối tác nhằm hạn chế việc chỉ phụ thuộc vào một khách hàng, một khu vực địa lý, một ứng dụng trực tiếp sử dụng sản phẩm hoặc phụ thuộc vào các đối tác Thương mại Tài chính. Công ty cũng định kỳ đánh giá năng lực tài chính và thị trường của các đối tác nhằm chủ động kiểm soát rủi ro và/hoặc các vấn đề tiềm ẩn.

### Rủi ro về nhân sự chủ chốt

**Cơ sở rủi ro** Việc mất đi các vị trí quản lý chủ chốt có thể dẫn tới việc gián đoạn các hoạt động đang diễn ra và/hoặc mất niềm tin của cổ đông, khiến cho cổ phiếu rớt giá.

**Biện pháp Giảm thiểu** Quản lý nhân sự là nền tảng quan trọng đối với sự thành công của Công ty. Để kiểm soát rủi ro này, Công ty đã tiến hành các chương trình đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận nhằm đảm bảo rằng những con người có năng lực luôn sẵn sàng để kế thừa công việc. Công ty cũng định kỳ đưa ra các chương trình sở hữu cổ phiếu hấp dẫn dành cho người lao động để giúp nhân viên trở thành cổ đông và giữ chân người lao động.



**Rủi ro do Cạnh tranh**

<b>Cơ sở rủi ro</b>	Khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc nâng cao các mục tiêu chiến lược và thị phần của Masan Resources.
<b>Biện pháp Giảm thiểu</b>	Công ty vận hành một trong những mỏ vonfram lớn nhất thế giới và là nguồn cung cấp chiến lược các sản phẩm hóa chất vonfram, florit cấp axit và các sản phẩm khác không có nguồn gốc từ Trung Quốc. Công ty đã ký kết các hợp đồng bán hàng dài hạn với nhiều công ty lớn trên toàn cầu, qua đó loại trừ rủi ro mất thị phần từ việc một số nhà cung cấp mới xuất hiện trong tương lai. Các cơ sở sản xuất của MTC được chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001 (về kiểm soát chất lượng sản phẩm). Các hoạt động vận hành của MSR và các công ty con tuân thủ các Sáng kiến về nguồn khoáng sản có trách nhiệm (RMI) và Sáng kiến chuỗi cung ứng nguồn khoáng sản có trách nhiệm (iTSCI).

**Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới công tác vận hành của Công ty**

<b>Cơ sở rủi ro</b>	Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới hoạt động khai thác của Công ty, cản trở lộ trình phát triển thị trường hoặc phát triển mạng lưới khách hàng. Tại nhà máy chính của Công ty, thiên tai chủ yếu là lũ lụt và động đất. Chúng có thể ảnh hưởng tới hoạt động của moong khai thác, công trình đập chứa đê ôi quặng hoặc nhà máy chế biến. Các sự cố vận hành tiềm tàng gồm có tai nạn vận hành, cháy nổ ở nhà máy chế biến, xói lở bờ moong khai thác, mất điện hoặc hỏng thiết bị cơ khí trọng yếu.
<b>Biện pháp Giảm thiểu</b>	Bằng việc chuẩn bị sẵn các kế hoạch quản lý rủi ro và các kế hoạch dự phòng, Công ty có thể giảm thiểu được hậu quả của các sự cố vận hành có thể xảy ra. Các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh và ứng phó sự cố đã được xây dựng nhằm giảm thiểu tối đa các hậu quả phát sinh. Các công trình của Công ty, bao gồm cả công trình đập chứa đê ôi quặng được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Các công trình này đáp ứng được Tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới và thường xuyên được ủy ban thẩm định độc lập quốc tế kiểm tra giám sát chất lượng. Là một phần của quá trình quản lý rủi ro, Công ty trang bị bảo hiểm toàn diện để giảm thiểu bất kỳ tổn thất phát sinh làm gián đoạn công tác sản xuất kinh doanh do thiên tai và các sự cố vận hành không mong muốn.

**Việc vi phạm các quy trình an ninh công nghệ thông tin có thể gây tác động bất lợi tới các hoạt động kinh doanh của Công ty**

<b>Cơ sở rủi ro</b>	Công ty duy trì các hệ thống công nghệ thông tin (IT), bao gồm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, các phần mềm kinh doanh và truyền thông để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những hệ thống này có thể bị tác động bởi các hành vi vi phạm an ninh thông tin (như tội phạm mạng) dẫn đến gián đoạn sản xuất, mất các tài sản sở hữu trí tuệ hoặc bị tiết lộ các thông tin nhạy cảm về thương mại và làm phương hại đến uy tín của Công ty
<b>Biện pháp Giảm thiểu</b>	Công ty thường xuyên rà soát hệ thống an ninh, các quy trình và các giao thức công nghệ thông tin. Công ty duy trì hệ thống bảo mật với thiết bị tường lửa phù hợp và các sao lưu ngoại vi đối với các dữ liệu, hệ thống và quy trình chủ chốt. Năm 2018, Công ty đã đưa vào thực hiện giải pháp an ninh bảo vệ hệ thống máy tính. Trong Quý 1 năm 2019, các hoạt động đẩy mạnh an ninh mạng đang được triển khai. Cũng trong Quý 1 năm 2019, hoạt động đánh giá rủi ro hệ thống IT sẽ được thực hiện ở cả cấp kỹ thuật (tham gia đẩy mạnh an ninh mạng) và quản trị rủi ro kinh doanh (chiến lược IT). Công tác đánh giá này sẽ đưa đến một lộ trình cải tiến an ninh mạng nhằm đưa vào thực hiện trong năm tài chính 2019.

**Rủi ro về Tính bền vững**

<b>Cơ sở rủi ro</b>	Những sự cố, tai nạn liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường hoặc cộng đồng cũng có thể ảnh hưởng bất lợi tới nhân viên của Công ty hoặc cộng đồng xung quanh khu vực Dự án, tới việc vận hành sản xuất và danh tiếng của Công ty hoặc giấy phép vận hành.
<b>Biện pháp Giảm thiểu</b>	Cách thức ứng phó của Công ty đối với các rủi ro về bền vững được thể hiện trong các Chính sách về Cộng đồng, Sức khỏe, Môi trường, An toàn và Bền vững. Tất cả các sự cố hoặc tai nạn đều được ghi nhận và báo cáo cho Hội đồng quản trị. Khi có sự cố xảy ra, Công ty sẽ làm việc trực tiếp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các bên bị ảnh hưởng để giải quyết vấn đề và đảm bảo nguy cơ tái diễn sự cố tương tự ở mức thấp nhất.

**Biến động kinh tế toàn cầu**

<b>Cơ sở rủi ro</b>	Triển vọng kinh tế về bản chất sẽ thiên về địa chính trị. Bối cảnh chính trị toàn cầu hiện vẫn không có gì là chắc chắn, và điều này sẽ gây bất ổn định trong một chừng mực nào đó, dù là tích cực hay tiêu cực, và có thể kiểm chứng những nền tảng căn bản lúc này đang cho thấy khá vững vàng.
<b>Biện pháp Giảm thiểu</b>	Công ty giữ quan điểm về triển vọng tích cực của nền kinh tế Mỹ mặc dù tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2019 có thể hơi thấp hơn so với năm 2018, tuy nhiên động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế này vẫn luôn ở vị thế sẵn sàng, con số trên 300.000 việc làm được tạo ra trong tháng 12/2018 là minh chứng cho điều đó.  Mức chi tiêu tiêu dùng đang tăng lên với chỉ số niềm tin cao và tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm đảm bảo sự tăng thu nhập thực tế sẽ hỗ trợ cho sự ổn định lâu dài của nền kinh tế nước này.  Đối với Trung Quốc, các công cụ về tiền tệ và khoảng trống tài khóa để đối phó với ảnh hưởng của các chính sách thương mại bất lợi, kích thích tăng trưởng và duy trì ở trên mức nghiêm trọng 6%.  Trong khi đó, Việt Nam và Ấn Độ tiếp tục khởi sắc sau khi đạt ở mức tăng trưởng hấp dẫn trên 7% trong năm 2018, các nước này được dự đoán sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và giữ vững thương hiệu là các nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới năm 2019.  Triển vọng của khu vực Eurozone kém lạc quan hơn do nền tảng kinh tế của các quốc gia này đang trong giai đoạn điều chỉnh cơ cấu, Công ty tin rằng sẽ có đủ các biện pháp an toàn để kiểm soát biến động kinh tế toàn cầu.



## VỮNG BƯỚC CHẠNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Phần tóm tắt về Báo cáo Phát triển Bền vững này không nhắc lại một số lĩnh vực đã được trình bày trong các phần khác của Báo cáo thường niên này, mà chỉ tập trung vào một số lĩnh vực chính về con người, xã hội và môi trường, cũng như các vấn đề về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

*Nội dung báo cáo phát triển bền vững đầy đủ sẽ có trong Báo cáo Phát triển Bền vững 2018 của Masan Resources, được phát hành cùng thời điểm với Báo cáo Thường niên này.*

Nâng cao quản trị phát triển bền vững

Hướng đến nền kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững

Quan tâm đến trẻ em - hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu



Tháng 10/2018, Diễn đàn Kinh doanh có trách nhiệm Toàn cầu được tổ chức tại Singapore đã đưa ra các giải pháp thiết thực đối với một số lĩnh vực then chốt để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Thông điệp chính của diễn đàn là lời kêu gọi hành động, đặc biệt là đối với thành phần kinh tế tư nhân. Lãnh đạo các doanh nghiệp được khuyến khích “luôn dũng cảm gánh vác và coi đó là trách nhiệm của mình”, đồng thời coi các Mục tiêu Phát triển Bền vững là khung cơ sở để cùng nhau hợp tác giải quyết các vấn đề.

Tại Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng oanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) - trực thuộc VCCI, mạng lưới thành viên và các hoạt động nâng cao năng lực liên quan đến phát triển bền vững đã được mở rộng trên khắp cả nước. Đặc biệt, có rất nhiều sáng kiến như: Thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam và các hoạt động của Diễn đàn Hợp tác cấp cao vì mục tiêu xanh toàn cầu 2030 (P4G) được xúc tiến một cách tích cực trong suốt năm qua. Gần đây nhất, chủ đề “Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xã hội toàn diện để phát triển bền vững” là được chọn là chủ đề của Diễn đàn phát triển bền vững đầu tiên của năm 2019 tổ chức từ ngày 17 - 18/ 01/ 2019 tại Hà Nội.

Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (CSI - Corporate Sustainability Index) được xây dựng để phù hợp với các yêu cầu thực tiễn và được giới thiệu tới cộng đồng doanh nghiệp thông qua các khóa đào tạo về lập báo cáo phát triển bền vững và cách áp dụng CSI. Đúng với tinh thần thông điệp của Chủ tịch Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam, năm 2019 các doanh nghiệp sẽ tiếp tục được khuyến khích, thúc đẩy và hỗ trợ để từng bước đưa phát triển bền vững thành trọng tâm trong các chiến lược kinh doanh, và trở thành “hơi thở cuộc sống” của mỗi doanh nghiệp.

Masan Resources, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyển giao một cách chiến lược tài nguyên Việt Nam tới thị trường nguyên liệu công nghệ cao toàn cầu, hiện đang quản lý và vận hành mỏ khoáng sản đa kim và nhà máy chế biến hóa chất tầm cỡ thế giới, nằm ở khu vực phía Bắc Việt Nam. MSR không chỉ lấy các Mục tiêu Phát triển Bền vững Toàn cầu (SDGs) làm cơ sở đánh giá tác động của Công ty đối với phát triển, mà còn coi đây là phương thức để mang lại những lợi ích lớn hơn từ việc đầu tư vào phát triển bền vững. Cách đầu tư “khôn ngoan” đó không chỉ đem đến cho Masan Resources một “giấy phép xã hội” đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty, mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân của doanh nghiệp. Nói cách khác, chúng tôi cho rằng cộng đồng doanh nghiệp cần nhận thức sâu sắc rằng việc làm giàu hợp pháp, tạo cơ hội việc làm cho người lao động và đóng góp vào sự phát triển bền vững cũng chính là thể hiện tinh thần yêu nước của mỗi chúng ta.



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các lĩnh vực trọng yếu của MSR trong năm 2018



<sup>1</sup> Sources: Message 2018



# Nâng cao Quản trị Phát triển bền vững

## Củng cố cơ cấu quản lý Phát triển Bền vững

MSR luôn hiểu rằng một công ty muốn quản lý hiệu quả và nhất quán vấn đề phát triển bền vững đòi hỏi phải có sự cam kết của Ban lãnh đạo, sự chỉ đạo sáng suốt, và tầm ảnh hưởng chiến lược - nghĩa là cần một cơ cấu quản trị mạnh. Để mang lại kết quả tốt hơn đối với các yêu cầu phát triển bền vững, MSR đã tiến hành rà soát định kỳ và củng cố Cơ cấu Quản trị Phát triển Bền vững của Công ty.

Năm 2018, Công ty đã thành lập Ủy ban An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Cộng đồng và Phát triển bền vững (gọi tắt là Ủy ban CHES - Community, Health, Environment, Safety and Security) Đây là một Ủy ban liên chức năng thực thi Phát triển Bền vững, trực thuộc Ủy ban Phát triển Bền vững của Công ty.

Ủy ban CHES được phép kết nối tất cả các phòng, ban trong Công ty và các công ty trực thuộc để thực thi các sáng kiến phát triển bền vững, cũng như tăng cường sự giám sát hoặc đưa ra những chỉ dẫn chiến lược. Đồng thời, Tiểu ban có thể huy động nhân lực để thực hiện các chiến lược và tổ chức các cuộc họp định kỳ (hàng tháng và hàng quý) nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động. Những chức năng liên quan của tiểu ban có thể thay đổi, nhưng luôn bao gồm các vấn đề về quản trị rủi ro, trang thiết bị và vận hành, cộng đồng và truyền thông, nguồn nhân lực, an toàn và sức khỏe môi trường, v.v...



Cuộc họp đầu tiên của Ủy ban CHES được tổ chức vào tháng 8 năm 2018. Cuộc họp đã giới thiệu chức năng, nhiệm vụ và hiến chương của Ủy ban CHES, đồng thời bầu ra Chủ tịch và Thư ký Ủy ban.



## Giám sát phát triển bền vững bằng Minh bạch

Hiện nay, ngành khai khoáng cũng như những đóng góp cụ thể đối với xã hội, hệ sinh thái và phát triển bền vững cho cộng đồng lân cận bao gồm chia sẻ lợi ích, ưu tiên về sức khỏe và an toàn, chăm sóc và bảo vệ môi trường, phục hồi sinh kế và phát triển cộng đồng lâu dài... thường chưa được hiểu đúng mức. Điều này đôi khi dẫn đến những hiểu nhầm hoặc mất niềm tin giữa các bên, đặc biệt là người dân trong cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội. Hay nói cách khác, nếu thiếu sự cởi mở và minh bạch, thì quá trình đưa ra quyết định sẽ bị cản trở nghiêm trọng.



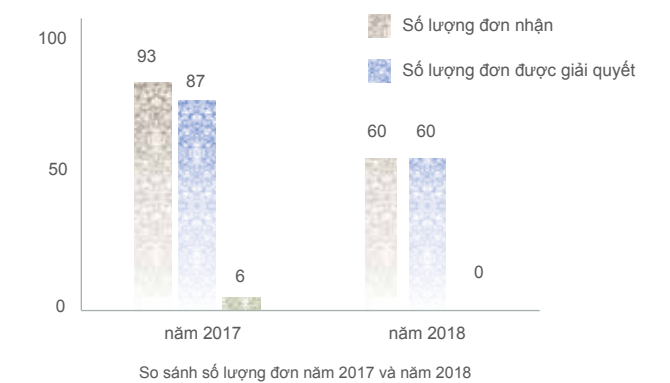
Lợi ích đem lại từ luồng thông tin minh bạch đã được MSR ghi nhận kể từ khi bắt đầu vận hành dự án Núi Pháo. Những lĩnh vực chính cần minh bạch trong hoạt động của công ty bao gồm công tác đền bù và tái định cư, tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Năm 2018 chúng kiến một lượng lớn thông tin về dự án được công bố thông qua nhiều hình thức như: tham quan thực địa, họp cộng đồng, hội thảo, các hoạt động tham vấn cũng như đối thoại giữa Công ty với các bên liên quan trong và ngoài Công ty. Hơn nữa, quy trình minh bạch của Công ty đặt trọng tâm vào nguồn dữ liệu đầu vào tin cậy và thuyết phục, báo cáo chính thức, và phúc đáp kịp thời vấn đề quan tâm của các bên liên quan. Chúng tôi nhận thấy việc phúc đáp kịp thời đóng vai trò quan trọng đối với việc xây dựng mối quan hệ tin cậy với các bên liên quan của Công ty.

### » Mọi người đều có thể tiếp cận thông tin

Năm 2018, Công ty đã công bố khoảng **1.800 nội dung** thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty; và có trên **350 lượt khách** đến tìm hiểu thông tin tại Trung tâm thông tin của Dự án; có khoảng **80 cuộc họp** cộng đồng được tổ chức với trên **1.100 lượt người tham dự**.

### » Không ngừng nỗ lực để giải quyết các quan ngại của cộng đồng





## Minh bạch về môi trường: Tốt hơn so với qui định

### » Lấy mẫu phân tích

Năm 2018, tổng số mẫu môi trường đã được lấy để đánh giá là 8.322 mẫu (kể cả mẫu bên trong và ngoài khu vực Dự án do các trung tâm thí nghiệm độc lập tiến hành), trong đó có 7.194 mẫu nước, 12 mẫu đất và quặng đuôi, 89 mẫu chất thải rắn và còn lại là 120 mẫu không khí và khí thải.



### » Báo cáo

Năm 2018, MSR đã gửi đi tổng cộng 18 báo cáo các loại cho cơ quan chức năng về vấn đề môi trường, trong đó có 12 báo cáo về xả nước thải, 2 báo cáo môi trường định kỳ hàng năm, 1 báo cáo thường niên về chất thải nguy hại và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Kể từ tháng 9/2018, dữ liệu quan trắc từ các trạm quan trắc nước thải tự động tại các điểm xả thải DP2 và DP3 đã được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên & Môi trường nhằm đảm bảo tính minh bạch và khách quan của dữ liệu quan trắc.



### » Quan sát tại thực địa

Nhằm nâng cao cấp độ minh bạch của Công ty, trong năm 2018, MSR liên tục tổ chức các cuộc tham quan thực địa cho người dân và chính quyền sở tại, các cơ quan chức năng và các đối tác liên quan khác. Việc này không chỉ cho phép khách thăm quan được tận mắt chứng kiến hoạt động sản xuất, những đầu tư vào công nghệ và công tác bảo vệ môi trường của Công ty, mà còn giúp họ có dịp chia sẻ những ý kiến và mối quan tâm của mình đối với hoạt động sản xuất của Công ty.

Cụ thể là trong năm 2018, Công ty đã tiếp đón 41 đoàn khách đến thăm mỏ Núi Pháo với tổng số hơn 640 người đến từ cộng đồng địa phương, cơ quan quản lý các cấp, các chuyên gia tại các trường đại học và viện nghiên cứu, các nhà đầu tư và các bên liên quan khác trong và ngoài nước.



### » Phản hồi

Năm 2018, MSR vẫn tiếp tục thực thi các kiến nghị về môi trường theo kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên & Môi trường (Bộ TNMT). Trong đó, hầu hết các kiến nghị đã được Công ty chấp hành, các nội dung còn lại dự kiến hoàn thành trong thời gian tới. Tính đến nay, Công ty đã đầu tư 4 triệu Đô la Mỹ vào các hạng mục cải thiện môi trường theo khuyến nghị của Bộ TNMT.

2018

Pháp lý

- Giấy phép mới về khai thác nước Sông Công.
- Sổ đăng ký chất thải nguy hại mới (sửa đổi).
- Hoàn thành nghiên cứu đánh giá khả năng thấm của Đập chứa Quặng đuôi TSF – giai đoạn 1.
- Hoàn thành Kế hoạch phục hồi môi trường bổ sung.
- Nộp hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình chứa quặng đuôi TSF (2013 -2018).

2018

Các công trình bảo vệ môi trường

- Hoàn thành nâng cấp Trạm xử lý nước thải
- Hoàn thành lót chống thấm đáy cho Hồ chứa Nước mưa chảy tràn khu nhà máy (PSRP), Hồ lắng khu vực chứa quặng 1, 3 (ROM-SP1; ROM-SP3).
- Hoàn thành lắp đặt 4 trạm quan trắc nước thải tự động.
- Hoàn thành lắp đặt 1 trạm quan trắc khí tự động.
- Hoàn thành kênh thu nước Xóm 6.



## Hướng đến nền kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững



Trong những năm gần đây, khái niệm về nền kinh tế tuần hoàn được đặt ra nhằm giải quyết tình trạng tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Một nền kinh tế được coi là không bền vững khi chỉ dựa vào việc sử dụng dụng các sản phẩm, vật liệu không thể tái tạo và sẽ bị cạn kiệt trong tương lai.

### Xây dựng tư duy về nền kinh tế tuần hoàn

#### » Trách nhiệm với môi trường

Năm 2018, tất cả công nhân vận hành của Bộ phận sản xuất và các nhà thầu có công việc liên quan trực tiếp đến việc phân loại và phân luồng chất thải đều được yêu cầu tham dự khóa đào tạo về phân loại chất thải. Tổng số người đã tham dự khóa đào tạo này trong năm 2018 là 437 người.

Năm 2018, chương trình đào tạo về thực hiện hành động theo Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã mở rộng đối tượng sang người nước ngoài nhằm đồng bộ hóa trách nhiệm về bảo vệ môi trường đối với mọi cấp quản lý trong Công ty.

Ngoài ra, việc tổ chức tham gia các sự kiện về môi trường như: Ngày môi trường thế giới, Chiến dịch vì một thế giới sạch hơn, và Giờ Trái đất trước đây thường tổ chức trong khuôn khổ Công ty thì hiện nay các hoạt động này đã lan tỏa tới các cộng đồng lân cận dự án thông qua các chiến dịch tuyên truyền, hội thảo và phương tiện truyền thông. Một số chủ đề thiết thực đã được tuyên truyền tại các sự kiện dành cho cho hội phụ nữ và học sinh tại các trường học như hạn chế sử dụng túi ni lông, các khóa học về phân loại rác thải và các vấn đề về vệ sinh môi trường khác... Mục đích của những chương trình này là nhằm nâng cao hiệu quả của việc quản lý chất thải và cải thiện công tác bảo vệ môi trường nông thôn. Trong năm 2018, có khoảng 100 người đã tham dự các sự kiện nêu trên.



Do tính chất đặc thù của mỏ khoáng sản đa kim, việc áp dụng công nghệ khai thác truyền thống bị hạn chế về quy mô sản xuất và không có hiệu quả. Do vậy, một mặt Công ty phải áp dụng kiến thức và công nghệ khoa học tiên tiến để không chỉ tăng tỉ lệ thu hồi khoáng sản, mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm để nâng cao giá trị của tài nguyên thiên nhiên. Mặt khác, Công ty đặt ra các mục tiêu và thực hiện "Nguyên tắc 3R"<sup>(2)</sup> (nghĩa là Tiết giảm - Tái sử dụng - Tái chế) trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty, đặc biệt tập trung vào công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sản xuất và các hoạt động liên quan.

<sup>(2)</sup> 3R là viết tắt của các từ tiếng Anh: Reduce - Reuse - Recycle

#### » Đào tạo về Kaizen 5S

Chương trình KAIZEN là công cụ giúp loại bỏ sự lãng phí, tối ưu hóa năng suất lao động. Khóa học về KAIZEN được thực hiện trong năm qua đã giúp người lao động thay đổi tư duy truyền thống về cách tiếp cận với các tình huống khó khăn. Khóa học cũng giúp học viên nhận diện được 7 loại lãng phí trong hoạt động hàng ngày và ảnh hưởng của chúng đến năng suất lao động. Sau khóa học, mỗi khu vực làm việc của nhà máy đều đưa ra kế hoạch thực hiện Kaizen-5S chi tiết. Theo đó, chương trình Kaizen 5S đã được thực hiện ở mọi phòng ban với sự tham gia tích cực của tất cả người lao động trong cả hai Công ty NPMC và MTC. Hiện chương trình đã mang lại những thay đổi tích cực trong hành vi của người lao động, tuy nhiên, việc lồng ghép hoàn toàn Kaizen-5S vào văn hóa người lao động vẫn là một chặng đường dài phía trước, đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của mọi nhân viên.





### Phục hồi tài nguyên từ các Dự án cây xanh

#### » Mở rộng diện tích trồng cây phục hồi môi trường

Năm 2018, Masan Resources đã trồng cây phục hồi môi trường với tổng diện tích 11,1 ha tại khu vực taluy của các bãi thải, vùng đệm và các khu vực bị ảnh hưởng do khai thác và các hoạt động phục vụ khai thác. MSR đã sử dụng nhiều loại cây và vật liệu khác nhau để tăng hiệu suất của công tác cải tạo và phục hồi môi trường. Công ty đã trồng được tổng số 23.876 cây keo, gieo 2.729 kg hạt cỏ de và sử dụng 4.451 kg phân bón. Tính từ khi bắt đầu dự án đến cuối năm 2018, MSR đã phục hồi được gần 49,8 ha đất, góp phần quan trọng vào công tác bảo vệ môi trường trong khu vực mỏ.

#### » Sử dụng bãi lọc thảm nổi thực vật trong xử lý nước thải

Từ năm 2015, MSR bắt đầu công trình bãi lọc thảm nổi thực vật để cải thiện chất lượng nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường. Giải pháp này của MSR là một mô hình xử lý nước thải thân thiện với môi trường nhờ khả năng hấp thụ và chuyển hóa nhu cầu oxy sinh học (BOD), nhu cầu oxy hóa học (COD) và các kim loại nặng khác trong nước thải của một số loại thực vật, nhằm giảm nồng độ của chúng thải ra ngoài môi trường.

#### “Cây lọc sinh học nhân tạo”

Masan Resources đã và đang nghiên cứu các biện pháp cải thiện chất lượng nước thải bằng cách áp dụng mô hình bè trồng cây dưới nước. Ban đầu, việc trồng cây được thực hiện bằng cách trồng cỏ hương bài trực tiếp xuống đất, sau đó được cải tiến bằng cách trồng trên bè nổi.

Sau khi hoàn thành nghiên cứu về các phương pháp trồng cây tối ưu, cả hai phương pháp trên được thay thế hoàn toàn bằng phương pháp trồng cây theo ô (nhân giống từ lá), đã được chứng minh là phương pháp hiệu quả nhất. Cỏ trồng trên các ô bè sinh đều trưởng tốt, có thân, cọng, lá khỏe, rễ chắc và trông giống như “cây lọc sinh học nhân tạo” giúp làm sạch và cải thiện chất lượng nước thải. Nước thải trong bãi lọc trồng cây khá trong và sạch, đồng thời các bè cỏ hương bài phát triển xanh tốt cũng tạo thuận lợi cho sự phát triển của môi trường thủy sinh.



### Cải thiện vệ sinh môi trường nông thôn

Tân Linh là một trong những xã khó khăn nhất của huyện Đại Từ đồng thời cũng là địa phương có diện tích trồng chè lớn nhất tỉnh Thái Nguyên. Với trên 700 ha đất chuyên canh chè và hơn 98% dân số sống nhờ vào chè, nên xã có rủi ro cao về suy thoái đất, ô nhiễm nước và môi trường do việc lạm dụng các thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hoá học. Hơn nữa, do xã chưa có chương trình quản lý chất thải nông thôn và tình trạng đổ rác tràn lan, trái phép, đã khiến cho nhiều khu vực công cộng quanh xã như cổng làng, ven đường, cầu cống, sông suối đang bị ô nhiễm.

Trong năm 2018, Masan Resources đã tổ chức 16 chiến dịch tuyên truyền và hội thảo tập huấn cho 600 người về phân loại chất thải sinh hoạt, sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý rác có thể phân hủy và hạn chế sử dụng túi ni lông trong sinh hoạt hàng ngày; Công ty đồng thời cũng đã hỗ trợ việc thành lập và hoạt động của 7 câu lạc bộ “Phụ nữ với công tác bảo vệ môi trường”; hỗ trợ việc thu gom và xử lý chất thải hóa chất nguy hại; cấp phát tài liệu truyền thông (biển báo, sách hướng dẫn, băng rôn, khẩu hiệu, v.v.) và thúc đẩy các chương trình hành động hàng tháng để dọn dẹp vệ sinh nơi công cộng ở từng đường làng ngõ xóm.

Đến cuối năm 2018, công tác phát triển môi trường tại xã đã đạt được những kết quả tích cực như: thành lập một tổ thu gom chất thải và 50% người dân tham gia sử dụng dịch vụ thu gom rác; xóa bỏ được tình trạng đổ rác trái phép và nhiều con đường đã được trồng hoa ven đường.





## Quan tâm đến trẻ em - hướng tới các mục tiêu Phát triển Bền vững Toàn cầu

Những lợi ích đem lại cho trẻ em là một chỉ tiêu quan trọng trong quá trình hướng đến thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững Toàn cầu (SDGs). Vì thông tin liên quan đến nhóm đối tượng này thường vắng mặt trong các số liệu và chính sách, nên đòi hỏi nhiều nỗ lực để đảm bảo rằng trẻ em không bị bỏ rơi trong quá trình thực hiện, giám sát và báo cáo về các hoạt động hướng tới các Mục tiêu Phát triển Bền vững Toàn cầu (SDGs).

Đóng góp vào Quỹ trẻ em bằng việc trao tặng xe đạp, trang thiết bị học tập, cải thiện điều kiện nhà ở, và tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải cho trên **300** học sinh trường THCS Tân Linh

Nâng cao nhận thức an toàn giao thông cho hơn **400** học sinh và tặng 50 mũ bảo hiểm cho học sinh Trường THCS Hà Thượng.

Một không gian đọc sách thoáng đẹp và thân thiện cho gần **500** học sinh Trường THCS Phục Linh.

Tặng quà Tết cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại xã Mỹ Yên, Bản Ngoại và Phục Linh của huyện Đại Từ.

Hỗ trợ trang thiết bị (đệm, tủ quần áo, tủ lạnh) cho **200** học sinh dân tộc H'Mông của Trường THCS Lũng Luông.

Giúp trẻ mở cõi tăng thu nhập thông qua chăn nuôi







# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về Công ty  
Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo Kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh Báo cáo tài chính

## T h o n g t i n v e C o n g t y

### Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

#### Giấy Chứng nhận

##### Đăng ký Doanh nghiệp số

0309966889 ngày 3 tháng 10 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

##### Giấy Chứng nhận Đầu tư số

41122000131 ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch
Dr. Nguyễn Đăng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên
Ông Dominic John Heaton	Thành viên (từ nhiệm ngày 26/7/2018)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Ông Nikhil Kamran	Giám đốc tài chính (từ nhiệm ngày 23/8/2018)
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Kế toán trưởng (từ ngày 23/7/2018)

#### Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## B á o c á o c u a B a n G i á m đ ó c

### Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Craig Richard Bradshaw**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019



## Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00177-19-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0861-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0557-2018-007-1

## Bảng cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120+ 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>	<b>4.333.718.245</b>	<b>3.456.003.440</b>	<b>47.959.283</b>	<b>2.782.039</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>467.220.260</b>	<b>780.414.201</b>	<b>3.288.566</b>	<b>483.619</b>
Tiền	111	263.449.041	82.470.201	234.588	83.619
Các khoản tương đương tiền	112	203.771.219	697.944.000	3.053.978	400.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>32.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	32.500.000	-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>1.612.852.955</b>	<b>860.460.818</b>	<b>44.670.717</b>	<b>2.298.420</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	960.321.689	368.595.772	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	175.750.070	78.568.122	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	476.781.196	420.152.488	44.670.717	2.298.420
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(6.855.564)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>1.646.014.138</b>	<b>1.409.062.969</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141	1.646.014.138	1.409.062.969	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>607.630.892</b>	<b>373.565.452</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	45.996.377	47.822.640	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	561.634.515	325.742.812	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>23.615.407.322</b>	<b>23.688.207.422</b>	<b>12.495.844.635</b>	<b>9.995.844.635</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.335.307.630</b>	<b>1.346.793.937</b>	<b>7.355.509.062</b>	<b>4.855.509.062</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.335.307.630	1.346.793.937	3.409.990.962	909.990.962
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.267.296.514</b>	<b>18.898.064.279</b>	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.767.943.281	18.351.724.804	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		22.411.038.516	21.810.465.885	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.643.095.235)	(3.458.741.081)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	-	4.486.667	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(62.813.333)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	499.353.233	541.852.808	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		688.278.032	688.278.032	137.950	137.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(188.924.799)	(146.425.224)	(137.950)	(137.950)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.429.178.901</b>	<b>987.802.403</b>	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.429.178.901	987.802.403	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.900.000</b>	-	<b>5.140.335.573</b>	<b>5.140.335.573</b>
Đầu tư vào công ty con	251	14	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	-	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.577.724.277</b>	<b>2.455.546.803</b>	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.576.441.928	2.440.860.012	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20(i)	1.282.349	14.686.791	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>27.949.125.567</b>	<b>27.144.210.862</b>	<b>12.543.803.918</b>	<b>9.998.626.674</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>15.823.171.322</b>	<b>15.132.604.815</b>	<b>3.098.253.712</b>	<b>554.834.167</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.101.944.806</b>	<b>4.871.844.056</b>	<b>57.179.537</b>	<b>13.759.992</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		526.342.610	434.067.033	-	429.032
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		238.767.158	166.299.167	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	66.770.503	74.558.198	136.840	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	734.808.645	788.206.464	41.014.278	424.490
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	67.894.855	3.919.178	16.028.419	12.906.470
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	2.467.361.035	3.404.794.016	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.721.226.516</b>	<b>10.260.760.759</b>	<b>3.041.074.175</b>	<b>541.074.175</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19(b)	9.491.007.736	7.967.927.242	2.500.000.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20(ii)	613.430.657	643.914.399	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	492.664.284	524.795.279	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>12,125,954,245</b>	<b>12,011,606,047</b>	<b>9,445,550,206</b>	<b>9,443,792,507</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>12,125,954,245</b>	<b>12,011,606,047</b>	<b>9,445,550,206</b>	<b>9,443,792,507</b>
Vốn cổ phần	411	23	8,993,091,220	7,194,473,280	8,993,091,220	7,194,473,280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8,993,091,220	7,035,448,980	8,993,091,220	7,035,448,980
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	159,024,300	-	159,024,300
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	145,709,384	1,944,327,324	145,709,384	1,944,327,324
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295,683,347)	(295,683,347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,282,836,988	2,757,718,772	306,749,602	304,991,903
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2,757,718,772	2,551,804,716	304,991,903	304,980,638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		525,118,216	205,914,056	1,757,699	11,265
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	410,770,018	-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>27,949,125,567</b>	<b>27,144,210,862</b>	<b>12,543,803,918</b>	<b>9,998,626,674</b>

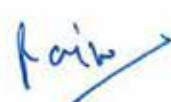
Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>6.865.010.875</b>	<b>5.404.645.101</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>4.703.549.284</b>	<b>3.713.762.618</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.161.461.591</b>	<b>1.690.882.483</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	126.790.749	41.999.592	44.669.471	14.265
Chi phí tài chính	22	27	1.204.829.996	1.137.924.018	40.756.034	-
Chi phí bán hàng	25		104.331.557	135.288.194	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		127.022.646	124.952.093	2.165.738	3.000
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>852.068.141</b>	<b>334.717.770</b>	<b>1.747.699</b>	<b>11.265</b>
Thu nhập khác	31		2.098.777	2.254.261	10.000	-
Chi phí khác	32		26.054.374	44.849.579	-	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(23.955.597)</b>	<b>(42.595.318)</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	35.190.165	36.841.033	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>810.001.679</b>	<b>301.125.764</b>	<b>1.757.699</b>	<b>11.265</b>
			<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>		
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho:</b>						
Cổ đông của Công ty	61		663.756.323	205.914.056		
Cổ đông không kiểm soát	62		146.245.356	95.211.708		
			<b>VND</b>	<b>VND</b>		
				<b>(Điều chỉnh lại)</b>		
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	738	229		

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	1.235.908.778	1.181.620.078	-	-
Các khoản dự phòng	03	41.014.656	43.347.293	-	-
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.989.532	(5.824.568)	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.848.288)	(5.741.539)	(44.669.471)	(14.265)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.079.797.011	1.012.994.177	40.619.178	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.163.974.233</b>	<b>2.518.517.893</b>	<b>(2.292.594)</b>	<b>(3.000)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(982.999.214)	(454.833.910)	2.242.378	(2.242.379)
Biến động hàng tồn kho	10	(236.951.168)	(296.677.753)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	131.197.383	187.603.914	2.800.367	(181.160)
Biến động chi phí trả trước	12	(93.222.743)	(4.225.567)	-	-
		<b>1.981.998.491</b>	<b>1.950.384.577</b>	<b>2.750.151</b>	<b>(2.426.539)</b>
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.048.441.244)	(921.866.185)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.533.036)	(14.478.165)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>897.024.211</b>	<b>1.014.040.227</b>	<b>2.750.151</b>	<b>(2.426.539)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.076.471.346)	(940.730.520)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.452.381	1.056.182	-	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(5.900.000)	(32.500.000)	-	-
Khoản đóng góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”)	23	-	-	(2.500.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	24	32.500.000	-	-	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25	(695.653.481)	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.871.532	9.502.550	54.796	28.262.675
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.718.200.914)</b>	<b>(962.671.788)</b>	<b>(2.499.945.204)</b>	<b>28.262.675</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Tiền thu từ đi vay	33	7.517.713.852	2.638.264.656	2.500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(6.999.320.201)	(2.467.586.590)	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.026.327)	(16.271.187)	-	-
Tiền trả cổ tức	36	-	(26.249.448)	-	(26.249.448)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>509.367.324</b>	<b>128.157.431</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>(26.249.448)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(311.809.379)</b>	<b>179.525.870</b>	<b>2.804.947</b>	<b>(413.312)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>780.414.201</b>	<b>603.345.037</b>	<b>483.619</b>	<b>896.931</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(1.384.562)</b>	<b>(2.456.706)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)</b>	<b>70</b>	<b>467.220.260</b>	<b>780.414.201</b>	<b>3.288.566</b>	<b>483.619</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Thanh Mai  
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

  
 Rajul Bagrodia  
 Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

  
 Richard Bradshaw  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2018	1/1/2018
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck – thay đổi từ ngày 11/9/2018) (Thuyết minh 5)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2018: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.403 nhân viên (1/1/2018: 1.363 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

### (a) Cơ sở hợp nhất

#### (i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

### (ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

### (iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(v) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(b) Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào các công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

**(ii) Khấu hao**

*Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

*Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất*

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

**Tại ngày 31/12/2018 và 1/1/2018**

• Nhà máy ST	125.140 tấn vonfram
• Nhà máy APT	120.265 tấn vonfram

*Các tài sản khác*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
• máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
• dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
• phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
• các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Tài sản cố định thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

**(ii) Quyền khai thác khoáng sản**

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác

khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Other mining costs**

Chi phí khai thác khoáng sản khác

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ**

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

**(iv) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp

đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**  
Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Quyền khai thác khoáng sản**

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

**(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ**

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại

mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

**(o) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(p) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Cổ phiếu ưu đãi**

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

**(iii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày áp dụng phi hồi tố của Thông tư 202 (Thuyết minh 3(a)(iii)).

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các

khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(r) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

**(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 4. Báo cáo bộ phận

##### (a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018</b>					
Doanh thu bộ phận	942.301.136	1.381.223.555	4.215.790.172	325.696.012	6.865.010.875
Lợi nhuận gộp của bộ phận	530.675.974	876.394.721	673.358.748	81.032.148	2.161.461.591
Chi phí không phân bổ					231.354.203
Thu nhập từ hoạt động tài chính					126.790.749
Chi phí tài chính					1.204.829.996
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					852.068.141
Thu nhập khác					2.098.777
Chi phí khác					26.054.374
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					18.110.865
Lợi nhuận thuần sau thuế					810.001.679

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017</b>					
Doanh thu bộ phận	734.678.468	1.086.632.503	3.220.111.419	363.222.711	5.404.645.101
Lợi nhuận gộp của bộ phận	452.041.373	658.824.479	468.982.641	111.033.990	1.690.882.483
Chi phí không phân bổ					260.240.287
Thu nhập từ hoạt động tài chính					41.999.592
Chi phí tài chính					1.137.924.018
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					334.717.770
Thu nhập khác					2.254.261
Chi phí khác					44.849.579
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.003.312)
Lợi nhuận thuần sau thuế					301.125.764
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
Tài sản của bộ phận	186.484.856	972.966.046	2.004.682.073	1.270.847.365	4.434.980.340
Tài sản không phân bổ					23.514.145.227
Tổng tài sản					27.949.125.567
Tổng nợ phải trả					15.823.171.322
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>					
Tài sản của bộ phận	200.633.583	1.044.504.878	2.116.034.761	1.367.325.434	4.728.498.656
Tài sản không phân bổ					22.415.712.206
Tổng tài sản					27.144.210.862
Tổng nợ phải trả					15.132.604.815

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018</b>					
Chi tiêu vốn của bộ phận	12.582.007	40.755.435	141.991.766	858.003	196.187.211
Chi tiêu vốn không phân bổ					880.284.135
Khấu hao tài sản cố định	14.148.728	73.665.368	145.814.184	96.478.087	330.106.367
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					863.302.836
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					209.398.773
<b>Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017</b>					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	24.189.965	263.377.029	4.295.613	291.862.607
Chi tiêu vốn không phân bổ					648.867.913
Khấu hao tài sản cố định	14.461.260	75.293.663	144.252.892	98.633.905	332.641.720
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					806.763.861
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					213.613.268

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Việt Nam		Cộng hòa		Nhật Bản	Mỹ	Singapore	Các nước khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Séc	Nghìn VND					
<b>Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018</b>									
Doanh thu bán ra ngoài	991.899.199	1.262.874.650	813.509.380	995.738.741	655.357.744	1.404.428.741	741.202.420		6.865.010.875
Tài sản của bộ phận	27.949.125.567	-	-	-	-	-	-	-	27.949.125.567
Chi tiêu vốn	1.076.471.346	-	-	-	-	-	-	-	1.076.471.346
<b>Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017</b>									
Doanh thu bán ra ngoài	773.289.698	633.523.148	634.725.734	584.399.940	808.668.959	1.029.182.050	940.855.572		5.404.645.101
Tài sản của bộ phận	27.144.210.862	-	-	-	-	-	-	-	27.144.210.862
Chi tiêu vốn	940.730.520	-	-	-	-	-	-	-	940.730.520

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) mua 49% sở hữu còn lại của công ty H.C Starck GmbH (“HCS”) tại Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck). Sau giao dịch mua lại này, MSR nắm giữ 100% sở hữu tại MTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Giao dịch mua lại này có những ảnh hưởng sau:

	<b>Nghìn VND</b>
Chi phí mua lại	695.653.481
Tài sản thuần thu được	(557.015.374)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận chưa phân phối	138.638.107
	<b>Nghìn VND</b>
Chi phí mua lại bao gồm:	
Mua lại vốn	677.959.875
Chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại	17.693.606
	695.653.481

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	138.199	154.080	-	-
Tiền gửi ngân hàng	263.310.842	77.774.081	234.588	83.619
Tiền đang chuyển	-	4.542.040	-	-
Các khoản tương đương tiền	203.771.219	697.944.000	3.053.978	400.000
	467.220.260	780.414.201	3.288.566	483.619



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>Phải thu ngắn hạn</b>				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (b)	-	-	44.598.599	-
Phải thu ngắn hạn khác (c)	466.781.196	410.152.488	72.118	2.298.420
	476.781.196	420.152.488	44.670.717	2.298.420
<b>Phải thu dài hạn</b>				
Chi phí đi vay – NPM (d)	-	-	909.990.962	909.990.962
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (e)	1.303.754.210	1.319.793.389	-	-
Phải thu theo HĐHTKD (f)	-	-	2.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	31.553.420	27.000.548	-	-
	1.335.307.630	1.346.793.937	3.409.990.962	909.990.962

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Phải thu ngắn hạn phản ánh khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là NPM và MTC (Thuyết minh 7(f)).
- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung gian không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được vào tháng 12 năm 2020 và không chịu lãi.
- (e) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.
- (f) Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 3 lần theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.
- Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 2 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Hàng tồn kho**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.063.836	23.743.788	-	-
Nguyên vật liệu	166.017.804	191.813.054	-	-
Công cụ và dụng cụ	556.865.086	571.169.311	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.900.326	76.753.984	-	-
Thành phẩm	746.927.733	420.995.855	-	-
Hàng gửi đi bán	11.239.353	124.586.977	-	-
	1.646.014.138	1.409.062.969	-	-

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	4.243.033.707	12.480.157.847	41.195.861	19.787.186	5.026.291.284	21.810.465.885
Tăng trong năm	-	2.622.544	742.913	-	-	3.365.457
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	455.150.296	141.885.779	-	4.786.840	-	601.822.915
Thanh lý	-	-	-	(4.615.741)	-	(4.615.741)
Số dư cuối năm	4.698.184.003	12.624.666.170	41.938.774	19.958.285	5.026.291.284	22.411.038.516
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	554.998.417	2.137.722.944	33.164.481	15.667.481	717.187.758	3.458.741.081
Khấu hao trong năm	251.305.392	728.039.111	3.454.242	1.850.236	204.273.555	1.188.922.536
Thanh lý	-	-	-	(4.568.382)	-	(4.568.382)
Số dư cuối năm	806.303.809	2.865.762.055	36.618.723	12.949.335	921.461.313	4.643.095.235
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.688.035.290	10.342.434.903	8.031.380	4.119.705	4.309.103.526	18.351.724.804
Số dư cuối năm	3.891.880.194	9.758.904.115	5.320.051	7.008.950	4.104.829.971	17.767.943.281

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 36.275 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 36.480 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.361 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (1/1/2018: 12.663 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)(i)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn:

	Máy móc và thiết bị Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	62.813.333
Khấu hao trong năm	4.486.667
Số dư cuối năm	67.300.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.486.667
Số dư cuối năm	-

Công ty con của Công ty - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính căn cứ vào các điều kiện và điều khoản thuê. Thiết bị thuê này đảm bảo các nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 19(b)(ii)).

Bao gồm trong chi phí cho thuê tài chính tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 67.300 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không) nhưng vẫn đang được sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 12. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính VND'000	Quyền khai thác khoáng sản VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	99.907.214	588.370.818	688.278.032
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	49.405.523	97.019.701	146.425.224
Khấu hao trong năm	11.949.246	30.550.329	42.499.575
Số dư cuối năm	61.354.769	127.570.030	188.924.799
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	50.501.691	491.351.117	541.852.808
Số dư cuối năm	38.552.445	460.800.788	499.353.233

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 12.145 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 10.127 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 498 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (1/1/2018: 540 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)(i)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập đoàn:

	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Số dư đầu năm	987.802.403	1.681.618.571
Tăng trong năm	1.064.767.221	802.396.482
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(601.822.915)	(1.440.359.745)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(10.337.244)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(4.693.269)	(45.515.661)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(16.874.539)	-
Số dư cuối năm	1.429.178.901	987.802.403

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 41 tỷ VND (2017: 92 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Đầu tư vào một công ty con</b>				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Vonfram Masan ("MTC") (trước đây là Công ty TNHH Tỉnh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên	Chi phí khai thác khoáng sản khác	Chi phí trả trước khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.303.896.280	51.563.205	2.440.860.012
Tăng trong năm	-	-	-	270.210.959	13.157.599	283.368.558
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	-	4.693.269	-	-	-	4.693.269
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	14.419.287	-	-	-	14.419.287
Phân bổ trong năm	(2.093.948)	(68.796.442)	(2.000.000)	(84.300.275)	(9.708.533)	(166.899.198)
Số dư cuối năm	-	1.031.622.693	-	1.489.806.964	55.012.271	2.576.441.928

**Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên**

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Tập đoàn:	1/1/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	31/12/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	611.025.866	(611.025.866)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	186.761.323	(186.761.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.324.167	35.190.165	(36.533.036)	34.981.296
Thuế bảo vệ môi trường	-	6.549.018	(6.549.018)	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.813.111	149.895.326	(154.925.476)	29.782.961
Thuế tài nguyên	-	555.686.881	(555.686.881)	-
Các loại thuế khác	3.420.920	23.308.636	(24.723.310)	2.006.246
	74.558.198	1.568.417.215	(1.576.204.910)	66.770.503

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	83.288.151	50.729.204	-	-
Tiền lãi vay phải trả	280.911.923	314.419.346	40.619.178	-
Chi phí tài chính khác	6.486.066	2.264.974	-	-
Thuế và phí tài nguyên	10.034.090	145.839.605	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	80.589.745	57.969.060	-	-
Phí tư vấn	2.238.200	1.126.242	-	-
Chi phí hoạt động	271.254.527	214.477.204	-	-
Chi phí phải trả khác	5.943	1.380.829	395.100	424.490
	734.808.645	788.206.464	41.014.278	424.490

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Ngắn hạn:</b>				
<b>Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ cấp trung gian</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
<b>Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
<b>Phải trả khác cho các bên thứ ba</b>				
Phải trả khác – ngắn hạn	65.383.070	1.407.393	3.221.949	100.000
	67.894.855	3.919.178	16.028.419	12.906.470
<b>Dài hạn:</b>				
<b>Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất</b>				
Chi phí tài chính – dài hạn (b)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175

(a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

(b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và sẽ được thanh toán trong tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Tập đoàn:	1/1/2018		Biến động trong năm				31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Thanh toán	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Phân loại lại từ vay dài hạn	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.397.131.326	2.397.131.326	3.517.713.852	(3.456.320.201)	8.836.058	-	2.467.361.035	2.467.361.035
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	1.007.662.690	1.007.662.690	-	(1.009.026.327)	-	1.363.637	-	-
	3.404.794.016	3.404.794.016	3.517.713.852	(4.465.346.528)	8.836.058	1.363.637	2.467.361.035	2.467.361.035

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Tập đoàn		Công ty		
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1.160.156.910	903.910.500	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	808.600.820	567.938.909	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	201.929.965	321.343.941	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (iii)	USD	-	603.937.976	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	296.673.340	-	-	-
		2.467.361.035	2.397.131.326	-	-

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 4,01% đến 4,78% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tâm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 10,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một nhà đầu tư trước đây của một trong các công ty con. Khoản vay không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tâm nhìn Masan nắm giữ. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,2% một năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	9.491.007.736	8.966.563.605	2.500.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	-	9.026.327	-	-
	9.491.007.736	8.975.589.932	2.500.000.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	-	(1.007.662.690)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.491.007.736	7.967.927.242	2.500.000.000	-

**(i) Trái phiếu dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

Năm đáo hạn		Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	2018	-	998.636.363	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	2020	5.519.052.180	7.967.927.242	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	2020	994.333.333	-	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (d)	2023	496.333.333	-	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (e)	2021	992.888.890	-	1.000.000.000	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (f)	2023	1.488.400.000	-	1.500.000.000	-
		9.491.007.736	8.966.563.605	2.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này ở cấp Tập đoàn được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI") phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 2,0%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM") sử dụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI và được đảm bảo bằng 21,64% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Toàn bộ số trái phiếu này đã được hoàn trả trong tháng 6 năm 2018.
- (b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM.
- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (d) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (e) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 7(f)).
- (f) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với Công ty TNHH Vonfram Masan (Thuyết minh 7(f)).

**(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	1/1/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng 1 năm	9.398.868	372.541	9.026.327

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.282.349	14.686.791	-	-

**(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	613.430.657	643.914.399	-	-

**(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VND	Công ty Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	6.501.066	1.846.420
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.764	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	2.306.302	1.846.420
	6.501.066	1.846.420

(\*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

Tập đoàn:	Khôi phục hiện trường Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279
Dự phòng lập trong năm	1.874.460	39.140.197	41.014.657
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.652)	(73.145.652)
Số dư cuối năm	26.218.097	466.446.187	492.664.284



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty						
	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND	
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.551.804.716	11.394.921.973	315.558.310	11.710.480.283
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	205.914.056	205.914.056	95.211.708	301.125.764
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	663.756.323	663.756.323	146.245.356	810.001.679
Phát hành cổ phiếu thường	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-	-	-	-
Mua phần vốn của cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	(138.638.107)	(138.638.107)	(557.015.374)	(695.653.481)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245

Công ty:	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.980.638	9.443.781.242
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.265	11.265
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.757.699	1.757.699
Phát hành cổ phiếu thường	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	15.902.430	159.024.300
	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	15.902.430	159.024.300
	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	145.709.384	-	1.944.327.324

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đồng của Công ty. Các cổ đồng được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VND và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đồng phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày 25 tháng 1 năm 2017. Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt việc chuyển đổi 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi cổ tức do Công ty phát hành thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ chuyển đổi 1/1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Biến động của Vốn cổ phần và Thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số dư đầu năm	719.447.328	7.194.473.280
Phát hành cổ phiếu thưởng	179.861.794	1.798.617.940
Số dư cuối năm	899.309.122	8.993.091.220
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		
Số dư đầu năm	-	1.944.327.324
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	(1.798.617.940)
Số dư cuối năm	-	145.709.384

Ngày 1 tháng 8 năm 2018, Công ty công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng thông qua việc tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần như đã được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 138/2018/NQ-ĐHĐCĐ. Tại ngày danh sách cổ đông đã hưởng quyền, ngày 31 tháng 8 năm 2018, mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu phổ thông hiện tại nhận được thêm 25 cổ phiếu thưởng. Ngày 28 tháng 9 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty ra Nghị quyết phê duyệt phát hành cổ phiếu thưởng để tăng 1.798.617.940.000 VND vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu đối với 179.861.794 cổ phiếu. Ngày 8 tháng 10 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 638/QĐ-SGDHN phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu đối với 179.861.794 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Tập đoàn:	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Trong vòng một năm	2.460.000	2.806.500
Trong vòng hai đến năm năm	5.740.000	9.791.000
Sau năm năm	-	2.079.000
	8.200.000	14.676.500

##### (b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	9.766.512	227.402.336	2.767.589	62.713.581

##### (c) Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn:	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.433.002	9.577.438

##### (d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

Tập đoàn:	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	24.397.849	4.676.153
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	57.111.513	267.822.247
	81.509.362	272.498.400



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Điều chỉnh giá bán chính thức**

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tổng doanh thu tính theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 384 tỷ VND (31/12/2017: 65 tỷ VND).

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Tập đoàn		Công ty	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	26.443.265	9.505.661	70.872	14.265
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.710.104	31.244.195	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.637.380	1.249.736	-	-
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	-	-	44.598.599	-
	126.790.749	41.999.592	44.669.471	14.265

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Chi phí tài chính**

	Tập đoàn		Công ty	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí lãi vay	997.110.422	924.623.381	40.619.178	-
Chi phí đi vay	82.686.589	88.370.796	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	62.956.445	29.937.581	-	-
Chi phí tài chính khác	62.076.540	94.992.260	136.856	-
	1.204.829.996	1.137.924.018	40.756.034	-

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Tập đoàn		Công ty	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Năm hiện hành	35.190.165	36.841.033	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	18.110.865	(9.003.312)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Tập đoàn		Công ty	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	165.622.509	58.424.490	351.540	2.253
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.924.546	9.351.549	-	-
Ưu đãi thuế	(81.283.126)	(48.822.813)	-	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(75.159.542)	(33.625.258)	-	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	(351.540)	(9.151.359)	(351.540)	(2.253)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	37.589	-	-
Biến động chênh lệch tạm thời	7.358.018	14.782.490	-	-
	18.110.865	(9.003.312)	-	-

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Một số công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế đáng kể như sau:

- Ngày 25 tháng 3 năm 2015, một công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).
- Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, một công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 658.330 triệu VND (2017: 201.363 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 891.956.971 cổ phiếu (điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 879.431.085 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông**

	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	5.426.428	4.551.457
Cổ đông phổ thông	658.329.895	201.362.599
	663.756.323	205.914.056

**(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền**

	2018	2017
		(Điều chỉnh lại)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm	703.544.898	703.544.898
Chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông ngày 16/5/2018	10.020.709	-
Phát hành cổ phiếu thường ngày 31/08/2018	178.391.364	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	891.956.971	879.431.085



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sau khi phát hành cổ phiếu thường trong năm 2018 (Thuyết minh 23), số cổ phiếu phổ thông được phát hành cho các cổ đông hiện hữu không phát sinh phụ trội, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đã điều chỉnh số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm 2017.

Số liệu trình bày cho các năm trước được điều chỉnh như sau:

	2017 (Điều chỉnh lại)
Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và cuối năm – theo báo cáo tài chính các năm trước	703.544.898
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thường ngày 31/08/2018	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 – đã điều chỉnh	879.431.085

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

#### (a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn tương đương với 829.388 triệu VND (1/1/2018: Không) và 1.499.990 triệu VND (1/1/2018: Không).

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty tương đương với 282.090 triệu VND (1/1/2018: Không) và 1.499.990 triệu VND (1/1/2018: Không).

#### (b) Giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn:

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018	2017
		Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	17.260.159	-
<b>Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	109.606.407	93.871.473
	Khoản vay nhận được	1.651.044.370	1.194.606.629
	Khoản vay đã trả	1.406.718.782	977.695.578
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	3.800.000.000	-
<b>Cán bộ quản lý chủ chốt</b>			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	29.448.024	23.444.644
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Thành viên thuộc Hội đồng Quản trị	Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên	720.924.481	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018	2017
		Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	17.260.159	-
<b>Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
TCB và các công ty con	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	2.500.000.000	-
<b>Các công ty con</b>			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Doanh thu tài chính nhận được	-	28.249.448
	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	32.922.901	-
	Góp vốn cho HĐHTKD	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	11.675.698	-
	Góp vốn cho HĐHTKD	1.000.000.000	-

(\*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(\*\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	Tập đoàn		Công ty	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chuyển lãi vay phải trả thành gốc vay	-	34.097.152	-	-

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:

  
Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

  
Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

  
Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc



## Khuyến cáo đối với các nhận định về tương lai

Báo cáo này chứa đựng những thông tin có thể bao hàm những “nhận định về tương lai”. Nói chung, các từ ngữ “tin tưởng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “nhắm đến”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “sẽ” và những từ ngữ tương tự xác định các nhận định về tương lai, mà nhìn chung không phải là các sự kiện đã xảy ra thực tế. Tuy nhiên, việc một nhận định không có các từ ngữ này hoặc các từ ngữ tương tự không có nghĩa là nhận định đó không phải là nhận định về tương lai. Toàn bộ các nhận định về kết quả hoạt động, các sự kiện hoặc sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai – bao gồm các nhận định về mức độ tăng trưởng, thị phần bán hàng và lợi nhuận trên mức độ tăng trưởng thị phần, và các nhận định về quan điểm chung đối với kết quả hoạt động trong tương lai – là những nhận định về tương lai.

Ban điều hành tin rằng những nhận định về tương lai là hợp lý tại thời điểm được đưa ra. Tuy nhiên các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về tương lai nào trong báo cáo này bởi vì các nhận định về tương lai này được đề cập vào ngày lập báo cáo. Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới, những sự kiện tương lai hoặc bất kỳ diễn biến nào khác, ngoại trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về tương lai còn tùy thuộc vào nhiều rủi ro và những bất trắc có thể khiến kết quả được kiểm toán hoàn toàn khác biệt so với những kết quả trước đây của Công ty và những kỳ vọng hoặc mong đợi hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro này bao gồm các rủi ro về định giá sản phẩm và giá bán của Công ty đối với Vonfram, Đồng, Florit và Bismut được xác định bởi, hoặc có liên quan đến giá cả trên thị trường thế giới, mà đã từng xảy ra biến động lớn. Sự biến động về giá sản phẩm có thể xảy ra do các thay đổi về giá từ các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu, nhu cầu của ngành công nghiệp, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn tài nguyên hữu ích mới, thay đổi công nghệ, sản phẩm thay thế và các khoản thuế của nhà nước. Sự biến động về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu và giá cả hàng hóa trong tương lai. Điều này cũng tiềm ẩn tác động tiêu cực đến lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai. Những rủi ro và bất trắc này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, những nội dung được đề cập tại các phần khác của báo cáo này và những nội dung được đề cập tại từng thời điểm trong các báo cáo tương lai của chúng tôi được nộp cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Báo cáo này không được phát hành tại Hoa Kỳ. Báo cáo này và các thông tin chứa đựng trong báo cáo này không phải là một bản chào bán chứng khoán tại Hoa Kỳ. Chứng khoán có thể không được phép chào bán tại Hoa Kỳ nếu không đăng ký theo Luật Chứng khoán năm 1933 của Hoa Kỳ, như được sửa đổi, hoặc không được miễn đăng ký. Bất kỳ việc chào bán công khai nào đối với chứng khoán tại Hoa Kỳ sẽ phải được thực hiện bằng bản cáo bạch mà có thể được cung cấp bởi tổ chức phát hành chứng khoán hoặc người nắm giữ các chứng khoán được chào bán và sẽ có các thông tin chi tiết về công ty và ban điều hành công ty cũng như báo cáo tài chính.

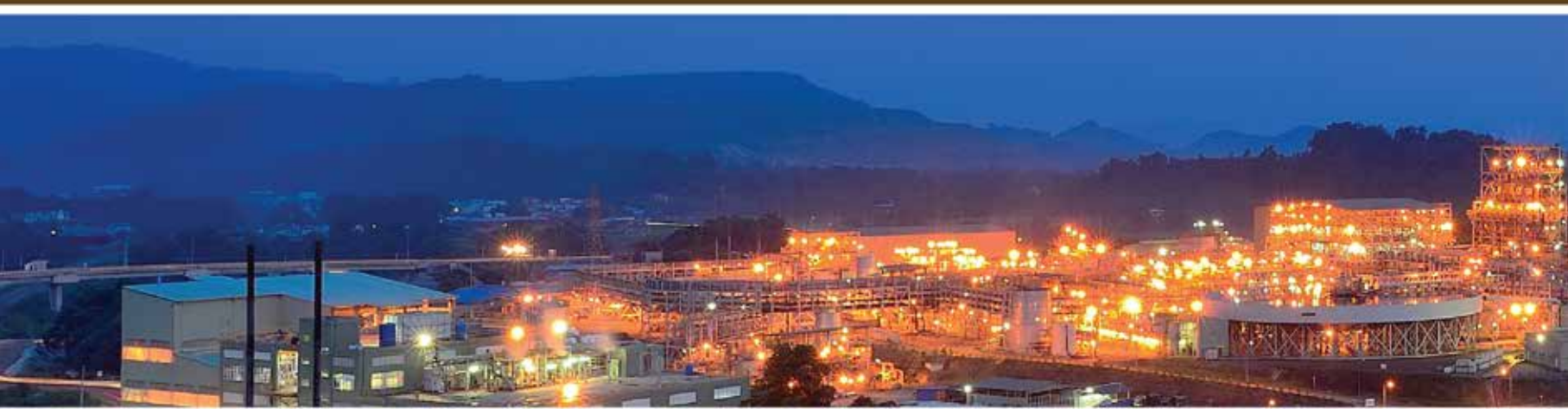
## Các từ viết tắt/ Định nghĩa

APT	Muối kết tinh Amoni Vonframmat
AGM	Hội nghị Thường niên
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
BAH	Người bị ảnh hưởng bởi Dự án
BKS	Ban Kiểm soát của Công ty
BỘ KHCCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
BỘ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BSF	Tuyển nổi sunfua khối lớn
BTO	Oxit Vonfram xanh
CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
CỔ PHIẾU	Cổ phiếu được phát hành và đang lưu hành của Công ty tại từng thời điểm
Công ty hoặc MSR hoặc Masan Resources	Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
CSMT	Phòng Cảnh sát Môi trường (Thái Nguyên)
CPEP	Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua trồng cây Năng lượng
CSR	Trách nhiệm xã hội
Dự án Núi Pháo	Dự án Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 17121000026 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/07/2010 (điều chỉnh bổ sung theo từng thời điểm)
EATC	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường
EBITDA	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EPS	Lợi nhuận (thu nhập) trên mỗi cổ phiếu
FPR	Sản phẩm gia công
JSA	Phân tích An toàn Công việc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GHG	Khí thải gây hiệu ứng nhà kính
HA	Nhận thức Mối nguy
Hội đồng Quản trị hoặc HĐQT	Hội đồng Quản trị của Công ty

H.C. Starck	Công ty H.C.Starck	Ủy ban Nhân dân	Ủy ban Nhân dân
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết	Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết
ICMM	Hội đồng Khoáng sản và Kim loại Quốc tế	Đơn vị tiền tệ của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	Đơn vị tiền tệ của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế	VAS	Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế	VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
IT	Công nghệ thông tin	VietGAP	Chứng chỉ về Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam
ITIA	Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế	VND	Đơn vị tiền tệ của Nước CHXHCN Việt Nam
LCD	Màn hình tinh thể lỏng	VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Liên doanh	Công ty Liên doanh giữa Công ty Núi Pháo và H.C.Starck	YTO	Oxit Vonfram Vàng
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014	WWTP	Trạm xử lý nước thải
OPEC	Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ		
Masan Group	MSN và các công ty con		
MTF	Phái đoàn Đặc trách về Khai khoáng APEC		
mtu	tấn		
MSC	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
NAWAPI	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên Nước Quốc gia (Bộ Tài Nguyên và Môi trường)		
NHTCM	Công ty TNHH tinh luyện Vonfram Núi Pháo Núi Pháo – H.C. Starck		
OTC	Đập chứa đuôi quặng oxit		
R&D	Nghiên cứu và Phát triển		
Sở KHCN	Sở Khoa học & Công nghệ		
SCM	Quản lý chuỗi cung ứng		
STC	Đập chứa đuôi quặng sulphua		
TNTI	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên		
TRIF	Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận		
TSF	Khu chứa quặng đuôi		
UB	Ủy ban		







## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 6256 3862  
Fax : +84 28 3827 4115

*Văn phòng đại diện*  
Tầng 15, tòa tháp Quốc tế Hòa Bình,  
106 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy,  
Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84 24 3718 2490  
Fax : +84 24 3718 2491